

Số: 37 /2013/TT-BTNMT

Hà Nội, ngày 30 tháng 10 năm 2013

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên

Căn cứ Nghị định số 12/2002/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2002 của Chính phủ về hoạt động đo đạc và bản đồ;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Đo đạc và Bản đồ Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 15 tháng 12 năm 2013.

Điều 3. Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Nội vụ và Sở TN&MT tỉnh Thái Nguyên;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Các đơn vị trực thuộc Bộ TN&MT, Website Bộ TN&MT;
- Công báo, Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Lưu: VT, PC, ĐDBĐVN.

h *liet* *asofa*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Linh Ngọc

DANH MỤC ĐỊA DANH
DÂN CƯ, SƠN VẤN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ
CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH THÁI NGUYÊN

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 37 /2013/TT-BTNMT
ngày 30 tháng 10 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)*

Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG

1. Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên được chuẩn hóa từ địa danh thống kê trên bản đồ địa hình quốc gia tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 Hệ VN-2000.

2. Danh mục địa danh tỉnh Thái Nguyên được sắp xếp theo thứ tự bảng chữ cái tiếng Việt của các đơn vị hành chính cấp huyện gồm thành phố Thái Nguyên, thị xã Sông Công và các huyện, trong đó:

a) Cột “Địa danh” là các địa danh đã được chuẩn hóa, địa danh trong ngoặc đơn là tên gọi khác của địa danh.

b) Cột “Nhóm đối tượng” là ký hiệu các nhóm địa danh; trong đó: DC là nhóm địa danh dân cư; SV là nhóm địa danh sơn văn; TV là nhóm địa danh thủy văn; KX là nhóm địa danh kinh tế - xã hội.

c) Cột “Tên ĐVHC cấp xã” là tên đơn vị hành chính cấp xã, trong đó: P. là chữ viết tắt của “phường”, TT. là chữ viết tắt của “thị trấn”.

d) Cột “Tên ĐVHC cấp huyện” là tên đơn vị hành chính cấp huyện, trong đó: TP. là chữ viết tắt của “thành phố”, H. là chữ viết tắt của “huyện”, TX. là chữ viết tắt của “thị xã”.

đ) Cột “Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng” là tọa độ vị trí tương đối của đối tượng địa lý tương ứng với địa danh trong cột “Địa danh”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng điểm, dạng vùng thì giá trị tọa độ tương ứng theo cột “Tọa độ trung tâm”, nếu đối tượng địa lý được thể hiện trên bản đồ bằng ký hiệu dạng đường thì giá trị tọa độ tương ứng theo 2 cột “Tọa độ điểm đầu” và “Tọa độ điểm cuối”.

e) Cột “Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình” là ký hiệu mảnh bản đồ địa hình tỷ lệ 1:25.000 và 1:50.000 sử dụng để thống kê địa danh.

g) Trường hợp địa danh mới được bổ sung vào Danh mục và chưa có trên bản đồ địa hình quy định tại mục 1 Phần này thì phải thể hiện đầy đủ tên địa danh, nhóm đối tượng, tên ĐVHC cấp xã, tên ĐVHC cấp huyện.

Phần II

DANH MỤC ĐỊA DANH DÂN CƯ, SƠN VĂN, THỦY VĂN, KINH TẾ - XÃ HỘI PHỤC VỤ CÔNG TÁC THÀNH LẬP BẢN ĐỒ TỈNH THÁI NGUYÊN

Danh mục địa danh dân cư, sơn văn, thủy văn, kinh tế - xã hội phục vụ công tác thành lập bản đồ tỉnh Thái Nguyên gồm địa danh của các đơn vị hành chính cấp huyện được thống kê trong bảng sau:

STT	Đơn vị hành chính cấp huyện	Trang
1	Thành phố Thái Nguyên	3
2	Thị xã Sông Công	9
3	Huyện Đại Từ	12
4	Huyện Định Hóa	25
5	Huyện Đồng Hỷ	36
6	Huyện Phổ Yên	45
7	Huyện Phú Bình	53
8	Huyện Phú Lương	61
9	Huyện Võ Nhai	70

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Cầu	TV	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên			21° 34' 19"	105° 51' 47"	21° 33' 17"	105° 53' 25"	F-48-56-D-d
xóm Lau	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 34' 16"	105° 53' 18"					F-48-56-D-d
cầu Lưu Xá	KX	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 04"	105° 51' 53"					F-48-56-D-c
xóm Múi	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 58"	105° 53' 11"					F-48-56-D-d
xóm Nải	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 34' 12"	105° 52' 54"					F-48-56-D-d
xóm Nền	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 34' 09"	105° 52' 19"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 2	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 58"	105° 51' 19"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 22	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 05"	105° 52' 43"					F-48-56-D-d
tổ dân phố Số 28	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 05"	105° 52' 18"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 30	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 05"	105° 52' 09"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 5	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 59"	105° 51' 42"					F-48-56-D-c
Xí nghiệp Tẩm lợp Cam Giá	KX	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 34' 05"	105° 52' 14"					F-48-56-D-c
xóm Tân Thịnh	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 41"	105° 52' 48"					F-48-56-D-d
xóm Xen	DC	P. Cam Giá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 52' 22"					F-48-56-D-c
khối 2	DC	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 18"	105° 51' 05"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên			21° 34' 01"	105° 50' 23"	21° 34' 18"	105° 51' 46"	F-48-56-D-c
Công ty Cổ phần Luyện cán thép Gia Sàng	KX	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 38"	105° 50' 39"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	P. Gia Sàng	TP. Thái Nguyên			21° 34' 51"	105° 51' 32"	21° 34' 18"	105° 51' 47"	F-48-56-D-c
khu 2	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 38"	105° 52' 39"					F-48-56-D-d
khu 3	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 39"	105° 52' 26"					F-48-56-D-c
khu 4	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 35"	105° 52' 58"					F-48-56-D-d
xóm An Ninh	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 33' 03"	105° 53' 32"					F-48-56-D-d
xóm Bình Dân	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 24"	105° 53' 01"					F-48-56-D-d
xóm Cam Giá	DC	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 34"	105° 53' 29"					F-48-56-D-d
sông Cầu	TV	P. Hương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 32' 03"	105° 52' 46"	21° 32' 35"	105° 53' 37"	F-48-56-D-d
cụm 2	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 28"	105° 50' 30"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên			21° 33' 15"	105° 50' 18"	21° 32' 29"	105° 51' 20"	F-48-56-D-c
cụm 4	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 11"	105° 50' 46"					F-48-56-D-c
cụm 6	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 03"	105° 51' 29"					F-48-56-D-c
cụm 7	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 32' 56"	105° 51' 06"					F-48-56-D-c
ga Lưu Xá	KX	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 50' 46"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ngõ	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 46"	105° 50' 35"					F-48-56-D-c
xóm Phú Thọ	DC	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 32' 42"	105° 51' 13"					F-48-56-D-c
Nhà máy Xi măng Lưu Xá	KX	P. Phú Xá	TP. Thái Nguyên	21° 33' 51"	105° 50' 60"					F-48-56-D-c
Công ty Cổ phần Giấy Hoàng Văn Thụ	KX	P. Quan Triều	TP. Thái Nguyên	21° 36' 48"	105° 48' 19"					F-48-56-D-c
Công ty Nhiệt điện Cao Ngạn	KX	P. Quan Triều	TP. Thái Nguyên	21° 36' 48"	105° 48' 42"					F-48-56-D-c
Quan Triều	DC	P. Quan Triều	TP. Thái Nguyên	21° 36' 07"	105° 48' 09"					F-48-56-D-c
ga Quan Triều	KX	P. Quan Triều	TP. Thái Nguyên	21° 36' 21"	105° 47' 60"					F-48-56-D-c
xóm Thông Nhất	DC	P. Quang Trung	TP. Thái Nguyên	21° 36' 04"	105° 49' 09"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên			21° 36' 52"	105° 48' 55"	21° 36' 06"	105° 49' 55"	F-48-56-D-c
tổ Cửa Ngòi	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 16"	105° 49' 48"					F-48-56-D-c
cầu Mỏ Bạch	KX	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 15"	105° 49' 06"					F-48-56-D-c
tổ Quang Vinh	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 27"	105° 49' 30"					F-48-56-D-c
tổ Quyết Tiến	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 53"	105° 49' 56"					F-48-56-D-c
tổ Soi Dầu	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 38"	105° 49' 44"					F-48-56-D-c
tổ Thân Vi	DC	P. Quang Vinh	TP. Thái Nguyên	21° 36' 17"	105° 48' 43"					F-48-56-D-c
tổ 10	DC	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 22"	105° 49' 38"					F-48-56-D-c
tổ 11	DC	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 02"	105° 49' 48"					F-48-56-D-c
tổ 12	DC	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 45"	105° 49' 54"					F-48-56-D-c
Cơ khí 19-5	KX	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 56"	105° 49' 50"					F-48-56-D-c
Xi nghiệp Kết cấu Thép Quân đội	KX	P. Tân Lập	TP. Thái Nguyên	21° 33' 31"	105° 50' 06"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên			21° 36' 48"	105° 48' 04"	21° 37' 27"	105° 47' 19"	F-48-56-D-c
xóm Cầu	DC	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 36' 60"	105° 47' 01"					F-48-56-D-c
xóm Cây Sui	DC	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 37' 07"	105° 47' 06"					F-48-56-D-c
xóm Chùa	DC	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 36' 56"	105° 47' 55"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Sang	DC	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 37' 09"	105° 47' 27"					F-48-56-D-c
cầu Số 5	KX	P. Tân Long	TP. Thái Nguyên	21° 37' 00"	105° 47' 41"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 3	DC	P. Tân Thành	TP. Thái Nguyên	21° 31' 29"	105° 52' 09"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 8	DC	P. Tân Thành	TP. Thái Nguyên	21° 31' 40"	105° 52' 38"					F-48-56-D-c
tổ dân phố Số 14	DC	P. Tân Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 03"	105° 53' 12"					F-48-56-D-c
Bệnh viện A	KX	P. Thịnh Đán	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 48' 45"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên			21° 31' 34"	105° 51' 56"	21° 33' 17"	105° 50' 08"	F-48-56-D-c
cầu Ba Cống	KX	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 34"	105° 51' 56"					F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bắc Lương	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 56"	105° 50' 08"					F-48-56-D-c
xóm Cầu Thông	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 38"	105° 50' 36"					F-48-56-D-c
xóm Châm Lãm	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 06"	105° 51' 10"					F-48-56-D-c
núi Cọc Mắc	SV	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 11"	105° 49' 30"					F-48-56-D-c
Trường Đào tạo nghề Cơ điện Luyện kim	KX	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 49"	105° 51' 15"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Yên	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 10"	105° 49' 55"					F-48-56-D-c
xóm Hào Thọ	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 26"	105° 51' 12"					F-48-56-D-c
núi Kiều	SV	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 53"	105° 50' 17"					F-48-56-D-c
xóm Na Cóm	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 03"	105° 51' 07"					F-48-56-D-c
sườn Nà Đà	TV	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên			21° 31' 58"	105° 50' 47"	21° 31' 34"	105° 51' 56"	F-48-56-D-c
xóm Trung Lương	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 06"	105° 51' 35"					F-48-56-D-c
xóm Tung	DC	P. Tích Lương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 20"	105° 50' 11"					F-48-56-D-c
cụm 6	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 24"	105° 52' 02"					F-48-56-D-c
tập thể Cán 650	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 12"	105° 52' 17"					F-48-56-D-c
xóm Khau Muối	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 19"	105° 51' 45"					F-48-56-D-c
xóm La Lánh	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 32' 41"	105° 51' 44"					F-48-56-D-c
xóm Phố Hương	DC	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên	21° 31' 58"	105° 52' 08"					F-48-56-D-c
sườn Vó Ngựa	TV	P. Trung Thành	TP. Thái Nguyên			21° 31' 34"	105° 51' 56"	21° 32' 03"	105° 52' 46"	F-48-56-D-c
xóm Dân Tiến	DC	P. Túc Xuyên	TP. Thái Nguyên	21° 35' 33"	105° 51' 20"					F-48-56-D-c
xóm Oánh	DC	P. Túc Xuyên	TP. Thái Nguyên	21° 36' 16"	105° 50' 57"					F-48-56-D-c
ngôi Vúi Tiên	TV	P. Túc Xuyên	TP. Thái Nguyên			21° 35' 17"	105° 51' 08"	21° 34' 52"	105° 51' 30"	F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên			21° 38' 57"	105° 48' 28"	21° 37' 03"	105° 50' 09"	F-48-56-D-a, F-48-56-D-c
xóm Cổ Rùa	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 27"	105° 49' 59"					F-48-56-D-c
xóm Gò Chè	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 37"	105° 48' 59"					F-48-56-D-a
xóm Góc Vối I	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 44"	105° 48' 44"					F-48-56-D-a
xóm Hội Hiếu	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 41"	105° 48' 25"					F-48-56-D-a
xóm Hợp Thành	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 19"	105° 48' 51"					F-48-56-D-a
xóm Làng Vàng	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 38"	105° 48' 41"					F-48-56-D-a
xóm Phúc Lộc	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 43"	105° 49' 51"					F-48-56-D-a
xóm Phúc Thành	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 02"	105° 49' 11"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
cầu Quán Triều	KX	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 54"	105° 48' 15"					F-48-56-D-a
xóm Quyết Thắng	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 36"	105° 48' 58"					F-48-56-D-a
xóm Thác Lở	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 37' 10"	105° 49' 32"					F-48-56-D-c
xóm Vải	DC	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 36' 52"	105° 49' 15"					F-48-56-D-c
Nhà máy Xi măng Cao Ngạn	KX	xã Cao Ngạn	TP. Thái Nguyên	21° 38' 05"	105° 48' 50"					F-48-56-D-a
quốc lộ 1B	KX	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên			21° 36' 01"	105° 50' 01"	21° 36' 52"	105° 50' 15"	F-48-56-D-c
xóm Đồng	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 21"	105° 50' 16"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Bẩm	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 54"	105° 50' 38"					F-48-56-D-c
xóm Đồng Tâm	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 15"	105° 50' 00"					F-48-56-D-c
xóm Gia Bẩy	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 05"	105° 50' 11"					F-48-56-D-c
cầu Gia Bẩy	KX	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 01"	105° 50' 01"					F-48-56-D-c
xóm Nhị Hoà	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 37' 13"	105° 51' 04"					F-48-56-D-c
xóm Tân Hương	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 54"	105° 50' 30"					F-48-56-D-c
xóm Tân Thành	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 52"	105° 50' 55"					F-48-56-D-c
xóm Văn Thành	DC	xã Đồng Bẩm	TP. Thái Nguyên	21° 36' 24"	105° 50' 38"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KX	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 29' 13"	105° 52' 21"	21° 30' 55"	105° 52' 01"	F-48-56-D-c
quốc lộ 37	KX	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 31' 39"	105° 53' 02"	21° 30' 32"	105° 53' 47"	F-48-56-D-d
xóm Bàn	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 23"	105° 53' 12"					F-48-56-D-d
xóm Cầu	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 58"	105° 54' 01"					F-48-56-D-d
sông Cầu	TV	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 32' 38"	105° 53' 39"	21° 31' 03"	105° 54' 51"	F-48-56-D-d
kênh Chính	TV	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên			21° 30' 44"	105° 51' 59"	21° 29' 41"	105° 53' 07"	F-48-56-D-d
xóm Cừ	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 49"	105° 53' 55"					F-48-56-D-d
xóm Đồng	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 24"	105° 53' 32"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 44"	105° 53' 21"					F-48-56-D-d
xóm Ga	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 45"	105° 52' 52"					F-48-68-B-b
xóm Ké	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 16"	105° 54' 34"					F-48-56-D-d
xóm Linh Sơn	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 38"	105° 53' 15"					F-48-56-D-d
ga Lương Sơn	KX	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 33"	105° 52' 33"					F-48-68-B-b
xóm Ngạn	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 19"	105° 52' 47"					F-48-56-D-c
xóm Nha Làng	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 32"	105° 54' 01"					F-48-56-D-d
xóm Pha	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 21"	105° 53' 20"					F-48-56-D-d
xóm Phú Thái	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 48"	105° 53' 43"					F-48-56-D-d
xóm Sau	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 53"	105° 51' 59"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Soi	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 32' 15"	105° 54' 04"					F-48-56-D-d
xóm Thái Lương	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 31' 11"	105° 52' 16"					F-48-56-D-c
xóm Tiến Bộ	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 30' 37"	105° 53' 07"					F-48-56-D-d
xóm Trước	DC	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 46"	105° 52' 24"					F-48-68-B-a
Trường Văn hoá Công An	KK	xã Lương Sơn	TP. Thái Nguyên	21° 29' 33"	105° 52' 33"					F-48-68-B-b
xóm Châm Hồng	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 35' 38"	105° 47' 14"					F-48-56-D-c
xóm Hà	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 36' 00"	105° 47' 07"					F-48-56-D-c
xóm Hồng	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 35' 42"	105° 46' 34"					F-48-56-D-c
Mỏ than Khánh Hoà	KK	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 36' 40"	105° 46' 54"					F-48-56-D-c
xóm Nam Tiền	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 36' 30"	105° 46' 28"					F-48-56-D-c
suối Nam Tiền	TV	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên			21° 36' 30"	105° 46' 16"	21° 36' 52"	105° 46' 38"	F-48-56-D-c
xóm Um	DC	xã Phúc Hà	TP. Thái Nguyên	21° 36' 27"	105° 47' 32"					F-48-56-D-c
đường tỉnh 267	KK	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên			21° 34' 47"	105° 44' 01"	21° 32' 51"	105° 44' 51"	F-48-56-C-d
núi Ao Trời	SV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 32' 47"	105° 43' 12"					F-48-56-C-d
xóm Cây Re	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 46"	105° 44' 50"					F-48-56-C-d
kênh Chính	TV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên			21° 33' 30"	105° 43' 47"	21° 33' 41"	105° 46' 33"	F-48-56-C-d
sông Công	TV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên			21° 33' 19"	105° 43' 32"	21° 32' 45"	105° 44' 48"	F-48-56-C-d
đảo Dê Lông Hồ	TV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 42' 39"					F-48-56-C-d
xóm Đá Dựng	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 34' 19"	105° 43' 60"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Nội	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 34' 02"	105° 45' 57"					F-48-56-D-c
xóm Hồng Phúc	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 04"	105° 44' 02"					F-48-56-C-d
xóm Khuôn 2	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 16"	105° 45' 17"					F-48-56-D-c
đảo Kim Bằng	TV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 24"	105° 42' 24"					F-48-56-C-d
xóm Lai Thành	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 49"	105° 45' 36"					F-48-56-D-c
khu du lịch Nam Phương	KK	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 52"	105° 43' 32"					F-48-56-C-d
xóm Nhà Thờ	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 20"	105° 45' 48"					F-48-56-D-c
xóm Phúc Thuần	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 34' 03"	105° 44' 26"					F-48-56-C-d
xóm Phúc Tiến	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 26"	105° 44' 31"					F-48-56-C-d
xóm Phúc Trìu	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 19"	105° 46' 36"					F-48-56-D-c
xóm Soi Mít	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 22"	105° 44' 51"					F-48-56-C-d
xóm Thanh Phong	DC	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 34' 16"	105° 46' 12"					F-48-56-D-c
núi Voi Phun	SV	xã Phúc Trìu	TP. Thái Nguyên	21° 33' 53"	105° 43' 39"					F-48-56-C-d
đường tỉnh 270	KK	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên			21° 35' 25"	105° 42' 45"	21° 34' 59"	105° 45' 53"	F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐV/HC cấp xã	Tên ĐV/HC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cao Khánh	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 30"	105° 44' 07"							F-48-56-C-d
xóm Cao Tráng	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 57"	105° 44' 13"							F-48-56-C-d
xóm Cây Sy	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 34"	105° 44' 42"							F-48-56-C-d
xóm Cây Thị	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 12"	105° 45' 14"							F-48-56-C-d
xóm Đèo Đá	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 32"	105° 45' 10"							F-48-56-D-c
xóm Đồng Kiếm	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 19"	105° 45' 57"							F-48-56-D-c
xóm Đồng Lạnh	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 32"	105° 45' 13"							F-48-56-D-c
xóm Giõra	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 53"	105° 45' 44"							F-48-56-D-c
cầu Khuôn Năm	KX	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 27"	105° 43' 23"							F-48-56-C-d
xóm Long Giang	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 19"	105° 45' 17"							F-48-56-D-c
xóm Năm	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 36' 08"	105° 42' 55"							F-48-56-C-d
cầu Suối Đá	KX	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 35' 04"	105° 44' 30"							F-48-56-C-d
xóm Xuân Hòa	DC	xã Phúc Xuân	TP. Thái Nguyên	21° 34' 53"	105° 44' 47"							F-48-56-C-d
đường tỉnh 270	KX	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên			21° 34' 59"	105° 45' 53"	21° 34' 34"	105° 48' 02"			F-48-56-D-c
xóm Cây Xanh	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 45"	105° 47' 08"							F-48-56-D-c
kênh Chính	TV	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên			21° 33' 41"	105° 46' 33"	21° 33' 45"	105° 48' 12"			F-48-56-D-c
xóm Gia	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 25"	105° 47' 45"							F-48-56-D-c
xóm Gò Móc	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 32"	105° 46' 50"							F-48-56-D-c
suối Mỏ Bạch	TV	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên			21° 35' 13"	105° 46' 38"	21° 35' 58"	105° 48' 43"			F-48-56-D-c
xóm Nam Thành	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 05"	105° 47' 26"							F-48-56-D-c
xóm Nhà Thờ	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 08"	105° 46' 15"							F-48-56-D-c
xóm Nước Hai	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 33' 53"	105° 46' 50"							F-48-56-D-c
xóm Rừng Chùa	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 51"	105° 46' 11"							F-48-56-D-c
xóm Sơn Tiến	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 05"	105° 47' 45"							F-48-56-D-c
xóm Tân Lập	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 45"	105° 47' 56"							F-48-56-D-c
xóm Thái Sơn	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 08"	105° 46' 59"							F-48-56-D-c
xóm Trung Thành	DC	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 46"	105° 46' 29"							F-48-56-D-c
Nhà máy X84	KX	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 34' 58"	105° 47' 06"							F-48-56-D-c
Nhà máy Z115	KX	xã Quyết Thắng	TP. Thái Nguyên	21° 35' 26"	105° 47' 33"							F-48-56-D-c
đường tỉnh 267	KX	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên			21° 32' 51"	105° 44' 51"	21° 32' 38"	105° 46' 43"			F-48-56-D-c
suối Cầu Tây	TV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên			21° 32' 15"	105° 46' 57"	21° 31' 56"	105° 47' 37"			F-48-56-D-c
núi Con Phượng	SV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 03"	105° 45' 04"							F-48-56-D-c
sông Công	TV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên			21° 32' 45"	105° 44' 48"	21° 31' 34"	105° 47' 15"			F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đội Cấn	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 39"	105° 45' 54"					F-48-56-D-c
xóm Giuộc	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 58"	105° 47' 12"					F-48-56-D-c
núi Giuộc	SV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 54"	105° 46' 44"					F-48-56-D-c
xóm Hồng Thái II	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 48"	105° 45' 24"					F-48-56-D-c
dãy Mỏ Vàng	SV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 29"	105° 45' 51"					F-48-56-D-c
xóm Nam Hưng	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 08"	105° 46' 37"					F-48-56-D-c
xóm Nam Thái	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 16"	105° 46' 09"					F-48-56-D-c
núi Ông Nhì	SV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 16"	105° 05' 02"					F-48-56-D-c
xóm Soi Vàng	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 59"	105° 46' 02"					F-48-56-D-c
xóm Tân Thái	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 31' 09"	105° 45' 32"					F-48-56-D-c
suối Trại Trâu	TV	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên			21° 33' 04"	105° 45' 35"	21° 31' 39"	105° 46' 25"	F-48-56-D-c
xóm Y Na 2	DC	xã Tân Cương	TP. Thái Nguyên	21° 32' 57"	105° 46' 24"					F-48-56-D-c
nhà máy Z159	KK	xã Tân Thịnh	TP. Thái Nguyên	21° 34' 59"	105° 48' 43"					F-48-56-D-c
xóm Ao Miếu	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 31' 42"	105° 49' 05"					F-48-56-D-c
xóm Bến Đò	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 31' 01"	105° 48' 36"					F-48-56-D-c
xóm Cầu Đá	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 56"	105° 48' 57"					F-48-56-D-c
kênh Chính	TV	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên			21° 33' 45"	105° 48' 12"	21° 32' 47"	105° 49' 42"	F-48-56-D-c
xóm Cương Lăng	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 31' 33"	105° 47' 50"					F-48-56-D-c
xóm Đầu Phấn	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 24"	105° 47' 44"					F-48-56-D-c
suối Đầu Trâu	TV	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên			21° 32' 19"	105° 49' 26"	21° 31' 22"	105° 49' 12"	F-48-56-D-c
xóm Đức Cường	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 31' 40"	105° 48' 24"					F-48-56-D-c
xóm Đức Hòa	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 05"	105° 48' 32"					F-48-56-D-c
xóm Lượm	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 53"	105° 48' 14"					F-48-56-D-c
suối Na Đà	TV	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên			21° 31' 56"	105° 47' 37"	21° 31' 13"	105° 48' 18"	F-48-56-D-c
xóm Nhân Hòa	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 33' 13"	105° 47' 35"					F-48-56-D-c
xóm Phúc Hoà	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 35"	105° 47' 01"					F-48-56-D-c
xóm Tân Đức	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 33' 38"	105° 47' 17"					F-48-56-D-c
xóm Xuân Thịnh	DC	xã Thịnh Đức	TP. Thái Nguyên	21° 32' 01"	105° 48' 04"					F-48-56-D-c
quốc lộ 3	KK	P. Cải Đan	TX. Sông Công			21° 28' 25"	105° 51' 56"	21° 26' 25"	105° 51' 39"	F-48-68-B-a
tổ dân phố Ao Nго	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 19"	105° 52' 08"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Khuynh Thạch	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 28' 02"	105° 51' 59"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Nguyễn Bấy	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 31"	105° 51' 52"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Nguyễn Giả	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 28' 13"	105° 51' 38"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ dân phố Phố Mới	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 47"	105° 51' 57"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Xuân Gáo	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 42"	105° 51' 26"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Xuân Miếu	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 56"	105° 50' 50"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Xuân Thành	DC	P. Cải Đan	TX. Sông Công	21° 27' 29"	105° 51' 08"					F-48-68-B-a
đường tỉnh 282	KX	P. Lương Châu	TX. Sông Công			21° 29' 16"	105° 50' 01"	21° 28' 42"	105° 50' 16"	F-48-68-B-a
tổ dân phố Bá Xuyên	DC	P. Lương Châu	TX. Sông Công	21° 28' 48"	105° 50' 04"					F-48-68-B-a
Nhà máy ĐIEZEN	KX	P. Lương Châu	TX. Sông Công	21° 28' 41"	105° 49' 43"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Na Kháng	DC	P. Lương Châu	TX. Sông Công	21° 28' 49"	105° 49' 25"					F-48-68-B-a
xóm Lương Châu	DC	P. Mộ Chè	TX. Sông Công	21° 28' 36"	105° 50' 24"					F-48-68-B-a
bệnh viện C	KX	P. Phố Cò	TX. Sông Công	21° 26' 50"	105° 51' 36"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Phố Cò	DC	P. Phố Cò	TX. Sông Công	21° 27' 09"	105° 51' 25"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Tân Huyện	DC	P. Phố Cò	TX. Sông Công	21° 26' 49"	105° 50' 50"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Tân Mới	DC	P. Phố Cò	TX. Sông Công	21° 27' 20"	105° 50' 49"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Du	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 52"	105° 50' 05"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Hợp Thành	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 43"	105° 50' 51"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Kê	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 20"	105° 49' 45"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Tân Lập	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 28' 15"	105° 50' 30"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Ưng	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 29"	105° 50' 14"					F-48-68-B-a
tổ dân phố Vượng	DC	P. Thắng Lợi	TX. Sông Công	21° 27' 44"	105° 49' 35"					F-48-68-B-a
xóm Ao Càng	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 31' 00"	105° 49' 00"					F-48-56-D-c
xóm Bãi Hát	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 29' 50"	105° 49' 39"					F-48-68-B-a
xóm Chùa	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 29' 40"	105° 50' 06"					F-48-68-B-a
xóm Chúc	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 29' 45"	105° 49' 29"					F-48-68-B-a
xóm La Cánh	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 29' 24"	105° 49' 49"					F-48-68-B-a
xóm La Giang	DC	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 30' 07"	105° 49' 23"					F-48-56-D-c
núi Sắt	SV	xã Bá Xuyên	TX. Sông Công	21° 31' 17"	105° 49' 32"					F-48-56-D-c
xóm Bá Văn I	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 60"	105° 48' 01"					F-48-56-D-c
xóm Bá Văn II	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 44"	105° 47' 29"					F-48-56-D-c
xóm Bá Văn III	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 58"	105° 47' 39"					F-48-56-D-c
xóm Bá Văn V	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 26"	105° 47' 41"					F-48-56-D-c
xóm Bình Định	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 31' 11"	105° 47' 15"					F-48-56-D-c
núi Con Phượng	SV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 38"	105° 45' 38"					F-48-56-D-c
sông Công	TV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công			21° 31' 36"	105° 46' 16"	21° 28' 49"	105° 49' 04"	F-48-56-D-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
xóm Đồng Hưng	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 29' 54"	105° 47' 44"						F-48-68-B-a
đập Ghềnh Chè	TV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 49"	105° 46' 56"						F-48-56-D-c
sông Hai Luống	TV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công			21° 30' 51"	105° 46' 56"	21° 31' 17"	105° 47' 40"		F-48-56-D-c
xóm Kim Long	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 29' 50"	105° 46' 12"						F-48-68-B-a
xóm Lát Đá	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 16"	105° 46' 56"						F-48-56-D-c
xóm Linh Sơn	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 29' 19"	105° 47' 11"						F-48-68-B-a
xóm Long Vân	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 25"	105° 48' 32"						F-48-56-D-c
đèo Ngang	SV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 31' 11"	105° 46' 07"						F-48-56-D-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 26"	105° 45' 45"						F-48-56-D-c
xóm Tiền Tiến	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 53"	105° 46' 37"						F-48-56-D-c
núi Túc	SV	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 30' 13"	105° 46' 46"						F-48-56-D-c
xóm Xuân Đăng	DC	xã Bình Sơn	TX. Sông Công	21° 29' 39"	105° 48' 37"						F-48-68-B-a
làng Cỏ	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 30' 20"	105° 51' 11"						F-48-56-D-c
xóm Cầu Gáo	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 50"	105° 51' 17"						F-48-68-B-a
suối Cầu Xóm	TV	xã Tân Quang	TX. Sông Công			21° 31' 47"	105° 49' 45"	21° 30' 36"	105° 50' 01"		F-48-56-D-c
kênh Chính	TV	xã Tân Quang	TX. Sông Công			21° 31' 29"	105° 50' 56"	21° 30' 44"	105° 51' 59"		F-48-56-D-c
xóm Đồi	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 42"	105° 50' 35"						F-48-68-B-a
xóm Khu Thờ	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 28"	105° 51' 16"						F-48-68-B-a
xóm Khu Yên	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 27"	105° 51' 03"						F-48-68-B-a
xóm La Châm	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 30"	105° 51' 22"						F-48-68-B-a
xóm La Đình	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 44"	105° 50' 53"						F-48-68-B-a
xóm La Đoan	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 30' 40"	105° 50' 23"						F-48-56-D-c
xóm La Vai	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 50"	105° 51' 28"						F-48-68-B-a
xóm Làng Cỏ	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 50"	105° 51' 26"						F-48-68-B-a
xóm Làng Đỗ	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 30' 22"	105° 51' 02"						F-48-56-D-c
xóm Làng Mới	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 10"	105° 51' 27"						F-48-68-B-a
xóm Làng Sắn	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 29' 07"	105° 50' 28"						F-48-68-B-a
Khu công nghiệp Sông Công	KX	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 28' 57"	105° 52' 02"						F-48-68-B-a
xóm Tân Mỹ	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 31' 26"	105° 50' 10"						F-48-68-B-a
xóm Tân Thành	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 31' 04"	105° 51' 52"						F-48-56-D-c
xóm Tân Yên	DC	xã Tân Quang	TX. Sông Công	21° 31' 15"	105° 51' 25"						F-48-56-D-c
sông Công	TV	xã Vĩnh Sơn	TX. Sông Công			21° 28' 49"	105° 49' 04"	21° 27' 23"	105° 49' 29"		F-48-68-B-a
xóm Đồng Cam	DC	xã Vĩnh Sơn	TX. Sông Công	21° 28' 01"	105° 48' 42"						F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Sơn Tia	DC	xã Vĩnh Sơn	TX. Sông Công	21° 28' 21"	105° 48' 39"					F-48-68-B-a
xóm Thu Quang	DC	xã Vĩnh Sơn	TX. Sông Công	21° 27' 32"	105° 48' 36"					F-48-68-B-a
cầu Treo	KX	xã Vĩnh Sơn	TX. Sông Công	21° 28' 14"	105° 49' 12"					F-48-68-B-a
xóm 4	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 24"	105° 42' 13"					F-48-68-A-b
xóm 6	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 30' 21"	105° 42' 43"					F-48-68-C-d
quốc lộ 37	KX	TT. Quân Chu	H. Đại Từ			21° 37' 60"	105° 38' 31"	21° 38' 15"	105° 37' 48"	F-48-68-C-b
nhà máy Chè Quân Chu	KX	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 08"	105° 42' 49"					F-48-68-A-b
xóm 8A	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 40"	105° 43' 26"					F-48-68-A-b
xóm 8B	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 18"	105° 43' 55"					F-48-68-A-b
xóm Cây Hồng	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 59"	105° 43' 02"					F-48-68-A-b
số 1 Đền	TV	TT. Quân Chu	H. Đại Từ			21° 29' 11"	105° 43' 07"	21° 28' 55"	105° 43' 32"	F-48-68-A-b
xóm Khe Cua 1	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 42"	105° 43' 47"					F-48-68-A-b
xóm Khe Cua 2	DC	TT. Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 53"	105° 42' 56"					F-48-68-A-b
xóm An Bình	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 36' 29"	105° 44' 43"					F-48-68-C-d
xóm An Thanh	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 36' 57"	105° 44' 24"					F-48-68-C-d
xóm Đạt	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 32"	105° 44' 11"					F-48-68-C-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 58"	105° 45' 09"					F-48-68-D-a
xóm Đồng Bực	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 36' 45"	105° 45' 22"					F-48-68-D-c
xóm Hàng	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 56"	105° 44' 49"					F-48-68-C-b
số 1 Làng Ngò	TV	xã An Khánh	H. Đại Từ			21° 36' 18"	105° 45' 11"	21° 36' 30"	105° 46' 17"	F-48-68-D-c
xóm Ngò	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 36' 51"	105° 45' 52"					F-48-68-D-c
núi Phượng Hoàng	SV	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 35' 39"	105° 45' 21"					F-48-68-D-c
xóm Sông	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 25"	105° 44' 47"					F-48-68-C-d
xóm Tân Bình	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 18"	105° 45' 32"					F-48-68-D-c
xóm Tân Tiến	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 35' 50"	105° 45' 55"					F-48-68-D-c
xóm Thác Vang	DC	xã An Khánh	H. Đại Từ	21° 37' 18"	105° 45' 16"					F-48-68-D-c
quốc lộ 37	KX	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ			21° 39' 08"	105° 36' 55"	21° 39' 43"	105° 35' 05"	F-48-68-C-a
xóm Ba Giăng	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 11"	105° 36' 36"					F-48-68-C-a
xóm Đầm Bàng	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 30"	105° 37' 11"					F-48-68-C-a
xóm Đồi 6	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 41"	105° 36' 48"					F-48-68-C-a
xóm Đồng Ngà	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 20"	105° 35' 03"					F-48-68-C-a
xóm Đồng Ninh	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 28"	105° 35' 44"					F-48-68-C-a
xóm Gò Văn	DC	xã Bản Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 12"	105° 36' 51"					F-48-68-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khẩu Giang	DC	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 30"	105° 36' 07"					F-48-56-C-a
xóm Khẩu Giáo	DC	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ	21° 38' 56"	105° 34' 54"					F-48-56-C-a
sông La Bằng	TV	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ			21° 38' 41"	105° 34' 23"	21° 39' 03"	105° 36' 46"	F-48-56-C-a
xóm Lâm Giang	DC	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 08"	105° 35' 53"					F-48-56-C-a
xóm Lê Lợi	DC	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 26"	105° 36' 38"					F-48-56-C-a
xóm Nà Mẩn	DC	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 09"	105° 37' 40"					F-48-56-C-b
xóm Phố	DC	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 49"	105° 36' 47"					F-48-56-C-a
xóm Phú Hạ	DC	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ	21° 39' 29"	105° 35' 34"					F-48-56-C-a
xóm Thanh Giang	DC	xã Bán Ngoại	H. Đại Từ	21° 40' 04"	105° 36' 36"					F-48-56-C-a
xóm Bình Khang	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 09"	105° 38' 03"					F-48-56-C-d
xóm Bình Xuân	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 57"	105° 37' 48"					F-48-56-C-d
xóm Chùa	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 12"	105° 39' 15"					F-48-56-C-d
xóm Đình	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 06"	105° 38' 53"					F-48-56-C-d
cầu Gốc Dưới	KX	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 56"	105° 38' 28"					F-48-56-C-d
xóm Nà Giang	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 35' 59"	105° 36' 47"					F-48-56-C-c
cầu Suối Tắm	KX	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 28"	105° 38' 22"					F-48-56-C-d
xóm Thuận Phong	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 37"	105° 38' 06"					F-48-56-C-d
xóm Tiến Thành	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 30"	105° 39' 19"					F-48-56-C-d
xóm Trại	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 37' 23"	105° 38' 33"					F-48-56-C-d
xóm Văn Khúc	DC	xã Bình Thuận	H. Đại Từ	21° 36' 44"	105° 38' 36"					F-48-56-C-d
xóm 1	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 32' 17"	105° 39' 47"					F-48-56-C-d
xóm 2	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 30' 17"	105° 41' 46"					F-48-56-C-d
xóm 3	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 30' 15"	105° 40' 58"					F-48-56-C-d
đường tỉnh 261	KX	xã Cát Nè	H. Đại Từ			21° 32' 21"	105° 39' 30"	21° 30' 07"	105° 41' 02"	F-48-56-C-d
xóm Đầu Cầu	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 31' 26"	105° 40' 28"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Gốc	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 31' 41"	105° 40' 10"					F-48-56-C-d
xóm Gò Cao	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 31' 33"	105° 39' 07"					F-48-56-C-d
xóm La Vinh	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 31' 36"	105° 39' 22"					F-48-56-C-d
xóm Tân Phú	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 31' 18"	105° 39' 37"					F-48-56-C-d
xóm Thỉnh	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 31' 19"	105° 42' 09"					F-48-56-C-d
xóm Trang Nhang	DC	xã Cát Nè	H. Đại Từ	21° 32' 10"	105° 40' 22"					F-48-56-C-d
quốc lộ 37	KX	xã Cù Vân	H. Đại Từ			21° 38' 12"	105° 44' 37"	21° 38' 20"	105° 42' 32"	F-48-56-C-b
xóm Bắc Máng	DC	xã Cù Vân	H. Đại Từ	21° 37' 24"	105° 43' 31"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bãi Chè	DC	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 08"	105° 43' 28"					F-48-56-C-b
cầu Cháy	KX	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 18"	105° 42' 41"					F-48-56-C-b
núi Chèo Vành	SV	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 37' 04"	105° 42' 45"					F-48-56-C-d
Nhà máy Cơ khí Mỏ	KX	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 14"	105° 43' 06"					F-48-56-C-b
xóm Đình	DC	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 15"	105° 43' 54"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Đa	DC	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 37' 50"	105° 43' 40"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Lim	DC	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 50"	105° 43' 33"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Tiến	DC	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 60"	105° 43' 11"					F-48-56-C-b
hồ Phương Hoàng	TV	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 36' 47"	105° 43' 22"					F-48-56-C-d
xóm Suối Huyền	DC	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 11"	105° 44' 27"					F-48-56-C-b
núi Tân	SV	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 50"	105° 42' 37"					F-48-56-C-b
cầu Tây	KX	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 38' 14"	105° 44' 08"					F-48-56-C-b
xóm Trung Đài	DC	xã Cù Ván	H. Đại Từ	21° 39' 37"	105° 43' 35"					F-48-56-C-b
xóm Cây Xoan	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 53"	105° 35' 40"					F-48-56-C-a
xóm Chùa Chính	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 02"	105° 36' 06"					F-48-56-C-a
xóm Độc Mán	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 42' 45"	105° 35' 36"					F-48-56-C-a
xóm Đất Đỏ	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 36"	105° 36' 29"					F-48-56-C-a
xóm Đầu Cầu	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 42' 58"	105° 36' 38"					F-48-56-C-a
xóm Đình Giã	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 44"	105° 36' 06"					F-48-56-C-a
xóm Đồi	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 24' 45"	105° 36' 04"					F-48-56-C-a
núi Gao Diên	SV	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 42' 48"	105° 35' 01"					F-48-56-C-a
xóm Hữu Sào	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 23' 38"	105° 36' 55"					F-48-56-C-a
xóm La Muồng	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 11"	105° 36' 23"					F-48-56-C-a
xóm Môn Đình	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 19"	105° 36' 08"					F-48-56-C-a
xóm Môn Đình	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 07"	105° 35' 57"					F-48-56-C-a
xóm Nhất Quyết	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 36"	105° 36' 58"					F-48-56-C-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 27"	105° 35' 12"					F-48-56-C-a
xóm Tiên Phong	DC	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 42' 33"	105° 35' 25"					F-48-56-C-a
cầu Trại Vải	KX	xã Đức Lương	H. Đại Từ	21° 43' 45"	105° 36' 44"					F-48-56-C-a
xóm 1	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 39' 02"	105° 40' 16"					F-48-56-C-b
xóm 2	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 20"	105° 40' 10"					F-48-56-C-b
xóm 3	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 39' 20"	105° 40' 43"					F-48-56-C-b
xóm 4	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 50"	105° 40' 41"					F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm 5	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 17"	105° 41' 31"					F-48-56-C-b
xóm 6	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 60"	105° 41' 14"					F-48-56-C-b
xóm 7	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 31"	105° 41' 10"					F-48-56-C-b
xóm 8	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 38"	105° 41' 35"					F-48-56-C-b
xóm 9	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 04"	105° 41' 23"					F-48-56-C-b
xóm 10	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 37' 55"	105° 42' 08"					F-48-56-C-b
xóm 11	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 56"	105° 42' 17"					F-48-56-C-b
xóm 12	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 12"	105° 42' 24"					F-48-56-C-b
xóm 13	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 13"	105° 42' 05"					F-48-56-C-b
quốc lộ 37	KX	xã Hà Thượng	H. Đại Từ			21° 38' 20"	105° 42' 32"	21° 38' 52"	105° 39' 39"	F-48-56-C-b
xóm Cẩm	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 37' 51"	105° 40' 49"					F-48-56-C-b
cầu Đồng Bông	KX	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 53"	105° 41' 14"					F-48-56-C-b
xóm Đồng Đăng	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 39' 04"	105° 40' 41"					F-48-56-C-b
cầu Khe Lạnh	KX	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 20"	105° 42' 32"					F-48-56-C-b
xóm Khe Vối	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 39' 00"	105° 40' 36"					F-48-56-C-b
xóm Suối Bát	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 40"	105° 39' 58"					F-48-56-C-b
xóm Suối Cát	DC	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 46"	105° 40' 57"					F-48-56-C-b
cầu Suối Cát	KX	xã Hà Thượng	H. Đại Từ	21° 38' 56"	105° 40' 56"					F-48-56-C-b
xóm Ao Mật	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 34"	105° 35' 04"					F-48-56-C-a
suối Bé	TV	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ			21° 35' 53"	105° 34' 01"	21° 37' 05"	105° 33' 59"	F-48-56-C-c
suối Cái	TV	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ			21° 35' 12"	105° 31' 37"	21° 37' 36"	105° 35' 10"	F-48-56-C-c, F-48-56-C-a
xóm Cào Hải	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 37' 46"	105° 35' 30"					F-48-56-C-a
xóm Cầu Đá	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 07"	105° 34' 33"					F-48-56-C-a
xóm Đình Cường	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 37' 23"	105° 34' 16"					F-48-56-C-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 27"	105° 35' 17"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Khuôn	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 36' 56"	105° 33' 18"					F-48-56-C-c
xóm Hưu	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 37' 33"	105° 33' 41"					F-48-56-C-a
xóm La Dây	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 00"	105° 35' 53"					F-48-56-C-a
xóm La Luông	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 16"	105° 34' 10"					F-48-56-C-a
xóm Lăng Đăng	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 38' 08"	105° 35' 19"					F-48-56-C-a
xóm Nà Khan	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 37' 46"	105° 35' 07"					F-48-56-C-a
xóm Suối Chùn	DC	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 36' 45"	105° 33' 52"					F-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
dãy Tam Đảo	SV	xã Hoàng Nông	H. Đại Từ	21° 35' 46"	105° 31' 04"					F-48-56-C-c
Khu di tích 27-7	KX	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 46"	105° 37' 52"					F-48-56-C-b
xóm An Long	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 10"	105° 39' 18"					F-48-56-C-b
xóm Bàn Cờ	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 55"	105° 37' 56"					F-48-56-C-b
xóm Bầy	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 38"	105° 39' 27"					F-48-56-C-b
xóm Cầu Thành	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 51"	105° 38' 54"					F-48-56-C-b
sông Công	TV	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ			21° 38' 37"	105° 37' 55"	21° 37' 07"	105° 39' 38"	F-48-56-C-b, F-48-56-C-d
xóm Đồng Đạm	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 19"	105° 38' 33"					F-48-56-C-b
cầu Huy Ngọc	KX	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 10"	105° 38' 54"					F-48-56-C-b
xóm Liên Giới	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 45"	105° 39' 31"					F-48-56-C-b
xóm Tám	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 37' 57"	105° 39' 48"					F-48-56-C-b
xóm Trung Hòa	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 38' 08"	105° 38' 20"					F-48-56-C-b
xóm Văn Long	DC	xã Hùng Sơn	H. Đại Từ	21° 39' 23"	105° 38' 32"					F-48-56-C-b
xóm Chùa	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 21"	105° 36' 27"					F-48-56-C-c
xóm Cuồn Cờ	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 26"	105° 35' 33"					F-48-56-C-d
hồ Đoàn Vỹ	TV	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 41"	105° 35' 10"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Bãi	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 18"	105° 37' 10"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Cá	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 35"	105° 36' 54"					F-48-56-C-c
xóm Đồng Hoan	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 34"	105° 36' 13"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Mè	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 31"	105° 36' 14"					F-48-56-C-c
xóm Đức Long	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 04"	105° 36' 57"					F-48-56-C-c
xóm Gò Chồi	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 14"	105° 35' 49"					F-48-56-C-c
xóm Gò Da	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 52"	105° 36' 35"					F-48-56-C-c
xóm Gò Thang	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 59"	105° 37' 04"					F-48-56-C-a
xóm Hoà Bình	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 38"	105° 37' 22"					F-48-56-C-a
xóm Nà Phác	DC	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 37' 21"	105° 35' 25"					F-48-56-C-c
núi Quạt Nan	SV	xã Khôi Kỳ	H. Đại Từ	21° 36' 58"	105° 34' 33"					F-48-56-C-c
xóm Cỏ	DC	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 32' 55"	105° 38' 42"					F-48-56-C-d
sườn Cái	TV	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ			21° 31' 59"	105° 38' 41"	21° 34' 22"	105° 39' 07"	F-48-56-C-d
núi Cẩm Cờ	SV	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 32' 31"	105° 37' 48"					F-48-56-C-d
xóm Cạn	DC	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 33' 39"	105° 38' 44"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Chuối	DC	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 31' 56"	105° 39' 05"					F-48-56-C-d
xóm Dừa	DC	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 32' 26"	105° 38' 47"					F-48-56-C-d
xóm Duyên	DC	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 34' 28"	105° 38' 43"					F-48-56-C-d
cầu Đá Đen	KX	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 33' 54"	105° 38' 41"					F-48-56-C-d
xóm Đạn	DC	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 33' 17"	105° 39' 17"					F-48-56-C-d
xóm Giò	DC	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 33' 09"	105° 38' 15"					F-48-56-C-d
hồ Gò Miếu	TV	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 31' 54"	105° 38' 34"					F-48-56-C-d
cầu Kỳ Phú	KX	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 33' 05"	105° 38' 46"					F-48-56-C-d
sườn Nguồn	TV	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ			21° 31' 53"	105° 37' 45"	21° 31' 58"	105° 38' 15"	F-48-56-C-d
cầu Trà Ho	KX	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 33' 42"	105° 38' 40"					F-48-56-C-d
núi Ván	KX	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 34' 43"	105° 39' 02"					F-48-56-C-d
SV	SV	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 33' 42"	105° 38' 29"					F-48-56-C-d
xóm Xoi	DC	xã Kỳ Phú	H. Đại Từ	21° 32' 43"	105° 39' 20"					F-48-56-C-d
Nhà máy Chè La Bằng	KX	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 39' 07"	105° 33' 05"					F-48-56-C-a
núi Diệt	SV	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 41"	105° 32' 13"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Bao	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 39' 06"	105° 34' 06"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Đình	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 14"	105° 33' 56"					F-48-56-C-a
xóm La Bằng	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 39' 02"	105° 33' 28"					F-48-56-C-a
sông La Bằng	TV	xã La Bằng	H. Đại Từ			21° 37' 18"	105° 31' 08"	21° 38' 58"	105° 34' 38"	F-48-56-C-c, F-48-56-C-a
xóm La Cốt	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 34"	105° 33' 02"					F-48-56-C-a
xóm Lau Sau	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 53"	105° 33' 34"					F-48-56-C-a
xóm Nà Nạc	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 52"	105° 34' 20"					F-48-56-C-a
xóm Rừng Ván	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 00"	105° 32' 51"					F-48-56-C-a
xóm Rừng Ván	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 25"	105° 32' 51"					F-48-56-C-a
núi Vuốt	SV	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 37' 24"	105° 33' 07"					F-48-56-C-a
xóm Xóm Kẹm	DC	xã La Bằng	H. Đại Từ	21° 38' 14"	105° 32' 30"					F-48-56-C-a
đường tỉnh 261	KX	xã Lục Ba	H. Đại Từ			21° 34' 46"	105° 39' 01"	21° 36' 32"	105° 38' 39"	F-48-56-C-d
xóm Bãi Bao	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 25"	105° 39' 21"					F-48-56-C-d
xóm Bấu Châu	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 34' 54"	105° 39' 03"					F-48-56-C-d
xóm Bình Hương	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 36' 08"	105° 38' 41"					F-48-56-C-d
xóm Đầm Giã	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 22"	105° 39' 04"					F-48-56-C-d
cầu Đầu	KX	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 36' 14"	105° 38' 53"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối					
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
xóm Đồng Mưa	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 54"	105° 38' 48"								F-48-56-C-d
xóm Thành Lập	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 55"	105° 37' 38"								F-48-56-C-d
cầu Trắng	KX	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 39"	105° 38' 49"								F-48-56-C-d
xóm Văn Thanh	DC	xã Lục Ba	H. Đại Từ	21° 35' 30"	105° 38' 21"								F-48-56-C-d
sông Công	TV	xã Minh Tiến	H. Đại Từ			21° 44' 56"	105° 34' 11"	21° 43' 30"	105° 33' 13"				F-48-56-C-a
xóm Góc Gạo	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 38"	105° 32' 21"								F-48-56-C-a
xóm Hoà Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 30"	105° 33' 29"								F-48-56-C-a
xóm Khôn Rìa	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 10"	105° 34' 48"								F-48-56-C-a
xóm Khôn Tằng	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 39"	105° 34' 43"								F-48-56-C-a
xóm Khuân Gỏi	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 28"	105° 34' 30"								F-48-56-C-a
xóm Lưu Quang	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 35"	105° 32' 59"								F-48-56-C-a
xóm Tân Tiến	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 44' 38"	105° 34' 10"								F-48-56-C-a
xóm Thỏm Cẩn	DC	xã Minh Tiến	H. Đại Từ	21° 43' 53"	105° 33' 13"								F-48-56-C-a
xóm Bắc Hà	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 36' 00"	105° 35' 45"								F-48-56-C-c
xóm Cao Chùa	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 41' 18"	105° 35' 34"								F-48-56-C-c
suối Cao Chùa	TV	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ			21° 34' 21"	105° 35' 53"	21° 34' 23"	105° 36' 15"				F-48-56-C-c
xóm Cầu Trám	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 47"	105° 36' 14"								F-48-56-C-c
suối Đất Cãi	TV	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ			21° 34' 37"	105° 33' 20"	21° 35' 21"	105° 36' 10"				F-48-56-C-c
xóm Đồng Cạn	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 05"	105° 35' 54"								F-48-56-C-c
xóm Đồng Cháy	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 42' 29"	105° 35' 58"								F-48-56-C-c
xóm Đồng Khảm	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 40' 08"	105° 35' 50"								F-48-56-C-c
xóm Đồng Phiêng	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 42"	105° 35' 49"								F-48-56-C-c
suối Huộn	TV	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ			21° 33' 32"	105° 34' 16"	21° 35' 02"	105° 34' 33"				F-48-56-C-c
xóm Kỳ Linh Ngoài	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 58"	105° 36' 11"								F-48-56-C-c
xóm Kỳ Linh Trong	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 40' 07"	105° 36' 26"								F-48-56-C-c
xóm La Hạng	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 23"	105° 35' 18"								F-48-56-C-c
xóm La Tre	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 01"	105° 35' 00"								F-48-56-C-c
xóm La Vương	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 23"	105° 36' 05"								F-48-56-C-c
xóm La Yên	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 34' 32"	105° 35' 16"								F-48-56-C-c
xóm Lớn	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 50' 01"	105° 35' 23"								F-48-56-C-c
sông Nước Giáp	TV	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ			21° 35' 21"	105° 36' 10"	21° 36' 02"	105° 36' 35"				F-48-56-C-c
xóm Suối Trĩ	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 36' 00"	105° 36' 20"								F-48-56-C-c
xóm Tân Yên	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 36"	105° 35' 11"								F-48-56-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
xóm Trại Cọ	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 35' 14"	105° 36' 06"						F-48-56-C-c
xóm Việt Yên	DC	xã Mỹ Yên	H. Đại Từ	21° 36' 11"	105° 35' 14"						F-48-56-C-c
xóm Ao	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 42' 10"	105° 32' 07"						F-48-56-C-a
xóm Cầu Bút	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 42' 06"	105° 31' 49"						F-48-56-C-a
xóm Cầu Hoàn	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 43"	105° 32' 28"						F-48-56-C-a
xóm Cây Lai	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 49"	105° 32' 09"						F-48-56-C-a
xóm Cây Thổ	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 42' 41"	105° 32' 29"						F-48-56-C-a
xóm Chính Tắc	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 53"	105° 32' 51"						F-48-56-C-a
xóm Đồng Bản	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 05"	105° 33' 02"						F-48-56-C-a
xóm Khôn U	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 22"	105° 32' 45"						F-48-56-C-a
xóm Minh Thắng	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 42' 08"	105° 32' 47"						F-48-56-C-a
xóm Nam Thắng	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 24"	105° 33' 17"						F-48-56-C-a
mỏ than Núi Hồng	KX	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 41' 45"	105° 31' 41"						F-48-56-C-a
xóm Văn Minh	DC	xã Na Mao	H. Đại Từ	21° 40' 54"	105° 33' 03"						F-48-56-C-a
xóm Bán Lương	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 41' 50"	105° 34' 24"						F-48-56-C-a
xóm Cây Sờ	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 43' 20"	105° 33' 04"						F-48-56-C-a
xóm Chiềng	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 43' 06"	105° 32' 51"						F-48-56-C-a
sông Công	TV	xã Phú Cường	H. Đại Từ			21° 43' 30"	105° 33' 13"	21° 41' 12"	105° 34' 19"		F-48-56-C-a
xóm Đèo	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 41' 26"	105° 33' 58"						F-48-56-C-a
xóm Đồi Sen	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 17"	105° 34' 05"						F-48-56-C-a
xóm Khôn Thông	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 57"	105° 33' 17"						F-48-56-C-a
xóm Nà Mẩn	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 05"	105° 33' 28"						F-48-56-C-a
xóm Nà Nhu	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 47"	105° 34' 05"						F-48-56-C-a
xóm Na Quýt	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 42' 31"	105° 34' 10"						F-48-56-C-a
mỏ than Phú Cường	KX	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 43' 08"	105° 32' 14"						F-48-56-C-a
xóm Thanh Mỹ	DC	xã Phú Cường	H. Đại Từ	21° 43' 31"	105° 34' 14"						F-48-56-C-a
xóm Cây Như	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 38"	105° 37' 13"						F-48-56-C-a
núi Chúa	SV	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 43' 18"	105° 38' 19"						F-48-56-C-b
sông Công	TV	xã Phú Lạc	H. Đại Từ			21° 40' 36"	105° 35' 44"	21° 40' 20"	105° 36' 44"		F-48-56-C-a
xóm Cổng Đập	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 42' 23"	105° 36' 22"						F-48-56-C-a
xóm Đại Hà	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 56"	105° 38' 27"						F-48-56-C-b
xóm Đồng Dín	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 02' 28"	105° 36' 04"						F-48-56-C-a
cầu Đồng Lôm	KX	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 56"	105° 35' 27"						F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng					Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)
xóm Đồng Sim	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 32"	105° 36' 23"				F-48-56-C-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 42' 05"	105° 35' 54"				F-48-56-C-a
xóm Đồng Vển	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 03"	105° 36' 34"				F-48-56-C-a
xóm Đồng Vòng	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 01' 18"	105° 36' 25"				F-48-56-C-a
xóm La Thước	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 13' 31"	105° 36' 42"				F-48-56-C-a
xóm Liên Minh	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 58"	105° 36' 31"				F-48-56-C-a
xóm Lũng	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 42' 11"	105° 37' 58"				F-48-56-C-b
núi Mun	SV	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 42' 55"	105° 37' 40"				F-48-56-C-a
xóm Na Hoàn	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 12"	105° 35' 56"				F-48-56-C-a
xóm Phương Nam 1	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 40' 53"	105° 37' 00"				F-48-56-C-a
xóm Phương Nam 2	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 11' 19"	105° 37' 12"				F-48-56-C-a
xóm Tân Lập	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 45"	105° 35' 43"				F-48-56-C-a
cầu Thông	KX	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 26"	105° 35' 48"				F-48-56-C-a
xóm Trại Mới	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 04' 44"	105° 36' 23"				F-48-56-C-a
xóm Trại The	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 12' 27"	105° 35' 52"				F-48-56-C-a
xóm Văn Giang	DC	xã Phú Lạc	H. Đại Từ	21° 41' 53"	105° 35' 20"				F-48-56-C-a
xóm Cường Thịnh	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 41' 09"	105° 34' 29"				F-48-56-C-a
xóm Đồng Châm	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 10"	105° 34' 28"				F-48-56-C-a
xóm Gò Trờ	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 38"	105° 33' 45"				F-48-56-C-a
xóm Hùng Cường	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 48"	105° 35' 03"				F-48-56-C-a
xóm Kim Tảo	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 29"	105° 34' 09"				F-48-56-C-a
xóm Làng Thượng	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 15"	105° 34' 53"				F-48-56-C-a
xóm Phú Thịnh	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 41' 03"	105° 35' 15"				F-48-56-C-a
xóm Tân Quy	DC	xã Phú Thịnh	H. Đại Từ	21° 40' 56"	105° 34' 40"				F-48-56-C-a
xóm Cây Đa Đồi	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 28"	105° 32' 57"				F-48-56-C-a
xóm Chính Phú	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 27"	105° 33' 04"				F-48-56-C-a
xóm Chuông	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 30"	105° 32' 10"				F-48-56-C-a
xóm Diệt	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 56"	105° 32' 55"				F-48-56-C-a
xóm Đồng Giang	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 44"	105° 34' 38"				F-48-56-C-a
xóm Đồng Môn	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 01"	105° 32' 59"				F-48-56-C-a
cầu Khôn Ngàn	KX	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 46"	105° 34' 15"				F-48-56-C-a
xóm Mẩn	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 51"	105° 31' 55"				F-48-56-C-a
cầu Phú Xuyên	KX	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 12"	105° 32' 52"				F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Quyển	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 25"	105° 32' 29"					F-48-56-C-a
xóm Sậy	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 11"	105° 32' 11"					F-48-56-C-a
đầy Tam Đảo	SV	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 37' 47"	105° 31' 10"					F-48-56-C-a
núi Tam Đảo	SV	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 38' 09"	105° 29' 45"					F-48-56-C-a
cầu Trà	KX	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 43"	105° 31' 55"					F-48-56-C-a
đập Vai Bành	KX	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 38"	105° 31' 33"					F-48-56-C-a
xóm Vẽ	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 40' 58"	105° 32' 02"					F-48-56-C-a
xóm Yên Từ	DC	xã Phú Xuyên	H. Đại Từ	21° 39' 55"	105° 31' 26"					F-48-56-C-a
xóm Cẩm	DC	xã Phúc Linh	H. Đại Từ	21° 39' 30"	105° 42' 45"					F-48-56-C-b
xóm Khôn	DC	xã Phúc Linh	H. Đại Từ	21° 39' 17"	105° 41' 50"					F-48-56-C-b
mỏ than Lãng Cẩm	KX	xã Phúc Linh	H. Đại Từ	21° 39' 47"	105° 42' 52"					F-48-56-C-b
xóm Mận	DC	xã Phúc Linh	H. Đại Từ	21° 39' 39"	105° 41' 05"					F-48-56-C-b
xóm Ngọc Linh	DC	xã Phúc Linh	H. Đại Từ	21° 40' 04"	105° 42' 01"					F-48-56-C-b
xóm Quáo	DC	xã Phúc Linh	H. Đại Từ	21° 40' 35"	105° 41' 17"					F-48-56-C-b
xóm Thọ	DC	xã Phúc Linh	H. Đại Từ	21° 40' 19"	105° 41' 20"					F-48-56-C-b
đường tỉnh 263	KX	xã Phúc Lương	H. Đại Từ			21° 43' 44"	105° 36' 57"	21° 45' 49"	105° 37' 46"	F-48-56-A-c
xóm Bắc Máng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 54"	105° 37' 01"					F-48-56-A-c
xóm Cầu Tuất	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 43' 58"	105° 37' 09"					F-48-56-C-a
xóm Cây Hồng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 28"	105° 36' 12"					F-48-56-C-a
xóm Cây Ngái	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 31"	105° 37' 44"					F-48-56-C-b
xóm Cây Tầm	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 34"	105° 37' 33"					F-48-56-C-b
xóm Cây Thống	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 43' 56"	105° 37' 49"					F-48-56-C-b
xóm Cây Vải	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 31"	105° 36' 21"					F-48-56-A-c
xóm Cỏ Rôm	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 35"	105° 36' 25"					F-48-56-C-a
xóm Hàm Rồng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 56"	105° 38' 21"					F-48-56-C-b
xóm Khuôn Thũng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 42"	105° 36' 41"					F-48-56-A-c
xóm Mặt Giăng	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 46' 05"	105° 37' 23"					F-48-56-A-c
xóm Mỏ	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 17"	105° 35' 55"					F-48-56-A-c
xóm Nà Đon	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 53"	105° 35' 31"					F-48-56-C-a
xóm Nà Khôn	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 15"	105° 37' 17"					F-48-56-A-c
xóm Nà Pải	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 12"	105° 35' 25"					F-48-56-A-c
xóm Nhất Tầm	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 54"	105° 37' 02"					F-48-56-C-a
cầu Nhất Tầm	KX	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 44' 59"	105° 37' 03"					F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
xóm Phúc Sơn	DC	xã Phúc Lương	H. Đại Từ	21° 45' 20"	105° 37' 47"						F-48-56-A-d
đường tỉnh 261	KX	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 30' 07"	105° 41' 02"	21° 29' 34"	105° 42' 00"		F-48-68-A-b
xóm An Thái	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 30"	105° 42' 28"						F-48-68-A-b
xóm Đa Đen	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 58"	105° 40' 21"						F-48-68-A-b
suối Đa Đen	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 27' 43"	105° 39' 11"	21° 28' 35"	105° 39' 56"		F-48-68-A-b
suối Đa Trắng	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 28' 59"	105° 37' 48"	21° 28' 35"	105° 39' 56"		F-48-68-A-b
trạm phát sóng Đài truyền hình Việt Nam	KX	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 27' 54"	105° 38' 42"						F-48-68-A-b
xóm Đền	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 48"	105° 41' 04"						F-48-68-A-b
suối Đền	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 29' 27"	105° 40' 55"	21° 29' 46"	105° 42' 07"		F-48-68-A-b
suối Đồi	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 27' 08"	105° 41' 14"	21° 28' 55"	105° 42' 52"		F-48-68-A-b
xóm Hàng Sơn	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 39"	105° 41' 41"						F-48-68-A-b
xóm Hòa Bình 1	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 23"	105° 40' 37"						F-48-68-A-b
xóm Hòa Bình 2	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 51"	105° 40' 23"						F-48-68-A-b
suối Sông Vang	TV	xã Quân Chu	H. Đại Từ			21° 29' 23"	105° 37' 52"	21° 29' 26"	105° 40' 55"		F-48-68-A-b
Vườn quốc gia Tam Đảo	KX	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 51"	105° 38' 34"						F-48-68-A-b
xóm Tân Sinh	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 27"	105° 42' 38"						F-48-68-A-b
xóm Tân Tiến 1	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 27' 39"	105° 42' 46"						F-48-68-A-b
xóm Tân Tiến 2	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 11"	105° 43' 05"						F-48-68-A-b
xóm Tân Yên 1	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 27' 50"	105° 42' 11"						F-48-68-A-b
xóm Tân Yên 1	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 16"	105° 42' 38"						F-48-68-A-b
xóm Tân Yên 2	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 34"	105° 42' 17"						F-48-68-A-b
xóm Vạn Thành	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 09"	105° 40' 51"						F-48-68-A-b
xóm Vang	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 29' 37"	105° 40' 25"						F-48-68-A-b
xóm Vụ Tây	DC	xã Quân Chu	H. Đại Từ	21° 28' 51"	105° 42' 39"						F-48-68-A-b
xóm 8	DC	xã Tân Lĩnh	H. Đại Từ	21° 40' 49"	105° 39' 42"						F-48-56-C-b
xóm 11	DC	xã Tân Lĩnh	H. Đại Từ	21° 40' 23"	105° 37' 51"						F-48-56-C-b
xóm 13	DC	xã Tân Lĩnh	H. Đại Từ	21° 39' 31"	105° 39' 50"						F-48-56-C-b
xóm 14	DC	xã Tân Lĩnh	H. Đại Từ	21° 39' 36"	105° 40' 18"						F-48-56-C-b
suối Cài	TV	xã Tân Lĩnh	H. Đại Từ			21° 42' 00"	105° 39' 09"	21° 42' 27"	105° 38' 59"		F-48-56-C-b
núi Dong Ke	SV	xã Tân Lĩnh	H. Đại Từ	21° 41' 41"	105° 39' 46"						F-48-56-C-b
núi Đồng Khê	SV	xã Tân Lĩnh	H. Đại Từ	21° 41' 15"	105° 40' 17"						F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khóm Mai	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 41' 52"	105° 39' 11"					F-48-56-C-b
xóm Thần Mật	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 40' 13"	105° 39' 29"					F-48-56-C-b
xóm Vực Xanh	DC	xã Tân Linh	H. Đại Từ	21° 41' 02"	105° 38' 46"					F-48-56-C-b
đường tỉnh 270	KX	xã Tân Thái	H. Đại Từ			21° 37' 12"	105° 39' 44"	21° 35' 25"	105° 42' 45"	F-48-56-C-d
xóm Bãi Bàng	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 45"	105° 41' 34"					F-48-56-C-d
xóm Cổ Ngựa	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 32"	105° 42' 25"					F-48-56-C-d
sông Công	TV	xã Tân Thái	H. Đại Từ			21° 37' 12"	105° 39' 34"	21° 35' 57"	105° 40' 10"	F-48-56-C-d
xóm Dốc Đỏ	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 10"	105° 41' 15"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Bằng	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 48"	105° 40' 10"					F-48-56-C-d
xóm Đồng Tiến	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 37' 07"	105° 39' 47"					F-48-56-C-d
xóm Góc Mít	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 10"	105° 42' 13"					F-48-56-C-d
Khách sạn Mỏ Việt Bắc	KX	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 20"	105° 41' 34"					F-48-56-C-d
Khu du lịch Núi Cốc	KX	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 38"	105° 41' 01"					F-48-56-C-d
sông Pháo	SV	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 37' 08"	105° 41' 12"					F-48-56-C-d
xóm Sơn Đò	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 59"	105° 40' 24"					F-48-56-C-d
xóm Suối Cái	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 31"	105° 41' 35"					F-48-56-C-d
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 35' 49"	105° 40' 59"					F-48-56-C-d
xóm Thái Hòa	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 36"	105° 40' 24"					F-48-56-C-d
xóm Yên Thái	DC	xã Tân Thái	H. Đại Từ	21° 36' 14"	105° 40' 42"					F-48-56-C-d
suối Cái	TV	xã Tiên Hội	H. Đại Từ			21° 37' 47"	105° 35' 58"	21° 38' 38"	105° 37' 54"	F-48-56-C-c
xóm Chung Na	DC	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 38' 10"	105° 37' 29"					F-48-56-C-a
ga Đại Từ	KX	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 39' 07"	105° 36' 57"					F-48-56-C-a
cầu Diệp	KX	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 38' 57"	105° 37' 09"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Mạc	DC	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 38' 35"	105° 37' 23"					F-48-56-C-a
xóm Lập Mỹ	DC	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 38' 11"	105° 36' 14"					F-48-56-C-a
xóm Phúc Lâm	DC	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 39' 28"	105° 37' 47"					F-48-56-C-b
xóm Quang Trung	DC	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 38' 55"	105° 36' 12"					F-48-56-C-a
xóm Soi Chè	DC	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 39' 00"	105° 37' 44"					F-48-56-C-b
cầu Suối Mang	KX	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 38' 15"	105° 37' 48"					F-48-56-C-b
xóm Tiên Trường	DC	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 38' 52"	105° 35' 51"					F-48-56-C-a
xóm Yên Bình	DC	xã Tiên Hội	H. Đại Từ	21° 38' 47"	105° 36' 53"					F-48-56-C-a
xóm 1	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 33' 34"	105° 39' 39"					F-48-56-C-d
xóm 2	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 33' 48"	105° 39' 47"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 3	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 07"	105° 39' 24"					F-48-56-C-d
xóm 4	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 19"	105° 39' 25"					F-48-56-C-d
xóm 5	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 17"	105° 39' 52"					F-48-56-C-d
xóm 6	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 02"	105° 39' 50"					F-48-56-C-d
xóm 7	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 39"	105° 39' 22"					F-48-56-C-d
xóm 8	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 37"	105° 39' 48"					F-48-56-C-d
xóm 9	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 37"	105° 39' 58"					F-48-56-C-d
xóm 10	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 34' 38"	105° 40' 08"					F-48-56-C-d
suối Hai Huyện	TV	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ			21° 33' 10"	105° 39' 26"	21° 34' 22"	105° 39' 07"	F-48-56-C-a
xóm Vai Xoay	DC	xã Vạn Thọ	H. Đại Từ	21° 33' 17"	105° 39' 24"					F-48-56-C-d
xóm Bầu	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 33' 30"	105° 37' 10"					F-48-56-C-c
xóm Bầu 1	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 33' 23"	105° 38' 24"					F-48-56-C-d
xóm Bầu 2	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 33' 23"	105° 37' 55"					F-48-56-C-d
núi Ca	SV	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 48"	105° 36' 40"					F-48-56-C-c
xóm Cầu Giăng	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 10"	105° 37' 11"					F-48-56-C-c
xóm Dưới	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 25"	105° 38' 15"					F-48-56-C-d
suối Đá Ghềnh	TV	xã Văn Yên	H. Đại Từ			21° 34' 23"	105° 36' 12"	21° 33' 38"	105° 38' 21"	F-48-56-C-d
suối Đá Lạnh	TV	xã Văn Yên	H. Đại Từ			21° 33' 52"	105° 37' 33"	21° 33' 57"	105° 38' 33"	F-48-56-C-d
xóm Đình 2	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 34"	105° 37' 20"					F-48-56-C-c
xóm Giữa	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 07"	105° 37' 54"					F-48-56-C-d
xóm Kỳ Linh	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 05"	105° 36' 45"					F-48-56-C-c
xóm Mây	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 34' 27"	105° 36' 49"					F-48-56-C-c
xóm Núi	DC	xã Văn Yên	H. Đại Từ	21° 33' 42"	105° 37' 17"					F-48-56-C-c
quốc lộ 37	KX	xã Yên Lãng	H. Đại Từ			21° 40' 43"	105° 31' 55"	21° 41' 13"	105° 29' 09"	F-48-56-C-a, F-48-55-D-b
xóm Ao Trùng	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 03"	105° 31' 32"					F-48-56-C-a
xóm Cầu Trà	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 40' 35"	105° 31' 31"					F-48-56-C-a
xóm Cây Hồng	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 42' 17"	105° 30' 29"					F-48-56-C-a
xóm Chiến Thắng	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 42"	105° 31' 22"					F-48-56-C-a
xóm Đầm Lãng	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 40' 35"	105° 30' 28"					F-48-56-C-a
xóm Đèo Khé	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 40' 48"	105° 29' 29"					F-48-55-D-b
xóm Đoàn Kết	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 06"	105° 31' 01"					F-48-56-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồi Cây	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 13"	105° 30' 41"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Cầm	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 27"	105° 31' 45"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Cọ	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 42' 02"	105° 30' 39"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Mãng	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 52"	105° 30' 25"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Ôm	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 35"	105° 32' 04"					F-48-56-C-a
xóm Đồng Trắng	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 42' 07"	105° 29' 44"					F-48-55-D-b
xóm Giữa	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 40' 52"	105° 31' 18"					F-48-56-C-a
núi Hồng	SV	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 43' 20"	105° 31' 33"					F-48-56-C-a
đèo Khế	SV	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 13"	105° 29' 08"					F-48-55-D-b
xóm Khôn Nanh	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 40' 18"	105° 30' 51"					F-48-56-C-a
xóm Mối	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 42' 02"	105° 31' 00"					F-48-56-C-a
xóm Nhất Trí	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 40"	105° 30' 38"					F-48-56-C-a
ga Núi Hồng	KX	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 40' 58"	105° 31' 38"					F-48-56-C-a
mỏ Núi Hồng	KX	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 42' 40"	105° 31' 37"					F-48-56-C-a
xí nghiệp Núi Hồng	KX	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 28"	105° 30' 55"					F-48-56-C-a
xóm Quyết Tâm	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 21"	105° 30' 55"					F-48-56-C-a
xóm Thắng Lợi	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 13"	105° 30' 34"					F-48-56-C-a
xóm Tiên Đốc	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 40' 52"	105° 30' 29"					F-48-56-C-a
cầu Yên Lãng	KX	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 41' 04"	105° 31' 08"					F-48-56-C-a
xóm Yên Từ	DC	xã Yên Lãng	H. Đại Từ	21° 39' 60"	105° 31' 07"					F-48-56-C-a
cầu Ba Ngạc	KX	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 04"	105° 38' 17"					F-48-56-A
xóm Bãi Á	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 19"	105° 38' 11"					F-A-56-A
xóm Đồng Chùa	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 07"	105° 38' 22"					F-A-56-A
xóm Hồ Rú	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 27"	105° 38' 48"					F-A-56-A
xóm Hợp Thành	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 50"	105° 38' 05"					F-A-56-A
xóm Nân Dưới	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 55' 00"	105° 38' 38"					F-A-56-A
xóm Nân Trên	DC	TT. Chợ Chu	H. Định Hóa	21° 54' 18"	105° 38' 23"					F-A-56-A
xóm Bãi Lênh	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 37"	105° 37' 03"					F-48-56-A
xóm Cát Chang	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 17"	105° 36' 32"					F-48-56-A
dãy núi Con Rồng	SV	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 12"	105° 38' 06"					F-48-56-A
xóm Đồng Mãn	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 43"	105° 37' 57"					F-48-56-A
xóm Đồng Tùm	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 36"	105° 37' 43"					F-48-56-A
xóm Khẩu Bảo	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 01"	105° 37' 37"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Làng Chùa 1	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 31"	105° 36' 50"							F-48-56-A
xóm Làng Mạ	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 26"	105° 37' 10"							F-48-56-A
xóm Làng Mới	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 57"	105° 37' 57"							F-48-56-A
hồ Nà Ngòi	TV	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 38"	105° 36' 58"							F-48-56-A
cầu Tà Ma	KX	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 53' 24"	105° 37' 52"							F-48-56-A
xóm Thôn Tý	DC	xã Bảo Cường	H. Định Hóa	21° 54' 22"	105° 37' 22"							F-48-56-A
xóm A Nhì	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 54' 25"	105° 34' 14"							F-48-56-A
xóm Bản Pù	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 55' 01"	105° 34' 53"							F-48-56-A
xóm Bản Thoi	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 54' 29"	105° 34' 56"							F-48-56-A
xóm Bảo Biên	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 53' 20"	105° 33' 19"							F-48-56-A
hồ Bảo Linh	TV	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 54' 40"	105° 34' 38"							F-48-56-A
xóm Đèo Muồng	DC	xã Bảo Linh	H. Định Hóa	21° 54' 06"	105° 33' 31"							F-48-56-A
xóm Bản Là 1	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 37"	105° 33' 21"							F-48-56-A-c
xóm Bản Là 2	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 29"	105° 33' 42"							F-48-56-A-c
xóm Bình Tiến	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 19"	105° 34' 19"							F-48-56-A-c
xóm Cây Cốc	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 30"	105° 34' 28"							F-48-56-A-c
xóm Cây Thị	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 43"	105° 33' 26"							F-48-56-A-c
sông Công	TV	xã Bình Thành	H. Định Hóa			21° 47' 58"	105° 33' 16"	21° 44' 57"	105° 34' 12"			F-48-56-A-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 43"	105° 34' 35"							F-48-56-A-c
xóm Đồn	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 50"	105° 34' 46"							F-48-56-A-c
xóm Đồng Danh	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 15"	105° 35' 29"							F-48-56-A-c
xóm Đồng Đình	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 55"	105° 34' 25"							F-48-56-A-c
xóm Đồng Thành	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 48' 02"	105° 33' 58"							F-48-56-A-c
xóm Đồng Tô	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 15"	105° 34' 30"							F-48-56-A-c
xóm Đồng Vương	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 42"	105° 34' 14"							F-48-56-A-c
xóm Hồng Thái	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 44"	105° 32' 56"							F-48-56-A-c
xóm Làng Đàm	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 33"	105° 33' 47"							F-48-56-A-c
xóm Làng Luông	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 10"	105° 33' 36"							F-48-56-A-c
xóm Làng Nập	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 13"	105° 34' 47"							F-48-56-A-c
xóm Làng Pháng	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 12"	105° 32' 51"							F-48-56-A-c
chợ Lấp	KX	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 33"	105° 34' 24"							F-48-56-A-c
núi Mao Len	SV	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 12"	105° 35' 24"							F-48-56-A-c
xóm Nà Rao	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 59"	105° 34' 05"							F-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Phở	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 47' 23"	105° 34' 40"					F-48-56-A-c
cầu Quán Thợ	KX	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 37"	105° 34' 48"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Tiến	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 02"	105° 33' 19"					F-48-56-A-c
xóm Thanh Bản	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 45' 19"	105° 33' 08"					F-48-56-A-c
xóm Vũ Hồng	DC	xã Bình Thành	H. Định Hóa	21° 46' 53"	105° 33' 48"					F-48-56-A-c
xóm Đá Bay	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 34"	105° 34' 05"					F-48-56-A
hồ Đá Bay	TV	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 51' 03"	105° 34' 08"					F-48-56-A
xóm Đoàn Kết	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 51' 51"	105° 34' 52"					F-48-56-A
xóm Hùng Lập	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 54"	105° 33' 27"					F-48-56-A
xóm Khang Hạ	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 38"	105° 34' 56"					F-48-56-A
xóm Nà Mọc	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 10"	105° 34' 13"					F-48-56-A
xóm Thỏm Rộc	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 51' 19"	105° 34' 40"					F-48-56-A
xóm Yên Hòa 2	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 50' 17"	105° 34' 50"					F-48-56-A
xóm Yên Thông	DC	xã Bình Yên	H. Định Hóa	21° 51' 07"	105° 35' 01"					F-48-56-A
xóm Bục	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 08"	105° 36' 43"					F-48-56-A-c
núi Chu Quyết	SV	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 36"	105° 38' 24"					F-48-56-A-d
xóm Chúc	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 55"	105° 37' 46"					F-48-56-A-d
xóm Đạo	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 58"	105° 37' 05"					F-48-56-A-c
xóm Đình	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 48' 08"	105° 37' 02"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Tâm	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 46' 29"	105° 36' 18"					F-48-56-A-c
xóm Lạc Nhiêu	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 49' 25"	105° 36' 16"					F-48-56-A-d
xóm Rịn	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 47' 27"	105° 37' 01"					F-48-56-A-c
xóm Văn Nhiêu	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 46' 43"	105° 36' 59"					F-48-56-A-c
xóm Việt Nhiêu	DC	xã Bộc Nhiêu	H. Định Hóa	21° 47' 40"	105° 35' 33"					F-48-56-A-c
xóm Bắc	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 49"	105° 32' 17"					F-48-56-A-c
xóm Bắc Châu	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 06"	105° 33' 13"					F-48-56-A-c
xóm Bần Quyến	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 56"	105° 33' 22"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Lự	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 21"	105° 32' 36"					F-48-56-A-c
xóm Khảo Quyến	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 50' 01"	105° 32' 09"					F-48-56-A-c
xóm Khẩu Khuông	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 20"	105° 31' 48"					F-48-56-A-c
xóm Nạ Cha	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 46"	105° 33' 08"					F-48-56-A-c
xóm Nạ Dút	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 48' 51"	105° 31' 58"					F-48-56-A-c
cầu Nà Tầm	KX	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 48' 50"	105° 32' 38"					F-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nạ Tổng	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 33"	105° 32' 10"					F-48-56-A-c
Khu di tích Phụng Hiệu	KX	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 00"	105° 31' 40"					F-48-56-A-c
xóm Song Thái	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 50' 22"	105° 32' 47"					F-48-56-A
xóm Thâm Đoạc	DC	xã Diêm Mặc	H. Định Hóa	21° 49' 04"	105° 32' 09"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Đầu	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 27"	105° 34' 09"					F-48-56-A
xóm Gốc Thông	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 08"	105° 34' 40"					F-48-56-A
xóm Khau Điều	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 53' 01"	105° 34' 34"					F-48-56-A
xóm Làng Quặng	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 45"	105° 34' 33"					F-48-56-A
xóm Làng Vẹ	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 57"	105° 34' 03"					F-48-56-A
xóm Nà To	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 51' 59"	105° 34' 25"					F-48-56-A
xóm Noong Nía	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 52' 33"	105° 34' 56"					F-48-56-A
xóm Pắc Máng	DC	xã Định Biên	H. Định Hóa	21° 54' 09"	105° 34' 24"					F-48-56-A
xóm An Thịnh 1	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 54' 18"	105° 35' 05"					F-48-56-A
xóm Búc 1	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 12"	105° 35' 41"					F-48-56-A
sông Chợ Chu	TV	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa			21° 52' 30"	105° 35' 18"	21° 53' 04"	105° 36' 57"	F-48-56-A
xóm Co Quan	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 08"	105° 36' 42"					F-48-56-A
xóm Du Nghệ 1	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 10"	105° 34' 53"					F-48-56-A
xóm Đồng Bo	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 39"	105° 34' 49"					F-48-56-A
xóm Đồng Lân	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 37"	105° 35' 13"					F-48-56-A
xóm Đồng Phương	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 37"	105° 35' 42"					F-48-56-A
xóm Khuôn Ca	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 29"	105° 35' 59"					F-48-56-A
xóm Làng Bằng	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 47"	105° 36' 12"					F-48-56-A
xóm Làng Bền	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 36"	105° 35' 33"					F-48-56-A
xóm Nà Lặng	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 54' 10"	105° 35' 34"					F-48-56-A
xóm Nà Táp	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 53' 10"	105° 36' 25"					F-48-56-A
xóm Thôn Bầy	DC	xã Đồng Thịnh	H. Định Hóa	21° 52' 13"	105° 35' 20"					F-48-56-A
xóm Bùn Kết	DC	xã Kim Phương	H. Định Hóa	21° 56' 16"	105° 39' 17"					F-48-56-A
xóm Cạm Phương	DC	xã Kim Phương	H. Định Hóa	21° 55' 27"	105° 39' 01"					F-48-56-A
xóm Đồng Nghệ	DC	xã Kim Phương	H. Định Hóa	21° 55' 55"	105° 39' 03"					F-48-56-A
hồ Láng Giếng	TV	xã Kim Phương	H. Định Hóa	21° 57' 07"	105° 39' 47"					F-48-56-A
xóm Lành	DC	xã Kim Phương	H. Định Hóa	21° 57' 31"	105° 39' 13"					F-48-56-A
xóm Mới	DC	xã Kim Phương	H. Định Hóa	21° 56' 27"	105° 39' 20"					F-48-56-A
xóm Nà Bó	DC	xã Kim Phương	H. Định Hóa	21° 55' 12"	105° 39' 09"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Pên	DC	xã Kim Phụng	H. Định Hóa	21° 55' 41"	105° 39' 17"					F-48-56-A
xóm Ngòi	DC	xã Kim Phụng	H. Định Hóa	21° 56' 56"	105° 39' 19"					F-48-56-A
sông Quang Cao	TV	xã Kim Phụng	H. Định Hóa			21° 57' 40"	105° 39' 00"	21° 54' 50"	105° 39' 18"	F-48-56-A
Thôn Pát	TV	xã Kim Phụng	H. Định Hóa	21° 56' 42"	105° 39' 40"					F-48-56-A
xóm Ao Sen	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 59"	105° 38' 06"					F-48-56-A
xóm Chang	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 55' 57"	105° 38' 05"					F-48-56-A
hồ Hiền Tắc	TV	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 35"	105° 38' 17"					F-48-56-A
xóm Hìn Tắc	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 27"	105° 38' 03"					F-48-56-A
xóm Khuổi Hưng	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 26"	105° 37' 23"					F-48-56-A
xóm Kim Tiến	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 07"	105° 37' 56"					F-48-56-A
xóm Kốc Ka	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 53"	105° 37' 49"					F-48-56-A
xóm Nà Ấng	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 45"	105° 38' 29"					F-48-56-A
xóm Nà Diễm	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 55' 48"	105° 37' 46"					F-48-56-A
xóm Nghĩa Trang	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 37"	105° 37' 36"					F-48-56-A
xóm Tổng Kết	DC	xã Kim Sơn	H. Định Hóa	21° 56' 11"	105° 38' 18"					F-48-56-A
xóm Bần Cầu	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 05"	105° 41' 52"					F-48-56-A
xóm Cốc Ngạn	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 17"	105° 40' 39"					F-48-56-A
xóm Đồng Keng	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 49"	105° 41' 24"					F-48-56-A
xóm Há	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 53"	105° 41' 48"					F-48-56-A
xóm Khau Viêng	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 14"	105° 42' 43"					F-48-56-A
xóm Làng Cỏ	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 52"	105° 41' 35"					F-48-56-A
xóm Làng Giản	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 31"	105° 41' 16"					F-48-56-A
xóm Làng Hồng	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 50"	105° 40' 38"					F-48-56-A
xóm Làng Quyền	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 31"	105° 41' 50"					F-48-56-A
xóm Nà Din	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 54"	105° 41' 34"					F-48-56-A
xóm Nà Làng	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 38"	105° 42' 18"					F-48-56-A
xóm Nà Tắc	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	22° 00' 17"	105° 43' 28"					F-48-44-C
suối Nà Tắc	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa			22° 00' 22"	105° 43' 23"	21° 59' 24"	105° 42' 50"	F-48-56-A
xóm Nà Tiến	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 57"	105° 41' 43"					F-48-56-A
xóm Nà Toàn	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 58' 15"	105° 41' 49"					F-48-56-A
xóm Thôn Kết	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 56"	105° 41' 20"					F-48-56-A
xóm Thôn Pục	DC	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 45"	105° 42' 23"					F-48-56-A
hồ Thầm Ngáy	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 57' 29"	105° 41' 35"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Thùm Xa	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa	21° 59' 17"	105° 40' 37"					F-48-56-A
suối Văn La	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa			22° 00' 00"	105° 41' 24"	22° 00' 25"	105° 40' 58"	F-48-56-A, F-48-44-C
suối Văn Lá	TV	xã Lam Vỹ	H. Định Hóa			22° 01' 27"	105° 43' 06"	22° 00' 00"	105° 43' 27"	F-48-44-C
xóm Bản Chang	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 22"	105° 40' 13"					F-48-44-C
xóm Bản Nồng	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 55"	105° 40' 24"					F-48-44-C
xóm Cốc Móc	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 33"	105° 40' 46"					F-48-44-C
suối Đèo Phụng	TV	xã Linh Thông	H. Định Hóa			22° 01' 30"	105° 38' 53"	22° 01' 05"	105° 38' 38"	F-48-44-C
xóm Lại	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 15"	105° 39' 43"					F-48-44-C
xóm Mới	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 29"	105° 39' 05"					F-48-44-C
xóm Nà Chát	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	21° 59' 54"	105° 39' 53"					F-A-56-A
xóm Nà Chú	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 52"	105° 39' 43"					F-48-44-C
xóm Nà Lá	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 38"	105° 39' 35"					F-48-44-C
xóm Nà Mị	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 49"	105° 40' 32"					F-48-44-C
suối Pác Káp	TV	xã Linh Thông	H. Định Hóa			22° 01' 30"	105° 40' 37"	22° 00' 50"	105° 41' 02"	F-48-44-C
suối Phụng	TV	xã Linh Thông	H. Định Hóa			22° 00' 00"	105° 40' 01"	22° 00' 18"	105° 40' 26"	F-48-44-C
suối Pục	TV	xã Linh Thông	H. Định Hóa			22° 01' 08"	105° 40' 12"	22° 00' 43"	105° 40' 19"	F-48-44-C
xóm Tân Thái	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 36"	105° 40' 18"					F-48-44-C
xóm Tân Trào	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 01' 21"	105° 40' 22"					F-48-44-C
xóm Tân Vàng	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 59"	105° 41' 14"					F-48-44-C
xóm Vén	DC	xã Linh Thông	H. Định Hóa	22° 00' 44"	105° 40' 58"					F-48-44-C
Nhà tưởng niệm Bác Hồ	KX	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 19"	105° 30' 31"					F-48-56-A-c
sông Bình Nguyên	TV	xã Phú Đình	H. Định Hóa			21° 48' 52"	105° 32' 36"	21° 48' 01"	105° 33' 01"	F-48-56-A-c
xóm Cam Đưa	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 46"	105° 31' 20"					F-48-56-A-c
sông Công	TV	xã Phú Đình	H. Định Hóa			21° 49' 34"	105° 30' 00"	21° 48' 05"	105° 33' 07"	F-48-56-A-c
đèo De	SV	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 24"	105° 30' 40"					F-48-56-A-c
xóm Duyên Phú 2	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 32"	105° 32' 05"					F-48-56-A-c
xóm Đèo	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 29"	105° 30' 16"					F-48-56-A-c
xóm Đèo De	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 18"	105° 30' 20"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Ban	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 48' 01"	105° 32' 39"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Chung	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 33"	105° 31' 45"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Giảng	DC	xã Phú Đình	H. Định Hóa	21° 47' 14"	105° 31' 51"					F-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Hoàng	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 48' 06"	105° 31' 50"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Kệu	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 24"	105° 31' 29"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Muồng	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 36"	105° 31' 17"					F-48-56-A-c
xóm Đồng Tầm	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 48' 44"	105° 32' 07"					F-48-56-A-c
núi Hồng	SV	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 48' 00"	105° 29' 24"					F-48-56-A-c
xóm Khẩu Đưa	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 48' 25"	105° 32' 28"					F-48-56-A-c
xóm Khẩu Toá	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 50"	105° 31' 36"					F-48-56-A-c
xóm Khôn Tát	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 48"	105° 30' 21"					F-48-56-A-c
cầu Khôn Tát	KX	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 49"	105° 30' 25"					F-48-56-A-c
khu di tích Khôn Tát	KX	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 48' 05"	105° 30' 24"					F-48-56-A-c
khu di tích Nà Mòn	KX	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 48' 17"	105° 31' 33"					F-48-56-A-c
xóm Nà Mũi	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 14"	105° 32' 29"					F-48-56-A-c
xóm Nà Sai	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 59"	105° 31' 38"					F-48-56-A-c
xóm Phú Hà	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 21"	105° 31' 04"					F-48-56-A-c
xóm Phú Ninh 1	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 51"	105° 32' 52"					F-48-56-A-c
xóm Quan Lang	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 43"	105° 31' 25"					F-48-56-A-c
xóm Thỏm Pung	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 31"	105° 32' 07"					F-48-56-A-c
xóm Thỏm Tum	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 49' 00"	105° 32' 56"					F-48-56-A-c
xóm Tìn Keo	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 35"	105° 30' 48"					F-48-56-A-c
cầu Tìn Keo	KX	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 24"	105° 31' 12"					F-48-56-A-c
khu di tích Tìn Keo	KX	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 32"	105° 31' 03"					F-48-56-A-c
xóm Trung Tâm	DC	xã Phú Định	H. Định Hòa	21° 47' 57"	105° 32' 15"					F-48-56-A-c
đường tỉnh 254	KX	xã Phú Tiến	H. Định Hòa			21° 50' 28"	105° 38' 05"	21° 48' 47"	105° 40' 31"	F-48-56-A-d
xóm Cây Châm	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hòa	21° 50' 00"	105° 38' 33"					F-48-56-A-d
xóm Cây Sung	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hòa	21° 47' 59"	105° 40' 07"					F-48-56-A-d
núi Chi Guyết	SV	xã Phú Tiến	H. Định Hòa	21° 49' 25"	105° 39' 07"					F-48-56-A-d
xóm Đầu	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hòa	21° 48' 54"	105° 39' 49"					F-48-56-A-d
xóm Đậu	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hòa	21° 48' 09"	105° 40' 23"					F-48-56-A-d
xóm Đáy	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hòa	21° 48' 27"	105° 39' 40"					F-48-56-A-d
khe Khuổi Chè	SV	xã Phú Tiến	H. Định Hòa			21° 50' 01"	105° 38' 17"	21° 50' 51"	105° 39' 16"	F-48-56-A
xóm Khuổi Cây	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hòa	21° 51' 10"	105° 33' 48"					F-48-56-A
xóm Mư	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hòa	21° 49' 45"	105° 40' 24"					F-48-56-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nhà Chặt	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 33"	105° 39' 46"					F-48-56-A-d
xóm Nhà Diên	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 15"	105° 40' 04"					F-48-56-A-d
xóm Nhà Pô	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 38"	105° 39' 40"					F-48-56-A-d
xóm Nhậu	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 38"	105° 40' 12"					F-48-56-A-d
xóm Pắc Mây	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 48' 30"	105° 40' 12"					F-48-56-A-d
xóm Phở	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 26"	105° 40' 06"					F-48-56-A-d
núi Phở Ngừ	SV	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 48"	105° 39' 00"					F-48-56-A-d
cầu Phở Ngừ	KX	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 13"	105° 40' 07"					F-48-56-A-d
xóm Thỏm Luồng	DC	xã Phú Tiến	H. Định Hóa	21° 49' 23"	105° 39' 35"					F-48-56-A-d
xóm Đồng Kê	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 54' 56"	105° 36' 46"					F-48-56-A
xóm Gày	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 55' 24"	105° 36' 50"					F-48-56-A
xóm Làng Hoàn	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 54' 49"	105° 36' 46"					F-48-56-A
xóm Làng Mới	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 55' 16"	105° 37' 35"					F-48-56-A
xóm Nhà Lom	DC	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 55' 23"	105° 37' 23"					F-48-56-A
hồ Thỏm Bến	TV	xã Phúc Chu	H. Định Hóa	21° 54' 43"	105° 37' 44"					F-48-56-A
xóm Cắm	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 59"	105° 39' 42"					F-48-56-A-b
xóm Đình	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 37"	105° 38' 39"					F-48-56-A-b
xóm Đồng Then	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 58"	105° 39' 28"					F-48-56-A-b
xóm Héo	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 56"	105° 40' 21"					F-48-56-A-b
xóm Mầu	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 20"	105° 38' 43"					F-48-56-A-b
xóm Nhà Lang	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 46"	105° 40' 19"					F-48-56-A-b
xóm Nhà Liên	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 27"	105° 40' 01"					F-48-56-A-b
xóm Nhà Quê	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 38"	105° 39' 34"					F-48-56-A-b
xóm Pa Trô	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 38"	105° 38' 56"					F-48-56-A-b
hồ Pắc Xoay	TV	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 55"	105° 40' 23"					F-48-56-A
xóm Pải	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 54' 22"	105° 39' 18"					F-48-56-A-b
xóm Pỉnh	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 35"	105° 38' 45"					F-48-56-A-b
hồ Thỏm Men	TV	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 06"	105° 38' 46"					F-48-56-A
hồ Thỏm Pin	TV	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 53' 17"	105° 39' 47"					F-48-56-A
xóm Tổ	DC	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 39"	105° 39' 26"					F-48-56-A-b
núi Tổng Khún	SV	xã Phương Tiến	H. Định Hóa	21° 52' 12"	105° 40' 12"					F-48-56-A-b
xóm Bản Cọ	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 05"	105° 38' 39"					F-48-56-A
xóm Bản Noóng	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 08"	105° 38' 34"					F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Bần Pầu	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 15"	105° 38' 13"					F-48-56-A
xóm Đăng Mò	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 32"	105° 35' 40"					F-48-56-A
cầu Đăng Mò	KX	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 42"	105° 36' 04"					F-48-44-C
suối Đèo Sò	TV	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa			21° 58' 44"	105° 36' 18"	21° 58' 26"	105° 36' 40"	F-48-56-A
xóm Định Hoà	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 59"	105° 36' 04"					F-48-56-A
xóm Đồng Cùm	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 12"	105° 37' 51"					F-48-56-A
xóm Đồng Hẩu	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 38"	105° 37' 55"					F-48-56-A
xóm Gốc Hồng	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 33"	105° 38' 51"					F-48-56-A
xóm Khôn Cầm	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 14"	105° 36' 50"					F-48-56-A
xóm Khôn Nhà	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 57' 53"	105° 37' 02"					F-48-56-A
xóm Khuổi Tát	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 32"	105° 35' 54"					F-48-56-A
xóm Nà Ấng	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 43"	105° 38' 38"					F-48-56-A
xóm Nà Kéo	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 22"	105° 38' 49"					F-48-56-A
hồ Nà Kéo	TV	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 28"	105° 38' 38"					F-48-56-A
hồ Nà Ri	TV	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 58' 34"	105° 38' 28"					F-48-56-A
xóm Nà Ro	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 59' 46"	105° 38' 46"					F-48-56-A
xóm Sự Thật	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 57' 06"	105° 35' 57"					F-48-56-A
xóm Tân Hợp	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 57' 53"	105° 38' 03"					F-48-56-A
xóm Túc Duyên	DC	xã Quy Kỳ	H. Định Hóa	21° 57' 19"	105° 38' 25"					F-48-56-A
xóm Bần Giáo 2	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 11"	105° 34' 47"					F-48-56-A-c
xóm Bần Thanh	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 32"	105° 35' 09"					F-48-56-A-c
xóm Bần Trang	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 39"	105° 33' 49"					F-48-56-A-c
xóm Hìn	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 35"	105° 33' 22"					F-48-56-A-c
núi Khau Cúc	SV	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 50"	105° 34' 38"					F-48-56-A
xóm Làng Phầy	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 23"	105° 35' 07"					F-48-56-A-c
xóm Lương Bình	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 19"	105° 35' 25"					F-48-56-A-c
xóm Nà Khuất	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 55"	105° 34' 18"					F-48-56-A-c
xóm Phú Hội	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 22"	105° 33' 39"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Đầu	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 56"	105° 35' 01"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Thẳng	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 34"	105° 34' 34"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Vinh 1	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 35"	105° 34' 29"					F-48-56-A-c
xóm Sơn Vinh 2	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 49' 29"	105° 34' 11"					F-48-56-A-c
xóm Tiếp Tế	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 18"	105° 33' 15"					F-48-56-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)			
xóm Trường Sơn	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 52"	105° 35' 24"							F-48-56-A-c
xóm Văn Phú	DC	xã Sơn Phú	H. Định Hóa	21° 48' 42"	105° 35' 16"							F-48-56-A-c
xóm Bấy	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 53' 40"	105° 41' 30"							F-48-56-A
hồ Cầu Chú	TV	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 16"	105° 41' 56"							F-48-56-A
sông Chợ Chu	TV	xã Tân Dương	H. Định Hóa			21° 54' 49"	105° 39' 21"	21° 54' 12"	105° 43' 35"			F-48-56-A
xóm Cốc	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 26"	105° 40' 49"							F-48-56-A
xóm Cút	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 09"	105° 41' 56"							F-48-56-A
xóm Kén	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 33"	105° 41' 17"							F-48-56-A
xóm Nà Chay	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 00"	105° 42' 27"							F-48-56-A
xóm Tả	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 24"	105° 40' 57"							F-48-56-A
xóm Tân Phương	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 51"	105° 42' 07"							F-48-56-A
xóm Tân Tiến 1	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 43"	105° 39' 32"							F-48-56-A
xóm Tân Tiến 2	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 49"	105° 39' 37"							F-48-56-A
xóm Tân Tiến 3	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 58"	105° 40' 04"							F-48-56-A
xóm Tân Tiến 4	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 07"	105° 40' 17"							F-48-56-A
xóm Tân Tiến 5	DC	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 55' 23"	105° 40' 40"							F-48-56-A
hồ Thảm Khi	TV	xã Tân Dương	H. Định Hóa	21° 54' 22"	105° 40' 34"							F-48-56-A
núi Ba Chòm	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 00"	105° 46' 12"							F-48-56-B-a
suối Bàn Cai	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa			21° 56' 35"	105° 41' 35"	21° 55' 41"	105° 41' 28"			F-48-56-A
xóm Bàn Mần	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 55' 59"	105° 41' 16"							F-48-56-A
Bản Mù	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa			21° 55' 55"	105° 45' 18"	21° 55' 37"	105° 45' 14"			F-48-56-B-a
xóm Bàn Pán	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 17"	105° 41' 54"							F-48-56-A
xóm Đồng Khiếu	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 08"	105° 41' 37"							F-48-56-A
xóm Đồng Muồng	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 05"	105° 41' 46"							F-48-56-A
xóm Đồng Tộc	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 48"	105° 41' 26"							F-48-56-A
hồ Đồng Vang	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 31"	105° 40' 55"							F-48-56-A
núi Kéo Pút	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 59' 24"	105° 45' 00"							F-48-56-B-a
xóm Khau Lang	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 27"	105° 41' 35"							F-48-56-A
núi Khe Loóng	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 58' 48"	105° 45' 36"							F-48-56-B-a
khau Khim	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 00"	105° 45' 00"							F-48-56-B-a
núi Khuổi Bó	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 24"	105° 45' 36"							F-48-56-B-a
xóm Khuổi Lừa	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 58' 16"	105° 44' 41"							F-48-56-A
xóm Khuổi Trai	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 48"	105° 44' 59"							F-48-56-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình	
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)		
núi Khuổi Trai	SV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 24"	105° 45' 00"						F-48-56-A-b
xóm Làng Đức	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 21"	105° 43' 20"						F-48-56-A
xóm Làng Lải	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 57' 59"	105° 43' 59"						F-48-56-A
xóm Làng Ngõa	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 58' 43"	105° 42' 19"						F-48-56-A
xóm Làng Quàn	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 58' 03"	105° 43' 38"						F-48-56-A
khuổi Lúa	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa			21° 59' 13"	105° 45' 29"	21° 58' 16"	105° 44' 42"		F-48-56-B-a
hồ Nà Kén	TV	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 35"	105° 42' 18"						F-48-56-A
xóm Nà Leng	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 55' 00"	105° 43' 42"						F-48-56-A
xóm Pác Cáp	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 58' 01"	105° 41' 21"						F-48-56-A
xóm Thảm Yên	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 56' 37"	105° 41' 54"						F-48-56-A
xóm Thịnh Mỹ 1	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 55' 49"	105° 45' 02"						F-48-56-B-a
xóm Thịnh Mỹ 3	DC	xã Tân Thịnh	H. Định Hóa	21° 55' 27"	105° 43' 44"						F-48-56-A
xóm Cái	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 52' 32"	105° 32' 51"						F-48-56-A
xóm Cỏ Bảnh	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 52' 36"	105° 32' 23"						F-48-56-A
xóm Hùng Lập	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 30"	105° 33' 19"						F-48-56-A
xóm Keo En	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 52' 42"	105° 32' 45"						F-48-56-A
xóm Khẩu Cuộng	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 52' 24"	105° 32' 12"						F-48-56-A
xóm Khẩu Rì	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 54"	105° 33' 54"						F-48-56-A
xóm Nà Mao	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 39"	105° 33' 17"						F-48-56-A
xóm Piềng	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 13"	105° 32' 47"						F-48-56-A
xóm Thỏm Quàn	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 39"	105° 33' 42"						F-48-56-A
xóm Thỏm Thía	DC	xã Thanh Định	H. Định Hóa	21° 51' 23"	105° 33' 46"						F-48-56-A
xóm Đoàn Kết	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 59"	105° 37' 40"						F-48-56-A
xóm Đồng Môn	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 51' 05"	105° 38' 16"						F-48-56-A
xóm Nà Khao	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 50"	105° 37' 26"						F-48-56-A
xóm Quàn Vuông	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 17"	105° 37' 56"						F-48-56-A
xóm Quỳnh Hội	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 15"	105° 37' 55"						F-48-56-A
xóm Tân Hội	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 51' 58"	105° 37' 39"						F-48-56-A
xóm Tân Tiến	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 51' 01"	105° 38' 03"						F-48-56-A
xóm Trung Kiên	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 52' 02"	105° 36' 58"						F-48-56-A
xóm Vầy	DC	xã Trung Hội	H. Định Hóa	21° 51' 55"	105° 38' 02"						F-48-56-A
xóm Bầy Bung	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 49' 44"	105° 35' 19"						F-48-56-A-c
xóm Bình Định	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 27"	105° 36' 06"						F-48-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hồng Lương	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 10"	105° 36' 37"					F-48-56-A
xóm Hồng Tiến	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 55"	105° 36' 23"					F-48-56-A
xóm Lương Trung	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 49' 53"	105° 35' 38"					F-48-56-A-c
xóm Quang Trung	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 39"	105° 36' 38"					F-48-56-A
xóm Tân Tiến	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 57"	105° 36' 46"					F-48-56-A
xóm Tân Vinh	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 29"	105° 36' 46"					F-48-56-A
xóm Thảm Tang	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 51' 01"	105° 35' 57"					F-48-56-A
xóm Văn Lương	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 50' 44"	105° 36' 24"					F-48-56-A
xóm Vũ Lương	DC	xã Trung Lương	H. Định Hóa	21° 50' 14"	105° 35' 33"					F-48-56-A
tổ 37	DC	TT. Chùa Hang	H. Đồng Hỷ	21° 38' 12"	105° 49' 12"					F-48-56-D-a
tổ 41	DC	TT. Chùa Hang	H. Đồng Hỷ	21° 38' 20"	105° 49' 05"					F-48-56-D-a
Nhà máy Xi măng Núi Voi	KX	TT. Chùa Hang	H. Đồng Hỷ	21° 38' 04"	105° 49' 39"					F-48-56-D-a
đội 5	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 39' 45"	105° 51' 17"					F-48-56-D-a
xóm Cây Lim	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 40' 03"	105° 50' 48"					F-48-56-D-a
xóm Chợ	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 40' 20"	105° 51' 04"					F-48-56-D-a
xóm Độc Hẻo	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 40' 52"	105° 52' 21"					F-48-56-D-a
suối Dừng	TV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ			21° 40' 23"	105° 51' 30"	21° 39' 31"	105° 51' 06"	F-48-56-D-a
suối Đèo Khế	TV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ			21° 41' 31"	105° 53' 18"	21° 41' 22"	105° 52' 27"	F-48-56-D-b
xóm La Đảnh	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 13"	105° 51' 12"					F-48-56-D-a
xóm La Giang	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 47"	105° 51' 35"					F-48-56-D-a
xóm La Thông	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 23"	105° 51' 20"					F-48-56-D-a
suối Linh Nham	TV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ			21° 41' 47"	105° 52' 18"	21° 41' 23"	105° 52' 27"	F-48-56-D-a
suối Nà Nưa	TV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ			21° 40' 20"	105° 50' 56"	21° 39' 31"	105° 51' 06"	F-48-56-D-a
xóm Sông Cầu	DC	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 40' 38"	105° 51' 21"					F-48-56-D-a
Nông trường Sông Cầu	KX	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 35"	105° 52' 13"					F-48-56-D-a
đồi Tau	SV	TT. Sông Cầu	H. Đồng Hỷ	21° 41' 38"	105° 53' 11"					F-48-56-D-b
tổ 1	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 36' 00"	105° 56' 39"					F-48-56-D-d
tổ 3	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 43"	105° 56' 43"					F-48-56-D-d
tổ 5	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 44"	105° 56' 54"					F-48-56-D-d
tổ 6	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 35"	105° 56' 44"					F-48-56-D-d
tổ 8	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 19"	105° 57' 04"					F-48-56-D-d
tổ 9	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 11"	105° 57' 09"					F-48-56-D-d
tổ 10	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 07"	105° 57' 19"					F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thành Giền	DC	xã Tiên An	TX. Quảng Yên	20° 55' 59"	106° 51' 17"					F-48-82-B-a
núi Trùng Lầu	SV	xã Tiên An	TX. Quảng Yên	20° 57' 05"	106° 50' 35"					F-48-82-B-a
xóm Vườn Chay	DC	xã Tiên An	TX. Quảng Yên	20° 56' 08"	106° 50' 37"					F-48-82-B-a
thôn 4	DC	xã Tiên Phong	TX. Quảng Yên	20° 50' 58"	106° 51' 02"					F-48-82-B-c
kênh Cái Tráp	TV	xã Tiên Phong	TX. Quảng Yên	20° 49' 10"	106° 50' 27"					F-48-82-B-c
cửa Lạch H.	TV	xã Tiên Phong	TX. Quảng Yên	20° 51' 37"	106° 51' 14"					F-48-82-B-c
đầm Liên Hoà	TV	xã Tiên Phong	TX. Quảng Yên	20° 50' 18"	106° 51' 10"					F-48-82-B-c
xóm 1	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 47"	106° 47' 55"					F-48-82-B-a
xóm 2	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 40"	106° 47' 33"					F-48-82-B-a
xóm 3	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 37"	106° 47' 27"					F-48-82-B-a
xóm 4	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 28"	106° 47' 32"					F-48-82-B-a
xóm 6	DC	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 30"	106° 46' 54"					F-48-82-B-a
đường Biểu Nghi - An Lão	KX	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên			20° 56' 34"	106° 46' 25"	20° 56' 23"	106° 47' 34"	F-48-82-B-a
đền Trần Hưng Đạo	KX	xã Yên Giang	TX. Quảng Yên	20° 56' 48"	106° 46' 33"					F-48-82-B-a
khu 1	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 19"	107° 16' 46"					F-48-71-B-c
khu 2	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 23"	107° 16' 53"					F-48-71-B-c
khu 3	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 27"	107° 17' 07"					F-48-71-B-c
khu 4	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 22"	107° 17' 22"					F-48-71-B-c
khu 5	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 25"	107° 17' 43"					F-48-71-B-c
khu 6	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 38"	107° 17' 55"					F-48-71-B-c
khu 7	DC	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 35"	107° 16' 37"					F-48-71-B-c
chợ Ba Chẽ	KX	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 32"	107° 16' 55"					F-48-71-B-c
cầu Khe Hồ	KX	TT. Ba Chẽ	H. Ba Chẽ	21° 16' 40"	107° 17' 39"					F-48-71-B-c
sông Ba Chẽ	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 16' 24"	107° 04' 08"	21° 19' 29"	107° 06' 49"	F-48-71-A-c
thôn Bắc Cáp	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 19' 26"	107° 04' 20"					F-48-71-A-c
thôn Bắc Tập	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 16' 39"	107° 06' 45"					F-48-71-A-c
thôn Bắc Xa	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 18' 54"	107° 05' 55"					F-48-71-A-c
khe Cầu	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 18' 58"	107° 02' 17"	21° 18' 53"	107° 03' 21"	F-48-71-A-c
sông Đoảng	TV	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ			21° 14' 16"	107° 06' 35"	21° 16' 33"	107° 05' 46"	F-48-71-A-c, F-48-71-C-a
thôn Đồng Giã	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 14' 35"	107° 09' 09"					F-48-71-C-b
thôn Đồng Khoang	DC	xã Đạp Thanh	H. Ba Chẽ	21° 14' 50"	107° 06' 38"					F-48-71-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
tổ 11	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 09"	105° 57' 23"					F-48-56-D-d
tổ 14	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 37"	105° 57' 23"					F-48-56-D-d
tổ 15	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 31"	105° 57' 44"					F-48-56-D-d
tổ 16	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 10"	105° 58' 09"					F-48-56-D-d
tổ 17	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 19"	105° 58' 36"					F-48-56-D-d
đường tỉnh 269	KK	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ			21° 36' 00"	105° 56' 25"	21° 35' 11"	105° 58' 41"	F-48-56-D-d
núi Ba Chòm 1	SV	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 36' 17"	105° 58' 47"					F-48-56-D-d
xóm Tân Lập	DC	TT. Trại Cau	H. Đồng Hỷ	21° 35' 56"	105° 58' 20"					F-48-56-D-d
núi Ba Chòm	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 12"	106° 00' 23"					F-48-57-C-a
núi Ba Chòm Hai	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 40"	105° 59' 53"					F-48-56-D-b
núi Bãi Nâu	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 21"	105° 58' 22"					F-48-56-D-d
núi Bồ Cu	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 40' 19"	106° 01' 02"					F-48-57-C-a
xóm Cây Thị	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 36' 47"	105° 58' 30"					F-48-56-D-d
núi Chòm Vung	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 35' 44"	105° 57' 40"					F-48-56-D-d
núi Đà Thiên	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 37' 54"	105° 59' 33"					F-48-56-D-b
suối Hồ Trại	TV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ			21° 39' 54"	106° 00' 44"	21° 38' 59"	106° 00' 09"	F-48-57-C-a
xóm Hoan	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 39' 40"	105° 59' 27"					F-48-56-D-b
núi Hoan	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 39' 19"	105° 59' 13"					F-48-56-D-b
suối Hoan	TV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ			21° 39' 00"	106° 00' 10"	21° 36' 42"	105° 57' 42"	F-48-56-D-b F-48-56-D-d
xóm Khe Cạn	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 54"	106° 00' 20"					F-48-57-C-a
suối Khe Cạn	TV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ			21° 39' 38"	106° 01' 30"	21° 38' 50"	106° 00' 16"	F-48-57-C-a
xóm Kim Cương	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 35' 32"	105° 58' 01"					F-48-56-D-d
núi Lâu Hạ	SV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 40' 43"	106° 00' 32"					F-48-57-C-a
khe Mãng	TV	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ			21° 36' 42"	105° 57' 42"	21° 35' 47"	105° 57' 15"	F-48-56-D-d
xóm Mỹ Hòa	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 36' 38"	105° 57' 46"					F-48-56-D-d
xóm Suối Găng	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 38' 33"	105° 58' 53"					F-48-56-D-b
xóm Trại Cau	DC	xã Cây Thị	H. Đồng Hỷ	21° 35' 58"	105° 57' 35"					F-48-56-D-d
sông Cầu	TV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ			21° 45' 17"	105° 49' 34"	21° 42' 41"	105° 48' 47"	F-48-56-B-c
suối Cầu Khê	TV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ			21° 44' 37"	105° 50' 10"	21° 44' 55"	105° 49' 52"	F-48-56-D-a
suối Cầu Trại	TV	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ			21° 44' 15"	105° 50' 35"	21° 44' 08"	105° 49' 31"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Vung	DC	xã Hòa Bình	H. Đồng Hỷ	21° 44' 47"	105° 49' 21"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Hích	SV	xã Hòa Bình	H. Đông Hy	21° 44' 07"	105° 48' 56"					F-48-56-D-a
núi Ngõa	SV	xã Hòa Bình	H. Đông Hy	21° 45' 21"	105° 50' 26"					F-48-56-B-c
suối Ngõa	TV	xã Hòa Bình	H. Đông Hy			21° 45' 01"	105° 50' 45"	21° 44' 58"	105° 49' 53"	F-48-56-D-a
xóm Phố Hích	DC	xã Hòa Bình	H. Đông Hy	21° 43' 54"	105° 49' 36"					F-48-56-D-a
xóm Tân Đò	DC	xã Hòa Bình	H. Đông Hy	21° 44' 28"	105° 49' 58"					F-48-56-D-a
xóm Tân Thành	DC	xã Hòa Bình	H. Đông Hy	21° 42' 25"	105° 48' 55"					F-48-56-D-a
xóm Tân Yên	DC	xã Hòa Bình	H. Đông Hy	21° 44' 14"	105° 49' 13"					F-48-56-D-a
xóm Trung Thành	DC	xã Hòa Bình	H. Đông Hy	21° 43' 20"	105° 49' 23"					F-48-56-D-a
xóm Vịt	DC	xã Hòa Bình	H. Đông Hy	21° 45' 13"	105° 49' 44"					F-48-56-B-c
quốc lộ 1B	KX	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy			21° 39' 41"	105° 49' 43"	21° 37' 38"	105° 50' 35"	F-48-56-D-a
Xí nghiệp Bình Minh	KX	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 28"	105° 50' 29"					F-48-56-D-a
sông Cầu	TV	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy			21° 39' 22"	105° 48' 07"	21° 38' 57"	105° 48' 28"	F-48-56-D-a
Trại Chăn nuôi Tân Thái	KX	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 25"	105° 50' 58"					F-48-56-D-a
núi Đèo Đà	SV	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 43"	105° 50' 57"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Thịnh	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 48"	105° 50' 08"					F-48-56-D-a
xóm Hưng Thái	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 05"	105° 50' 23"					F-48-56-D-a
suối Khe Gái	TV	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy			21° 40' 10"	105° 48' 42"	21° 39' 23"	105° 48' 08"	F-48-56-D-a
sông Linh Nham	TV	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy			21° 38' 31"	105° 51' 13"	21° 37' 39"	105° 51' 13"	F-48-56-D-a
cầu Linh Nham	KX	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 10"	105° 51' 18"					F-48-56-D-a
xóm Luông	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 39' 09"	105° 49' 14"					F-48-56-D-a
Bộ tư lệnh Quân Khu I	KX	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 26"	105° 50' 04"					F-48-56-D-a
xóm Sơn Thái	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 42"	105° 49' 20"					F-48-56-D-a
xóm Tam Thái	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 11"	105° 50' 52"					F-48-56-D-a
xóm Tân Thái	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 37' 53"	105° 51' 08"					F-48-56-D-a
xóm Trường Quân	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 40' 06"	105° 49' 06"					F-48-56-D-a
xóm Vải	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 55"	105° 49' 45"					F-48-56-D-a
xóm Văn Hữu	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 40' 07"	105° 49' 31"					F-48-56-D-a
xóm Việt Cường	DC	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 39' 11"	105° 48' 59"					F-48-56-D-a
núi Voi	SV	xã Hòa Thượng	H. Đông Hy	21° 38' 29"	105° 49' 34"					F-48-56-D-a
quốc lộ 1B	KX	xã Hòa Trung	H. Đông Hy			21° 39' 35"	105° 49' 41"	21° 41' 47"	105° 51' 11"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Chân	DC	xã Hòa Trung	H. Đông Hy	21° 40' 53"	105° 50' 42"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Chảo	DC	xã Hòa Trung	H. Đông Hy	21° 40' 53"	105° 50' 42"					F-48-56-D-a
xóm Hang Cỏ	DC	xã Hòa Trung	H. Đông Hy	21° 42' 10"	105° 50' 25"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Khảo	SV	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 39' 10"	105° 50' 11"					F-48-56-D-a
suối Khe Nừa	TV	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ			21° 41' 38"	105° 50' 24"	21° 40' 20"	105° 50' 56"	F-48-56-D-a
xóm La Thông	DC	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 41' 36"	105° 50' 22"					F-48-56-D-a
xóm Mỏi	DC	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 41' 32"	105° 51' 11"					F-48-56-D-a
cầu Na Đảnh	KX	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 40' 31"	105° 50' 31"					F-48-56-D-a
xóm Na Long	DC	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 40' 48"	105° 50' 09"					F-48-56-D-a
xóm Phúc Thành	DC	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 39' 07"	105° 50' 30"					F-48-56-D-a
đồi Pồ Mỏ	SV	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 42' 14"	105° 49' 56"					F-48-56-D-a
xóm Trung Thần	DC	xã Hòa Trung	H. Đồng Hỷ	21° 39' 46"	105° 50' 00"					F-48-56-D-a
đường tỉnh 259	KX	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ			21° 35' 10"	105° 59' 19"	21° 33' 53"	106° 01' 49"	F-48-57-C-c
xóm Bãi Bông	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 55"	106° 01' 16"					F-48-57-C-c
xóm Bãi Vàng	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 36' 59"	106° 03' 26"					F-48-57-C-c
núi Bông	SV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 32' 59"	106° 01' 51"					F-48-57-C-c
xóm Cao Phong	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 18"	106° 00' 32"					F-48-57-C-c
hồ Cặp Ké	TV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 35' 42"	106° 01' 02"					F-48-57-C-c
xóm Đèo Bụt	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 32' 05"	106° 02' 29"					F-48-57-C-c
xóm Đèo Hạnh	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 35' 10"	105° 59' 31"					F-48-56-D-d
xóm Đoàn Kết	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 11"	106° 00' 53"					F-48-57-C-c
xóm Đoàn Trinh	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 33' 35"	106° 01' 11"					F-48-57-C-c
núi Hồ Cốc	SV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 33' 31"	105° 59' 36"					F-48-56-D-d
ga Hợp Tiến	KX	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 21"	106° 00' 56"					F-48-57-C-c
đèo Kéo	SV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 31' 29"	106° 02' 24"					F-48-57-C-c
đồi Khau	SV	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 34' 13"	105° 59' 41"					F-48-56-D-d
xóm Mỏ Sắt	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 35' 03"	106° 01' 42"					F-48-57-C-c
xóm Suối Ổ	DC	xã Hợp Tiến	H. Đồng Hỷ	21° 36' 28"	106° 03' 10"					F-48-57-C-c
hồ Ba Chân	TV	xã Hướng Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 34' 57"	105° 53' 27"					F-48-56-D-d
xóm Bầu	DC	xã Hướng Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 34' 52"	105° 52' 06"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	xã Hướng Thượng	H. Đồng Hỷ			21° 35' 35"	105° 51' 27"	21° 34' 31"	105° 52' 27"	F-48-56-D-c
xóm Cây	DC	xã Hướng Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 34' 56"	105° 51' 54"					F-48-56-D-c
xóm Bàng	DC	xã Hướng Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 19"	105° 52' 43"					F-48-56-D-d
sông Đào	TV	xã Hướng Thượng	H. Đồng Hỷ			21° 34' 31"	105° 52' 27"	21° 34' 50"	105° 53' 39"	F-48-56-D-d
xóm Già	DC	xã Hướng Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 01"	105° 52' 55"					F-48-56-D-d
xóm Gò Chè	DC	xã Hướng Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 39"	105° 53' 02"					F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hóc	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 06"	105° 52' 02"					F-48-56-D-c
xóm Huống Trung	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 55"	105° 51' 49"					F-48-56-D-c
xóm Sộp	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 34' 32"	105° 52' 17"					F-48-56-D-c
xóm Trám	DC	xã Huống Thượng	H. Đồng Hỷ	21° 35' 48"	105° 52' 19"					F-48-56-D-c
xóm Ao Đậu	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 26"	105° 51' 33"					F-48-56-D-a
xóm Ao Rôm 2	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 50"	105° 51' 45"					F-48-56-D-a
dãy Cao Sơn	SV	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 37' 45"	105° 53' 24"					F-48-56-D-b
xóm Dục Hào	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 39' 52"	105° 53' 08"					F-48-56-D-b
sườn Đèo Khế	TV	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ			21° 41' 20"	105° 55' 04"	21° 41' 11"	105° 52' 48"	F-48-56-D-b
xóm Hải Hà	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 39"	105° 52' 08"					F-48-56-D-a
đèo Khế	SV	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 41"	105° 54' 33"					F-48-56-D-b
cầu Khe Mo	KX	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 35"	105° 51' 45"					F-48-56-D-a
xóm Khe Mo 2	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 39' 57"	105° 53' 15"					F-48-56-D-b
xóm La Đàn	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 25"	105° 53' 47"					F-48-56-D-b
xóm La Dầy	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 15"	105° 53' 43"					F-48-56-D-b
xóm La Đường	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 40' 14"	105° 51' 41"					F-48-56-D-a
xóm La Nưa	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 42"	105° 52' 46"					F-48-56-D-b
xóm Lăng Cháy	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 02"	105° 53' 03"					F-48-56-D-b
xóm Long Dân	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 11"	105° 54' 04"					F-48-56-D-b
đền Long Dân	KX	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 07"	105° 54' 03"					F-48-56-D-b
núi Mỏ	SV	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 38' 13"	105° 51' 34"					F-48-56-D-a
xóm Thống Nhất	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 41' 34"	105° 55' 33"					F-48-56-D-b
xóm Tiên Phong	DC	xã Khe Mo	H. Đồng Hỷ	21° 39' 42"	105° 52' 14"					F-48-56-D-a
đường tỉnh 259	KX	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ			21° 37' 16"	105° 51' 27"	21° 36' 20"	105° 53' 42"	F-48-56-D-c F-58-56-D-d
xóm Bến Đò	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 25"	105° 51' 29"					F-48-56-D-c
xóm Cây Sơn	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 15"	105° 52' 45"					F-48-56-D-d
xóm Cây Thị	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 55"	105° 52' 18"					F-48-56-D-c
ngôi Giang	TV	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ			21° 36' 14"	105° 51' 58"	21° 35' 37"	105° 51' 27"	F-48-56-D-c
xóm Hưng Sơn	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 25"	105° 51' 31"					F-48-56-D-c
xóm Hùng Vương	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 59"	105° 51' 20"					F-48-56-D-c
xóm Khánh Hòa	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 19"	105° 52' 13"					F-48-56-D-c
xóm Lăng Phan	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 02"	105° 52' 37"					F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
sông Linh Nham	TV	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ			21° 38' 10"	105° 51' 18"	21° 36' 26"	105° 51' 06"	F-48-56-D-a, F-48-56-D-c
núi Long Hí	SV	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 52"	105° 52' 21"					F-48-56-D-a
xóm Mỏ Đá	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 54"	105° 51' 35"					F-48-56-D-a
xóm Nam Sơn	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 42"	105° 51' 54"					F-48-56-D-c
xóm Núi Hột	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 12"	105° 51' 38"					F-48-56-D-c
núi Quảng	SV	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 47"	105° 52' 45"					F-48-56-D-b
xóm Tân Lập	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 40"	105° 53' 14"					F-48-56-D-d
xóm Thanh Trữ	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 37' 04"	105° 53' 31"					F-48-56-D-d
xóm Thông Nhân	DC	xã Linh Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 36' 49"	105° 52' 51"					F-48-56-D-d
xóm Ao Sơn	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 55"	105° 47' 38"					F-48-56-D-a
xóm Bà Đanh	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 04"	105° 48' 06"					F-48-56-D-a
núi Bàu	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 56"	105° 47' 46"					F-48-56-D-a
sườn Cà Phê	TV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ			21° 41' 42"	105° 48' 00"	21° 41' 24"	105° 47' 19"	F-48-56-D-a
xóm Cà Phê 1	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 51"	105° 47' 57"					F-48-56-D-a
sông Cầu	TV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ			21° 42' 41"	105° 48' 47"	21° 39' 22"	105° 48' 07"	F-48-56-D-a
xóm Cầu Mơn	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 01"	105° 49' 14"					F-48-56-D-a
sườn Cầu Mơn	TV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ			21° 41' 38"	105° 49' 48"	21° 40' 10"	105° 48' 42"	F-48-56-D-a
núi Cón Nghé	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 11"	105° 47' 42"					F-48-56-D-a
núi Đải	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 42' 19"	105° 48' 21"					F-48-56-D-a
núi Đèo Bùn	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 42' 11"	105° 49' 39"					F-48-56-D-a
xóm Đoàn Kết	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 46"	105° 47' 38"					F-48-56-D-a
xóm Góc Đa	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 38"	105° 48' 31"					F-48-56-D-a
xóm Hang Ne	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 42' 02"	105° 49' 23"					F-48-56-D-a
núi Hang Ne	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 49"	105° 49' 22"					F-48-56-D-a
núi Khiêm	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 12"	105° 48' 29"					F-48-56-D-a
xóm La Dĩa	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 32"	105° 48' 53"					F-48-56-D-a
núi Phốc	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 41"	105° 47' 42"					F-48-56-D-a
xóm Theo Cây	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 13"	105° 47' 31"					F-48-56-D-a
núi Trại Cải	SV	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 41' 42"	105° 48' 33"					F-48-56-D-a
xóm Trại Cải 2	DC	xã Minh Lập	H. Đồng Hỷ	21° 40' 14"	105° 48' 29"					F-48-56-D-a
đường tỉnh 259	KX	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ			21° 36' 20"	105° 53' 42"	21° 36' 00"	105° 56' 25"	F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Ao Nang	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 02"	105° 54' 02"					F-48-56-D-d
xóm Ba Cóc	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 38"	105° 55' 30"					F-48-56-D-d
xóm Bồ Cóc	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 44"	105° 54' 25"					F-48-56-D-b
núi Bồ Cóc	SV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 30"	105° 54' 50"					F-48-56-D-d
xóm Bờ Suối	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 08"	105° 56' 00"					F-48-56-D-d
xóm Chí Sơn	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 30"	105° 56' 38"					F-48-56-D-d
xóm Con Phượng	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 20"	105° 55' 42"					F-48-56-D-d
núi Con Phượng	SV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 35"	105° 55' 47"					F-48-56-D-d
xóm Đầm Diêm	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 46"	105° 53' 13"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Chốc	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 05"	105° 55' 38"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Mỏ	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 17"	105° 56' 13"					F-48-56-D-d
xóm Góc Thị	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 34"	105° 55' 18"					F-48-56-D-d
xóm La Quán	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 28"	105° 54' 24"					F-48-56-D-d
đáy Lênh Lồng	SV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 23"	105° 54' 58"					F-48-56-D-d
xóm Mỹ Lập	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 37' 17"	105° 54' 56"					F-48-56-D-d
xóm Na Chanh	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 43"	105° 53' 49"					F-48-56-D-d
xóm Ngòi Chèo	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 28"	105° 53' 58"					F-48-56-D-d
sông Ngòi Chèo	TV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ			21° 36' 30"	105° 53' 45"	21° 34' 55"	105° 53' 43"	F-48-56-D-d
sông Ngòi Rồng	TV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ			21° 35' 40"	105° 56' 05"	21° 34' 55"	105° 53' 43"	F-48-56-D-d
xóm Quang Minh	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 39' 52"	105° 55' 24"					F-48-56-D-d
núi Thổ Kỳ	SV	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 35' 49"	105° 54' 30"					F-48-56-D-d
xóm Trại Gai	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 47"	105° 54' 45"					F-48-56-D-d
xóm Trại Gião	DC	xã Nam Hòa	H. Đồng Hỷ	21° 36' 04"	105° 55' 07"					F-48-56-D-d
quốc lộ 1B	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ			21° 41' 47"	105° 51' 11"	21° 41' 56"	105° 53' 39"	F-48-56-D-b F-48-56-D-a
mỏ đá Công ty Đá ốp lát	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 04"	105° 53' 21"					F-48-56-D-b
xóm Đồng Chuông	DC	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 43' 03"	105° 53' 11"					F-48-56-D-b
cầu Đồng Thụ	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 41' 51"	105° 52' 15"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Thụ 1	DC	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 08"	105° 52' 41"					F-48-56-D-b
núi Góc Đa	SV	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 43' 14"	105° 53' 22"					F-48-56-D-b
núi Góc Quẹo	SV	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 42' 30"	105° 51' 33"					F-48-56-D-a
mỏ đá La Hiên	KX	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 41' 45"	105° 53' 30"					F-48-56-D-b
xóm Lân Tây	DC	xã Quang Sơn	H. Đồng Hỷ	21° 41' 57"	105° 51' 43"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Lân Tây	SV	xã Quang Sơn	H. Đông Hỷ	21° 42' 03"	105° 51' 29"					F-48-56-D-a
núi Mọt	SV	xã Quang Sơn	H. Đông Hỷ	21° 43' 41"	105° 52' 07"					F-48-56-D-a
núi Nước Lạnh	SV	xã Quang Sơn	H. Đông Hỷ	21° 43' 11"	105° 51' 22"					F-48-56-D-a
cầu Quang Sơn	KX	xã Quang Sơn	H. Đông Hỷ	21° 42' 34"	105° 52' 10"					F-48-56-D-a
xóm Xuân Quang	DC	xã Quang Sơn	H. Đông Hỷ	21° 42' 52"	105° 51' 52"					F-48-56-D-a
phần trường 3	DC	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 35' 46"	105° 59' 43"					F-48-56-D-d
xóm Báo Nang	DC	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 34' 39"	105° 58' 09"					F-48-56-D-d
xóm Cầu Đá	DC	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 35' 14"	105° 58' 58"					F-48-56-D-d
xóm Chàng	DC	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 34' 15"	105° 58' 42"					F-48-56-D-d
đồi Đăng	SV	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 35' 06"	105° 56' 23"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Lâm	DC	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 34' 55"	105° 56' 24"					F-48-56-D-d
xóm Na Tiêm	DC	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 34' 47"	105° 57' 01"					F-48-56-D-d
núi Quần Ngựa	KX	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 34' 43"	105° 57' 41"					F-48-56-D-d
sườn Thái Thông	TV	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ			21° 37' 40"	106° 00' 48"	21° 35' 04"	105° 58' 39"	F-48-56-D-d
đập Thống Nhất	KX	xã Tân Lợi	H. Đông Hỷ	21° 34' 43"	105° 57' 20"					F-48-56-D-d
xóm Ba Đình	DC	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 42' 50"	105° 50' 00"					F-48-56-D-a
núi Bến Hang	SV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 43' 46"	105° 52' 59"					F-48-56-D-b
núi Chối Thượng	SV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 44' 47"	105° 51' 21"					F-48-56-D-a
núi Dồi Trục	SV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 44' 46"	105° 52' 59"					F-48-56-D-b
xóm Đồng Luồng	DC	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 44' 05"	105° 52' 09"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Mẫu	DC	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 43' 35"	105° 50' 14"					F-48-56-D-a
núi Hang Trai	SV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 44' 04"	105° 50' 41"					F-48-56-D-a
xóm Hồng Phong	DC	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 45' 24"	105° 54' 25"					F-48-56-B-d
núi Ke Danh	SV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 45' 24"	105° 51' 29"					F-48-56-B-c
núi Khâm	SV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 43' 50"	105° 49' 54"					F-48-56-D-a
xóm Lân Quan	DC	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 45' 51"	105° 54' 43"					F-48-56-B-d
sườn Làng Mới	TV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ			21° 43' 16"	105° 50' 55"	21° 43' 16"	105° 49' 43"	F-48-56-D-a
núi Môn Chùa	SV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 44' 38"	105° 51' 47"					F-48-56-D-a
sườn Ninh Nham	TV	xã Tân Long	H. Đông Hỷ			21° 45' 13"	105° 55' 13"	21° 43' 39"	105° 52' 22"	F-48-56-B-d, F-48-56-D-a
xóm Nông Nhâm	DC	xã Tân Long	H. Đông Hỷ	21° 43' 40"	105° 50' 47"					F-48-56-D-a
đáy núi Ao Trời	SV	xã Văn Hán	H. Đông Hỷ	21° 42' 22"	105° 56' 52"					F-48-56-D-b
xóm Bạ Quả	DC	xã Văn Hán	H. Đông Hỷ	21° 39' 36"	105° 55' 16"					F-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bạch Giương	TV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ			21° 41' 14"	105° 55' 29"	21° 41' 54"	106° 59' 50"	F-48-56-B-c
xóm Bò Cu	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 37' 55"	105° 56' 31"					F-48-56-D-b
núi Bò Cu	SV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 40' 32"	105° 59' 05"					F-48-56-D-b
xóm Cầu Mai	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 40' 52"	105° 56' 57"					F-48-56-D-b
suối Cầu Mai	TV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ			21° 40' 22"	105° 58' 22"	21° 41' 17"	105° 56' 26"	F-48-56-D-a
xóm Đoàn Lâm	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 24"	105° 57' 40"					F-48-56-D-b
núi Đoàn Lâm	SV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 38"	105° 57' 12"					F-48-56-D-b
xóm Hòa	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 45"	105° 54' 12"					F-48-56-D-b
xóm Hoà Khê 1	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 38' 07"	105° 55' 32"					F-48-56-D-b
xóm La Đan	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 38' 43"	105° 54' 35"					F-48-56-D-b
suối Na Giang	TV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ			21° 39' 18"	105° 55' 28"	21° 37' 22"	105° 55' 13"	F-48-56-D-a
suối Ngọn Cát	TV	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ			21° 41' 41"	105° 58' 56"	21° 42' 13"	105° 59' 29"	F-48-56-B-c
xóm Phá Lý	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 40' 13"	105° 56' 12"					F-48-56-D-b
xóm Thái Hưng	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 40' 23"	105° 55' 22"					F-48-56-D-b
xóm Thịnh Đức	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 39' 56"	105° 55' 57"					F-48-56-D-b
xóm Văn Hán	DC	xã Văn Hán	H. Đồng Hỷ	21° 41' 16"	105° 58' 04"					F-48-56-D-b
núi Bắc Lâu	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 42"	105° 51' 11"					F-48-56-B-c
suối Bắc Lâu	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 15"	105° 50' 57"	21° 46' 42"	105° 50' 29"	F-48-56-B-c
đèo Bụt	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 03"	105° 50' 21"					F-48-56-B-c
núi Bụt	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 36"	105° 49' 56"					F-48-56-B-c
sông Cầu	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 45' 17"	105° 49' 34"	21° 50' 48"	105° 49' 07"	F-48-56-B-c
xóm Đạt	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 10"	105° 51' 03"					F-48-56-B-c
suối Đèo Bụt	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 47' 19"	105° 49' 57"	21° 46' 40"	105° 50' 07"	F-48-56-B-c
núi Đinh	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 50' 17"	105° 48' 35"					F-48-56-B-c
núi Đồi Gianh	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 26"	105° 48' 04"					F-48-56-B-c
núi Hón	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 48' 53"	105° 48' 49"					F-48-56-B-c
xóm Khe Cạn	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 14"	105° 48' 02"					F-48-56-B-c
suối Khe Đà	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 49' 04"	105° 48' 08"	21° 49' 17"	105° 49' 23"	F-48-56-B-c
xóm Khe Đà	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 49' 09"	105° 49' 02"					F-48-56-B-c
núi Khe Đà	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 49' 27"	105° 48' 47"					F-48-56-B-c
suối Khe Đạt	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 29"	105° 51' 36"	21° 47' 09"	105° 50' 59"	F-48-56-B-c
suối Khe Dây	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 54"	105° 49' 13"	21° 46' 44"	105° 49' 39"	F-48-56-B-c
suối Khe Già	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 52"	105° 48' 24"	21° 45' 43"	105° 49' 33"	F-48-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Khe Hai	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 50' 25"	105° 49' 11"					F-48-56-B-c
xóm Khe Mong	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 03"	105° 49' 01"					F-48-56-B-c
suối Khe Mỹ	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 48' 01"	105° 48' 55"	21° 48' 28"	105° 50' 24"	F-48-56-B-c
xóm Khe Nhung	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 13"	105° 49' 52"					F-48-56-B-c
suối Khe Nhung	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 46' 11"	105° 50' 23"	21° 46' 05"	105° 49' 52"	F-48-56-B-c
xóm Khe Quăn	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 13"	105° 48' 25"					F-48-56-B-c
đèo Khe Quăn	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 44' 50"	105° 48' 41"					F-48-56-B-a
suối Khe Quăn	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 45' 39"	105° 48' 22"	21° 45' 16"	105° 49' 32"	F-48-56-B-c
núi Khe Ung	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 08"	105° 48' 44"					F-48-56-B-c
suối Khe Vầu	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 47' 18"	105° 49' 45"	21° 46' 46"	105° 49' 51"	F-48-56-B-c
suối Khe Vịt	TV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ			21° 45' 35"	105° 50' 50"	21° 45' 29"	105° 49' 42"	F-48-56-B-c
xóm Liên Phương	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 49' 39"	105° 48' 36"					F-48-56-B-c
núi Nhà Tây	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 58"	105° 47' 55"					F-48-56-B-c
xóm Tam Va	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 47' 53"	105° 50' 44"					F-48-56-B-c
núi Tam Va	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 48' 04"	105° 50' 57"					F-48-56-B-c
xóm Tân Lập	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 30"	105° 49' 32"					F-48-56-B-c
xóm Tân Sơn	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 46' 13"	105° 49' 52"					F-48-56-B-c
xóm Tân Thành	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 27"	105° 49' 37"					F-48-56-B-c
xóm Tân Thịnh	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 45' 37"	105° 50' 06"					F-48-56-B-c
xóm Tân	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 48' 48"	105° 49' 59"					F-48-56-B-c
núi Tân	SV	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 49' 41"	105° 50' 37"					F-48-56-B-c
xóm Văn Khánh	DC	xã Văn Lăng	H. Đồng Hỷ	21° 48' 19"	105° 50' 22"					F-48-56-B-c
xóm Đại Phong	DC	TT. Ba Hàng	H. Phổ Yên	21° 25' 07"	105° 52' 25"					F-48-68-B-a
xóm Kim Thái	DC	TT. Ba Hàng	H. Phổ Yên	24° 24' 45"	105° 52' 18"					F-48-68-B-a
đường tỉnh 261	KX	TT. Bắc Sơn	H. Phổ Yên			21° 27' 04"	105° 46' 59"	21° 27' 21"	105° 46' 06"	F-48-68-B-a
Công ty Chế Bắc Sơn	KX	TT. Bắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 27' 21"	105° 46' 31"					F-48-68-B-a
xóm Sơn Trung	DC	TT. Bắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 27' 09"	105° 46' 45"					F-48-68-B-a
phần xưởng A5	KX	TT. Bãi Bông	H. Phổ Yên	21° 25' 50"	105° 52' 46"					F-48-68-B-b
xóm Đại Cát	DC	TT. Bãi Bông	H. Phổ Yên	21° 25' 35"	105° 52' 43"					F-48-68-B-b
xóm Phú Cầu	DC	TT. Bãi Bông	H. Phổ Yên	21° 26' 20"	105° 52' 41"					F-48-68-B-b
nhà máy Z131	KX	TT. Bãi Bông	H. Phổ Yên	21° 25' 23"	105° 52' 53"					F-48-68-B-b
đường tỉnh 261	KX	xã Bắc Sơn	H. Phổ Yên			21° 24' 57"	105° 51' 15"	21° 25' 52"	105° 49' 42"	F-48-68-B-a
xóm Ấp Ngang	DC	xã Bắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 22"	105° 49' 54"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ba Xã	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 42"	105° 51' 07"					F-48-68-B-a
xóm Bến	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 25"	105° 50' 32"					F-48-68-B-a
cầu Bến Đầm	KX	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 20"	105° 50' 12"					F-48-68-B-a
xóm Cây Xanh	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 43"	105° 50' 12"					F-48-68-B-a
xóm Chiềng	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 37"	105° 50' 44"					F-48-68-B-a
xóm Chùa 2	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 26' 07"	105° 50' 42"					F-48-68-B-a
sông Công	TV	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên			21° 26' 44"	105° 49' 48"	21° 23' 50"	105° 51' 04"	F-48-68-B-a
xóm Dương	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 53"	105° 50' 04"					F-48-68-B-a
xóm Đài 1	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 26' 27"	105° 51' 25"					F-48-68-B-a
xóm Đài 2	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 26' 12"	105° 51' 39"					F-48-68-B-a
xóm Đầm	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 26' 28"	105° 50' 28"					F-48-68-B-a
xóm Đập	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 55"	105° 50' 50"					F-48-68-B-a
xóm Mùn	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 32"	105° 50' 39"					F-48-68-B-a
xóm Tân Lập	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 25' 19"	105° 50' 23"					F-48-68-B-a
kênh Tây	TV	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên			21° 26' 33"	105° 51' 17"	21° 25' 50"	105° 51' 35"	F-48-68-B-a
xóm Thác Nhái	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 27"	105° 50' 11"					F-48-68-B-a
xóm Thần	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 46"	105° 50' 27"					F-48-68-B-a
xóm Tuấn	DC	xã Đắc Sơn	H. Phổ Yên	21° 24' 39"	105° 50' 26"					F-48-68-B-a
xóm An Phong	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 23' 29"	105° 53' 42"					F-48-68-B-b
xóm Cò	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 23' 07"	105° 53' 34"					F-48-68-B-b
xóm Dô	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 56"	105° 53' 35"					F-48-68-B-b
xóm Độc	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 20"	105° 53' 48"					F-48-68-B-b
xóm Dừa	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 59"	105° 54' 06"					F-48-68-B-b
xóm Đồi	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 23' 05"	105° 53' 24"					F-48-68-B-b
xóm Đồng	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 13"	105° 53' 57"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Thượng	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 59"	105° 53' 44"					F-48-68-B-b
xóm Nghè	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 24"	105° 53' 36"					F-48-68-B-b
xóm Sắn	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 53"	105° 53' 22"					F-48-68-B-b
xóm Sỏi	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 21' 59"	105° 54' 08"					F-48-68-B-b
xóm Tân Ấp	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 36"	105° 52' 55"					F-48-68-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 20"	105° 52' 57"					F-48-68-B-b
xóm Trại Cẩm La	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 43"	105° 53' 45"					F-48-68-B-b
xóm Trại Đồng Hạ	DC	xã Đông Cao	H. Phổ Yên	21° 22' 15"	105° 54' 07"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Trung	DC	xã Đồng Cao	H. Phả Yên	21° 22' 26"	105° 53' 32"					F-48-68-B-b
xóm Việt Cường	DC	xã Đồng Cao	H. Phả Yên	21° 22' 39"	105° 54' 30"					F-48-68-B-b
xóm Việt Hồng	DC	xã Đồng Cao	H. Phả Yên	21° 22' 24"	105° 54' 16"					F-48-68-B-d
bệnh viện 91	KX	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 24' 48"	105° 51' 33"					F-48-68-B-a
xóm An Bình	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 30"	105° 53' 37"					F-48-68-B-b
xóm Chiến Thắng	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 18"	105° 53' 02"					F-48-68-B-b
xóm Con Trê	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 59"	105° 54' 20"					F-48-68-B-b
xóm Dãy	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 10"	105° 51' 30"					F-48-68-B-a
xóm Đình	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 06"	105° 52' 59"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Lâm	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 26"	105° 51' 22"					F-48-68-B-a
kênh Giữa	TV	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên			21° 25' 35"	105° 53' 24"	21° 24' 30"	105° 53' 11"	F-48-68-B-b
xóm Hoàng Thanh	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 24' 15"	105° 53' 57"					F-48-68-B-b
xóm Hoàng Văn	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 24' 33"	105° 54' 09"					F-48-68-B-b
xóm Nam	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 06"	105° 52' 47"					F-48-68-B-b
ga Phả Yên	KX	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 24' 47"	105° 52' 31"					F-48-68-B-b
xóm Quán Vả	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 44"	105° 51' 42"					F-48-68-B-a
xóm Tân Hoa	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 24' 43"	105° 53' 38"					F-48-68-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 24' 54"	105° 53' 55"					F-48-68-B-b
xóm Thái Bình	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 45"	105° 53' 56"					F-48-68-B-b
xóm Thanh Hoa	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 00"	105° 53' 38"					F-48-68-B-b
xóm Vinh Xương	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 24' 37"	105° 53' 14"					F-48-68-B-b
xóm Vườn Dãy	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 24' 59"	105° 53' 54"					F-48-68-B-b
xóm Yên Trung	DC	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 00"	105° 51' 50"					F-48-68-B-a
Nhà máy Z131	KX	xã Đồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 01"	105° 53' 43"					F-48-68-B-b
xóm Âm	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 26' 01"	105° 52' 13"					F-48-68-B-a
xóm Cống Thượng	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 26' 50"	105° 53' 48"					F-48-68-B-b
xóm Diện	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 25' 51"	105° 52' 27"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Bát	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 26' 22"	105° 51' 43"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Sinh	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 26' 17"	105° 51' 54"					F-48-68-B-a
xóm Giảng	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 28' 22"	105° 52' 37"					F-48-68-B-b
xóm Háng	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 27' 20"	105° 53' 25"					F-48-68-B-b
xóm Hạnh	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 27' 14"	105° 53' 54"					F-48-68-B-b
xóm Hiệp Đồng	DC	xã Hồng Tiến	H. Phả Yên	21° 26' 58"	105° 52' 10"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Liên Minh	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 26"	105° 54' 12"					F-48-68-B-b
xóm Liên Sơn	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 26' 14"	105° 53' 42"					F-48-68-B-b
xóm Mãn Chiêm	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 28' 53"	105° 53' 03"					F-48-68-B-b
xóm Ngòi	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 28' 11"	105° 52' 43"					F-48-68-B-b
xóm Thành Lập	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 25' 32"	105° 52' 16"					F-48-68-B-a
cầu Văn Dương	KX	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 28' 60"	105° 52' 19"					F-48-68-B-a
xóm Yên Mỹ	DC	xã Hồng Tiến	H. Phổ Yên	21° 27' 38"	105° 52' 47"					F-48-68-B-b
hồ Ba Chẽ	TV	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 01"	105° 47' 41"					F-48-68-B-a
xóm Ba Quanh	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 01"	105° 49' 01"					F-48-68-B-a
xóm Cầu Giao	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 13"	105° 48' 48"					F-48-68-B-a
xóm Châm	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 25' 20"	105° 47' 58"					F-48-68-B-a
xóm Đàm Mương	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 27' 08"	105° 49' 21"					F-48-68-B-a
xóm Đậu	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 02"	105° 48' 09"					F-48-68-B-a
xóm Hồ 1	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 55"	105° 47' 40"					F-48-68-B-a
xóm Lầy	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 26' 04"	105° 47' 30"					F-48-68-B-a
xóm Tân Lập	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 25' 08"	105° 49' 02"					F-48-68-B-a
xóm Thống Thượng	DC	xã Minh Đức	H. Phổ Yên	21° 25' 50"	105° 49' 24"					F-48-68-B-a
quốc lộ 3	KX	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên			21° 23' 26"	105° 52' 13"	21° 24' 32"	105° 52' 15"	F-48-68-B-a
xóm Chùa	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 03"	105° 52' 11"					F-48-68-B-a
xóm Đình	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 13"	105° 52' 46"					F-48-68-B-b
xóm Đồi	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 30"	105° 51' 19"					F-48-68-B-a
xóm Giữa	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 58"	105° 51' 49"					F-48-68-B-a
xóm Giữa Thỉnh	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 20"	105° 51' 35"					F-48-68-B-a
xóm Hạ	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 38"	105° 51' 42"					F-48-68-B-a
xóm Hộ Sơn	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 44"	105° 51' 17"					F-48-68-B-a
xóm Hoàng Sơn	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 24' 18"	105° 51' 11"					F-48-68-B-a
xóm Lò	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 01"	105° 51' 01"					F-48-68-B-a
xóm Núi	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 48"	105° 52' 37"					F-48-68-B-b
xóm Trại	DC	xã Nam Tiến	H. Phổ Yên	21° 23' 52"	105° 52' 16"					F-48-68-B-a
xóm 1	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 32' 10"	105° 43' 21"					F-48-56-C-d
xóm 2	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 45"	105° 43' 32"					F-48-56-C-d
xóm 3	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 31"	105° 44' 07"					F-48-56-C-d
xóm 5	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 59"	105° 44' 17"					F-48-56-C-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm 6	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 19"	105° 43' 49"					F-48-56-C-d
xóm 7	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 31' 22"	105° 43' 24"					F-48-56-C-d
xóm 8	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 30' 34"	105° 44' 22"					F-48-56-C-d
xóm 10	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 32' 30"	105° 41' 52"					F-48-56-C-d
xóm 11	DC	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 32' 53"	105° 41' 03"					F-48-56-C-d
hồ Núi Cốc	TV	xã Phúc Tân	H. Phổ Yên	21° 34' 38"	105° 42' 07"					F-48-56-C-d
đường tỉnh 261	KX	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên			21° 28' 52"	105° 43' 29"	21° 27' 20"	105° 46' 08"	F-48-68-A-b
xóm Bến Đông	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 40"	105° 45' 37"					F-48-68-B-a
xóm Chàng	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 08"	105° 45' 25"					F-48-68-B-a
xóm Đám Ban	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 12"	105° 44' 17"					F-48-68-A-b
sông Đất	TV	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên			21° 29' 56"	105° 43' 41"	21° 27' 21"	105° 47' 41"	F-48-68-A-b
xóm Đèo Nứa	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 25' 29"	105° 46' 12"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Mưỡn	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 28' 13"	105° 45' 04"					F-48-68-B-a
xóm Đức Phú	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 26"	105° 46' 02"					F-48-68-B-a
xóm Hạ	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 41"	105° 46' 59"					F-48-68-B-a
xóm Khê Đù	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 31"	105° 43' 30"					F-48-68-A-b
xóm Nông Trường	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 29' 44"	105° 44' 18"					F-48-68-A-b
xóm Quận Cay	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 26' 29"	105° 45' 20"					F-48-68-B-a
xóm Quận Xóm	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 28' 06"	105° 43' 47"					F-48-68-A-b
xóm Sím Lồng	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 28' 32"	105° 45' 37"					F-48-68-B-a
xóm Tân Ấp	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 29' 05"	105° 44' 43"					F-48-68-A-b
xóm Thượng	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 28' 06"	105° 46' 14"					F-48-68-B-a
xóm Trung	DC	xã Phúc Thuận	H. Phổ Yên	21° 27' 29"	105° 46' 40"					F-48-68-B-a
xóm Bắc	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 55"	105° 53' 49"					F-48-68-B-b
xóm Cầu Tiến	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 24"	105° 52' 44"					F-48-68-B-b
xóm Đông	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 55"	105° 54' 07"					F-48-68-B-b
xóm Gò Thông	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 22' 35"	105° 52' 17"					F-48-68-B-a
xóm Hương Đình 1	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 22"	105° 52' 59"					F-48-68-B-b
xóm Nam	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 42"	105° 53' 54"					F-48-68-B-b
xóm Phong Niên	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 24' 15"	105° 53' 39"					F-48-68-B-b
xóm Quang Vinh	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 22' 45"	105° 52' 42"					F-48-68-B-b
xóm Tân Long 2	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 37"	105° 53' 15"					F-48-68-B-b
xóm Tân Trung	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 11"	105° 53' 17"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thành Lập	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 35"	105° 54' 14"					F-48-68-B-b
xóm Trính Nữ	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 15"	105° 52' 03"					F-48-68-B-a
xóm Trung	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 03"	105° 52' 34"					F-48-68-B-b
xóm Trường Thọ	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 23' 58"	105° 52' 54"					F-48-68-B-b
xóm Xứ	DC	xã Tân Hương	H. Phổ Yên	21° 24' 26"	105° 53' 00"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Tân Phú	H. Phổ Yên			21° 21' 49"	105° 54' 09"	21° 20' 49"	105° 53' 05"	F-48-68-B-d
xóm Đình	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 48"	105° 52' 57"					F-48-68-B-d
xóm Hương Đình	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 14"	105° 53' 02"					F-48-68-B-d
xóm Sỏi Cốc	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 20' 49"	105° 54' 02"					F-48-68-B-d
xóm Thanh Văn	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 29"	105° 53' 35"					F-48-68-B-d
xóm Trại	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 35"	105° 53' 12"					F-48-68-B-d
xóm Văn Trại	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 39"	105° 53' 56"					F-48-68-B-d
xóm Yên Gia	DC	xã Tân Phú	H. Phổ Yên	21° 21' 55"	105° 53' 17"					F-48-68-B-d
xóm An Bình	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 33"	105° 48' 14"					F-48-68-B-a
xóm An Hoà	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 49"	105° 48' 24"					F-48-68-B-a
xóm An Miên	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 37"	105° 48' 34"					F-48-68-B-a
xóm An Thịnh	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 19"	105° 48' 07"					F-48-68-B-a
xóm Ao Sen	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 22' 42"	105° 46' 46"					F-48-68-B-a
xóm Bía	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 43"	105° 47' 17"					F-48-68-B-a
núi Bờ Lầm	SV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 40"	105° 49' 15"					F-48-68-B-a
đèo Bụt	SV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 22' 14"	105° 46' 16"					F-48-68-B-c
xóm Cầu Dài	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 10"	105° 47' 41"					F-48-68-B-a
xóm Chùa	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 52"	105° 47' 14"					F-48-68-B-a
xóm Chùa Cỏ	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 47"	105° 48' 37"					F-48-68-B-a
hồ Cờ Phi	TV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 44"	105° 49' 05"					F-48-68-B-a
xóm Đanh	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 42"	105° 47' 42"					F-48-68-B-a
xóm Đật	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 22"	105° 46' 60"					F-48-68-B-a
xóm Đồng Đồng	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 37"	105° 47' 56"					F-48-68-B-a
xóm Gò Đồn	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 15"	105° 47' 35"					F-48-68-B-a
xóm Hạ Đát	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 22' 37"	105° 46' 33"					F-48-68-B-a
xóm La Bờ	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 29"	105° 48' 45"					F-48-68-B-a
xóm La Dẹ	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 32"	105° 48' 37"					F-48-68-B-a
xóm La Lang	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 24"	105° 46' 46"					F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Long Thành	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 59"	105° 48' 04"					F-48-68-B-a
xóm Lũng	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 16"	105° 46' 33"					F-48-68-B-a
xóm Nhe	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 25' 02"	105° 45' 42"					F-48-68-B-a
đèo Nhe	SV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 45"	105° 45' 10"					F-48-68-B-a
xóm Nhội	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 26"	105° 46' 36"					F-48-68-B-a
xóm Rừng Ngại	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 15"	105° 48' 22"					F-48-68-B-a
núi Sẻ Gỗ	SV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 22' 53"	105° 47' 28"					F-48-68-B-a
hồ Suối Lạnh	TV	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 24"	105° 46' 15"					F-48-68-B-a
xóm Thượng Vụ 1	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 12"	105° 48' 58"					F-48-68-B-a
xóm Thượng Vụ 2	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 32"	105° 48' 57"					F-48-68-B-a
xóm Tơm	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 06"	105° 47' 19"					F-48-68-B-a
xóm Vạn Phú	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 23' 05"	105° 46' 34"					F-48-68-B-a
xóm Xuân Dương	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 29"	105° 48' 13"					F-48-68-B-a
xóm Xuân Hà 3	DC	xã Thành Công	H. Phổ Yên	21° 24' 17"	105° 48' 34"					F-48-68-B-a
xóm Bíp	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 08"	105° 52' 10"					F-48-68-B-c
sông Cống	TV	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên			21° 20' 29"	105° 51' 19"	21° 19' 37"	105° 53' 26"	F-48-68-B-d
cầu Đa Phúc	KX	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 19' 48"	105° 52' 07"					F-48-68-B-c
xóm Đoàn Kết	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 40"	105° 51' 54"					F-48-68-B-c
xóm Đồng Triều	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 38"	105° 52' 51"					F-48-68-B-c
xóm Phú Lôi	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 19' 56"	105° 52' 47"					F-48-68-B-d
xóm Thượng	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 56"	105° 52' 22"					F-48-68-B-c
xóm Triều Lai	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 31"	105° 52' 27"					F-48-68-B-c
xóm Xáy	DC	xã Thuận Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 01"	105° 52' 45"					F-48-68-B-d
sông Cầu	TV	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên			21° 24' 01"	105° 56' 18"	21° 22' 35"	105° 54' 42"	F-48-68-B-b
xóm Cổ Pháp	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 07"	105° 55' 34"					F-48-68-B-b
xóm Đại Tân	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 20"	105° 54' 48"					F-48-68-B-b
xóm Diên Mục	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 25' 10"	105° 54' 33"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Ngàn	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 26"	105° 54' 54"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Thượng	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 10"	105° 55' 24"					F-48-68-B-b
xóm Giã Thủ	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 12"	105° 55' 03"					F-48-68-B-b
xóm Giã Trung	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 22' 56"	105° 55' 31"					F-48-68-B-b
xóm Hảo Sơn	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 48"	105° 55' 56"					F-48-68-B-b
xóm Ma Sáo	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 04"	105° 54' 37"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng					Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm	Tọa độ điểm đầu	Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nguyễn Hậu	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 22"	105° 55' 56"				F-48-68-B-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 46"	105° 54' 43"				F-48-68-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 09"	105° 54' 51"				F-48-68-B-b
xóm Tân Xuân	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 20"	105° 55' 36"				F-48-68-B-b
xóm Thái Cao	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 24' 35"	105° 55' 21"				F-48-68-B-b
xóm Thủ Lâm	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 08"	105° 56' 05"				F-48-68-B-b
xóm Trung Quân	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 31"	105° 55' 04"				F-48-68-B-b
xóm Văn Định	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 45"	105° 55' 02"				F-48-68-B-b
xóm Xuân Trù	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 12"	105° 55' 44"				F-48-68-B-b
xóm Yên Trung	DC	xã Tiên Phong	H. Phổ Yên	21° 23' 49"	105° 56' 07"				F-48-68-B-b
quốc lộ 3	KX	xã Trung Thành	H. Phổ Yên		21° 21' 06"	105° 52' 10"	21° 22' 31"	105° 52' 15"	F-48-68-B-c
xóm Am Lâm	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 22' 19"	105° 51' 48"				F-48-68-B-c
xóm Cẩm Trà	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 11"	105° 52' 03"				F-48-68-B-c
xóm Cầu Sơn	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 22' 42"	105° 51' 08"				F-48-68-B-a
sông Công	TV	xã Trung Thành	H. Phổ Yên		21° 22' 49"	105° 51' 01"	21° 20' 29"	105° 51' 19"	F-48-68-B-c
xóm Hợp Thịnh	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 45"	105° 51' 48"				F-48-68-B-c
xóm Kim Tinh	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 39"	105° 52' 20"				F-48-68-B-c
xóm Phú Thịnh	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 22"	105° 52' 03"				F-48-68-B-c
xóm Thanh Hoa	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 22' 18"	105° 52' 22"				F-48-68-B-c
xóm Thanh Xuyên	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 22' 04"	105° 52' 22"				F-48-68-B-c
xóm Thu Lễ	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 20' 53"	105° 51' 32"				F-48-68-B-c
xóm Xuân Vinh	DC	xã Trung Thành	H. Phổ Yên	21° 21' 18"	105° 51' 34"				F-48-68-B-c
xóm Ấp	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 26"	105° 50' 03"				F-48-68-B-a
xóm Ấp Mèn	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 10"	105° 48' 34"				F-48-68-B-a
xóm Bãi Châu	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 24' 27"	105° 49' 18"				F-48-68-B-a
xóm Bến Cháy	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 42"	105° 50' 55"				F-48-68-B-a
xóm Chùa	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 35"	105° 50' 16"				F-48-68-B-a
xóm Cờ Phi	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 21"	105° 49' 47"				F-48-68-B-a
xóm Cổng Đồn	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 24' 26"	105° 49' 38"				F-48-68-B-a
xóm Đình	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 14"	105° 50' 13"				F-48-68-B-a
xóm Đồng Mực	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 07"	105° 48' 59"				F-48-68-B-a
xóm Đồng Sản	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 22"	105° 48' 53"				F-48-68-B-a
xóm Hạ Vụ	DC	xã Vạn Phái	H. Phổ Yên	21° 23' 35"	105° 49' 07"				F-48-68-B-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng							Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối			
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kim Sơn	DC	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 22' 40"	105° 49' 57"						F-48-68-B-a
núi Ngang	SV	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 24' 02"	105° 50' 01"						F-48-68-B-a
xóm Ngòi	DC	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 23' 19"	105° 50' 23"						F-48-68-B-a
xóm Nông Vụ	DC	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 23' 38"	105° 49' 36"						F-48-68-B-a
xóm Núi	DC	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 23' 16"	105° 50' 04"						F-48-68-B-a
xóm Núi Lá	DC	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 23' 03"	105° 49' 55"						F-48-68-B-a
xóm Tân Hoà	DC	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 24' 02"	105° 49' 17"						F-48-68-B-a
xóm Trại Cang	DC	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 23' 56"	105° 49' 36"						F-48-68-B-a
xóm Vạn Kim	DC	xã Vạn Phái	H. Phú Yên	21° 22' 50"	105° 50' 34"						F-48-68-B-a
quốc lộ 37	KX	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình			21° 28' 04"	105° 58' 01"	21° 26' 45"	105° 58' 36"		F-48-68-B-b
xóm Đoàn Kết	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 28' 23"	105° 58' 16"						F-48-68-B-b
cầu Đoàn Kết	KX	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 28' 01"	105° 58' 08"						F-48-68-B-b
xóm Hòa Bình	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 39"	105° 58' 49"						F-48-68-B-b
xóm La Sơn	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 24"	105° 58' 15"						F-48-68-B-b
xóm Lăng Cá	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 56"	105° 58' 20"						F-48-68-B-b
xóm Mỹ Sơn	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 40"	105° 59' 38"						F-48-68-B-b
xóm Nguyễn 1	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 21"	105° 59' 26"						F-48-68-B-b
xóm Thi Đua	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 28' 19"	105° 58' 50"						F-48-68-B-b
xóm Thơm	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 07"	105° 59' 03"						F-48-68-B-b
xóm Úc Sơn	DC	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 28' 02"	105° 58' 39"						F-48-68-B-b
cầu Úc Sơn	KX	TT. Hương Sơn	H. Phú Bình	21° 27' 45"	105° 58' 38"						F-48-68-B-b
xóm Bàn Đạt	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 32' 47"	105° 55' 25"						F-48-56-D-d
xóm Bờ Tắc	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 33' 54"	105° 57' 38"						F-48-56-D-d
xóm Cầu Mành	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 35' 10"	105° 54' 57"						F-48-56-D-d
xóm Đá Bạc	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 33' 39"	105° 56' 25"						F-48-56-D-d
xóm Đồng Quan	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 16"	105° 55' 45"						F-48-56-D-d
đập Đồng Trời	KX	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 33' 49"	105° 55' 37"						F-48-56-D-d
ga Khúc Rồng	KX	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 54"	105° 55' 37"						F-48-56-D-d
sông Măng	TV	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình			21° 32' 37"	105° 54' 31"	21° 32' 27"	105° 54' 31"		F-48-56-D-d
xóm Nà Chặng	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 33' 17"	105° 55' 09"						F-48-56-D-d
núi Quàn Ngựa	SV	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 21"	105° 55' 31"						F-48-56-D-d
núi Rừng Dốc	SV	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 14"	105° 57' 46"						F-48-56-D-d
xóm Việt Long	DC	xã Bàn Đạt	H. Phú Bình	21° 34' 40"	105° 55' 11"						F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Chi Mè	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 29' 27"	105° 56' 58"					F-48-68-B-b
xóm Cỏ Dại	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 29' 37"	105° 56' 08"					F-48-68-B-b
xóm Cỏ Ta	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 04"	105° 55' 55"					F-48-56-D-d
xóm Dinh	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 08"	105° 57' 40"					F-48-56-D-d
xóm Đại Lễ	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 28' 52"	105° 56' 10"					F-48-68-B-b
xóm Hoà	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 47"	105° 56' 37"					F-48-56-D-d
sông Máng	TV	xã Bảo Lý	H. Phú Bình			21° 30' 24"	105° 56' 04"	21° 28' 41"	105° 57' 09"	F-48-56-D-d F-48-68-B-b
xóm Mết	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 52"	105° 57' 46"					F-48-56-D-d
xóm Ngược	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 29' 18"	105° 56' 24"					F-48-68-B-b
xóm Quyển	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 34"	105° 57' 29"					F-48-56-D-d
xóm Thông	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 48"	105° 57' 09"					F-48-56-D-d
xóm Thượng	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 16"	105° 57' 01"					F-48-56-D-d
xóm Thượng Mới	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 30' 11"	105° 56' 34"					F-48-56-D-d
xóm Vạn Già	DC	xã Bảo Lý	H. Phú Bình	21° 29' 04"	105° 56' 32"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Đào Xá	H. Phú Bình			21° 32' 25"	105° 54' 26"	21° 30' 05"	105° 55' 44"	F-48-56-D-d F-48-68-B-b
xóm Châm	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 32' 35"	105° 54' 50"					F-48-56-D-d
ngôi Chanh	TV	xã Đào Xá	H. Phú Bình			21° 31' 18"	105° 55' 59"	21° 30' 05"	105° 55' 45"	F-48-56-D-d
xóm Dãy	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 32' 24"	105° 54' 42"					F-48-56-D-d
xóm Đình Hạng	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 30' 05"	105° 54' 53"					F-48-56-D-d
xóm Đoàn Kết	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 30' 37"	105° 55' 32"					F-48-56-D-d
xóm Phú Minh	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 30' 13"	105° 55' 20"					F-48-56-D-d
xóm Tân Sơn	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 32' 15"	105° 54' 55"					F-48-56-D-d
sông Vàng	TV	xã Đào Xá	H. Phú Bình			21° 32' 20"	105° 55' 52"	21° 31' 17"	105° 55' 26"	F-48-56-D-d
xóm Xuân Đào	DC	xã Đào Xá	H. Phú Bình	21° 31' 47"	105° 55' 15"					F-48-56-D-d
xóm Bình	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 52"	105° 54' 06"					F-48-68-B-b
xóm Diêm Thụy	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 47"	105° 55' 24"					F-48-68-B-b
xóm Hạng	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 29' 11"	105° 54' 37"					F-48-68-B-b
núi Hạng	SV	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 28' 11"	105° 53' 41"					F-48-68-B-b
xóm Hộ Lệnh	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 28' 07"	105° 54' 17"					F-48-68-B-b
xóm Ngọc Sơn	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 08"	105° 55' 38"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thuận Pháp	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 28' 20"	105° 55' 12"					F-48-68-B-b
xóm Trại Trám	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 24"	105° 55' 44"					F-48-68-B-b
xóm Trạng	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 28' 37"	105° 53' 57"					F-48-68-B-b
xóm Trung	DC	xã Diêm Thụy	H. Phú Bình	21° 27' 47"	105° 54' 32"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Đồng Liên	H. Phú Bình			21° 34' 31"	105° 52' 27"	21° 32' 25"	105° 54' 25"	F-48-56-D-d
xóm Đà Gân	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 38"	105° 53' 48"					F-48-56-D-d
cầu Đà Gân	KX	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 48"	105° 53' 38"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Ao	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 03"	105° 53' 43"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Cáo	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 18"	105° 54' 16"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Tâm	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 37"	105° 52' 51"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Tân	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 33' 17"	105° 53' 31"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Vạn	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 33' 32"	105° 54' 14"					F-48-56-D-d
sông Máng	TV	xã Đồng Liên	H. Phú Bình			21° 34' 31"	105° 52' 27"	21° 32' 27"	105° 54' 31"	F-48-56-D-d
xóm Thùng Ong	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 34' 51"	105° 54' 22"					F-48-56-D-d
xóm Trà Viên	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 33' 43"	105° 53' 39"					F-48-56-D-d
xóm Xuân Đám	DC	xã Đồng Liên	H. Phú Bình	21° 32' 49"	105° 54' 09"					F-48-56-D-d
xóm An Thành	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 23' 56"	106° 01' 11"					F-48-69-A-a
xóm Đăng	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 39"	106° 01' 26"					F-48-69-A-a
núi Đốt	SV	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 01"	106° 01' 46"					F-48-69-A-a
xóm Nguồn	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 49"	106° 00' 51"					F-48-69-A-a
xóm Núi	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 26"	106° 01' 24"					F-48-69-A-a
xóm Phẩm Giàng	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 24' 42"	106° 01' 02"					F-48-69-A-a
xóm Phú Dương	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 32"	106° 00' 36"					F-48-69-A-a
xóm Quyết Thắng	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 26"	106° 00' 30"					F-48-69-A-a
xóm Tiến Bộ	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 25' 25"	106° 00' 58"					F-48-69-A-a
xóm Trại Thảm	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 24' 33"	106° 00' 48"					F-48-69-A-a
xóm Xuồm	DC	xã Dương Thành	H. Phú Bình	21° 24' 32"	106° 01' 42"					F-48-69-A-a
sông Cầu	TV	xã Hà Châu	H. Phú Bình			21° 25' 28"	105° 57' 24"	21° 24' 01"	105° 56' 18"	F-48-68-B-b
xóm Cú	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 25' 10"	105° 56' 34"					F-48-68-B-b
xóm Đắc Trung	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 42"	105° 55' 52"					F-48-68-B-b
xóm Đông	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 34"	105° 56' 46"					F-48-68-B-b
xóm Hà Châu	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 59"	105° 57' 01"					F-48-68-B-b
xóm Ngòi	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 25' 08"	105° 57' 06"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Táo	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 27"	105° 56' 45"					F-48-68-B-b
xóm Trầm Hương	DC	xã Hà Châu	H. Phú Bình	21° 24' 31"	105° 56' 14"					F-48-68-B-b
xóm Bình Định	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 36"	105° 59' 32"					F-48-68-B-b
xóm Ca	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 08"	105° 58' 39"					F-48-68-B-b
xóm Cầu Dài	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 25"	105° 59' 16"					F-48-68-B-b
xóm Chợ Đồn	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 17"	105° 58' 49"					F-48-68-B-b
xóm Điện	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 29"	105° 58' 22"					F-48-68-B-b
xóm Hòa Bình	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 46"	105° 58' 29"					F-48-68-B-b
xóm Kha Bình Lâm	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 44"	105° 59' 20"					F-48-68-B-b
xóm Kha Nhi	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 48"	105° 58' 11"					F-48-68-B-b
xóm Kha Thượng	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 13"	105° 58' 09"					F-48-68-B-b
xóm Mai Sơn	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 26"	105° 58' 04"					F-48-68-B-b
xóm Ngõ Trù	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 24' 52"	105° 59' 33"					F-48-68-B-b
xóm Phú Lâm	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 27"	105° 59' 46"					F-48-68-B-b
xóm Soi	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 16"	105° 59' 03"					F-48-68-B-b
xóm Tân Thành	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 49"	105° 58' 59"					F-48-68-B-b
xóm Tây Bắc	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 24"	105° 58' 39"					F-48-68-B-b
xóm Trại	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 11"	105° 59' 28"					F-48-68-B-b
xóm Trung Tâm	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 26' 01"	105° 58' 48"					F-48-68-B-b
xóm Xi	DC	xã Kha Sơn	H. Phú Bình	21° 25' 40"	105° 58' 51"					F-48-68-B-b
xóm Chiềng	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 35"	105° 59' 29"					F-48-68-B-b
cầu Chợ Đà	KX	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 16"	105° 59' 25"					F-48-68-B-b
xóm Lương Tạ 2	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 40"	105° 59' 52"					F-48-68-B-b
xóm Lương Thái	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 15"	105° 59' 52"					F-48-68-B-b
xóm Lương Trình	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 57"	105° 59' 38"					F-48-68-B-b
xóm Phú Hương	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 12"	106° 00' 17"					F-48-69-A-a
xóm Phú Lương	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 55"	106° 00' 37"					F-48-69-A-a
xóm Phú Mỹ	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 34"	106° 00' 26"					F-48-69-A-a
xóm Việt Ninh	DC	xã Lương Phú	H. Phú Bình	21° 26' 07"	105° 59' 35"					F-48-68-B-b
đường tỉnh 252	KX	xã Nga My	H. Phú Bình			21° 26' 15"	105° 56' 36"	21° 25' 31"	105° 56' 50"	F-48-68-B-b
xóm An Châu	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 23"	105° 56' 10"					F-48-68-B-b
xóm Bô Trục	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 57"	105° 55' 58"					F-48-68-B-b
xóm Cầu Cát	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 03"	105° 55' 57"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Diêm Dương	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 46"	105° 57' 04"					F-48-68-B-b
xóm Đại An	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 35"	105° 55' 21"					F-48-68-B-b
xóm Diêm	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 26' 12"	105° 57' 18"					F-48-68-B-b
kênh Đồng	TV	xã Nga My	H. Phú Bình			21° 26' 55"	105° 54' 54"	21° 24' 52"	105° 55' 47"	F-48-68-B-b
xóm Đồng Hòa	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 06"	105° 54' 53"					F-48-68-B-b
xóm Kén	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 40"	105° 56' 18"					F-48-68-B-b
núi Ngọc	SV	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 26' 49"	105° 55' 19"					F-48-68-B-b
xóm Núi Ngọc	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 26' 29"	105° 55' 12"					F-48-68-B-b
xóm Phú Xuân	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 26' 18"	105° 55' 14"					F-48-68-B-b
xóm Tam Xuân	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 38"	105° 54' 46"					F-48-68-B-b
xóm Thái Hòa	DC	xã Nga My	H. Phú Bình	21° 25' 07"	105° 55' 22"					F-48-68-B-b
xóm Bình Giang	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 09' 00"	105° 55' 21"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình			21° 29' 02"	105° 55' 05"	21° 28' 16"	105° 56' 53"	F-48-68-B-b
xóm Chiến	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 40"	105° 56' 18"					F-48-68-B-b
xóm Hạnh	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 42"	105° 55' 23"					F-48-68-B-b
cầu Mây	KX	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 28' 21"	105° 56' 55"					F-48-68-B-b
xóm Mít	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 07' 60"	105° 56' 12"					F-48-68-B-b
xóm Nhả Lộng	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 09"	105° 56' 08"					F-48-68-B-b
cầu Quyết Tiến	KX	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 28' 23"	105° 55' 29"					F-48-68-B-b
xóm Sau	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 07' 55"	105° 55' 50"					F-48-68-B-b
xóm Soi	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 30"	105° 56' 10"					F-48-68-B-b
xóm Thanh Đàm	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 53"	105° 55' 34"					F-48-68-B-b
xóm Trại	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 21"	105° 55' 59"					F-48-68-B-b
xóm Triều Dương	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 42"	105° 55' 41"					F-48-68-B-b
xóm Xúm	DC	xã Nhả Lộng	H. Phú Bình	21° 08' 06"	105° 56' 00"					F-48-68-B-b
xóm Diên	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 60"	106° 01' 25"					F-48-69-A-a
xóm Diên Cầu	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 17"	106° 01' 01"					F-48-69-A-a
xóm Lệnh	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 21"	106° 01' 10"					F-48-69-A-a
xóm Lúa	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 30"	106° 02' 40"					F-48-69-A-a
xóm Ngô Thái	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 41"	106° 02' 36"					F-48-69-A-a
xóm Ngoài	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 11"	106° 01' 29"					F-48-69-A-a
xóm Ngọc Lý	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 11"	106° 02' 12"					F-48-69-A-a
xóm Ngọc Sơn	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 02"	106° 02' 34"					F-48-69-A-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Quai	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 29"	106° 00' 57"					F-48-69-A-a
xóm Quăn	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 28' 15"	106° 02' 07"					F-48-69-A-a
xóm Tân Lập	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 40"	106° 02' 22"					F-48-69-A-a
xóm Tân Thịnh	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 32"	106° 01' 46"					F-48-69-A-a
xóm Vàng	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 26' 53"	106° 01' 41"					F-48-69-A-a
xóm Viên	DC	xã Tân Đức	H. Phú Bình	21° 27' 02"	106° 01' 48"					F-48-69-A-a
xóm Cà	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 29' 07"	106° 00' 50"					F-48-69-A-a
xóm Chăn Mắm	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 11"	106° 00' 39"					F-48-69-A-a
xóm Đồng Ca	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 00"	106° 01' 23"					F-48-69-A-a
xóm Giản	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 29' 07"	105° 59' 34"					F-48-68-B-b
xóm Giếng Mật	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 44"	106° 01' 12"					F-48-69-A-a
xóm Hân	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 47"	106° 00' 55"					F-48-69-A-a
xóm Hậu	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 20"	106° 00' 28"					F-48-69-A-a
xóm Làng Lê	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 29' 00"	106° 01' 30"					F-48-69-A-a
xóm Màng Giữa	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 31"	106° 01' 35"					F-48-69-A-a
xóm Ngò	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 48"	106° 00' 14"					F-48-69-A-a
xóm Tề	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 29"	106° 00' 15"					F-48-68-B-b
xóm Thanh Lương	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 13"	106° 00' 11"					F-48-69-A-a
xóm Trại Giữa	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 43"	106° 01' 49"					F-48-69-A-a
xóm Tru Sở	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 44"	106° 00' 38"					F-48-69-A-a
xóm U	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 25"	105° 59' 39"					F-48-68-B-b
xóm Vàng	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 51"	106° 02' 05"					F-48-69-A-a
xóm Vàng Ngoài	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 28' 36"	106° 02' 22"					F-48-69-A-a
xóm Vầu	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 57"	105° 59' 57"					F-48-68-B-b
xóm Vực Giàng	DC	xã Tân Hòa	H. Phú Bình	21° 27' 51"	106° 00' 23"					F-48-69-A-a
xóm Bằng Sơn	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 32' 48"	105° 57' 56"					F-48-56-D-d
xóm Cầu Cong	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 13"	105° 59' 04"					F-48-56-D-d
xóm Cầu Ngâm	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 32' 26"	105° 57' 44"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Bàu	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 32' 22"	105° 56' 23"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Đậu	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 32' 44"	105° 57' 16"					F-48-56-D-d
xóm Đồng Tiến 1	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 22"	105° 57' 30"					F-48-56-D-d
hồ Hồ Cốc	TV	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 41"	105° 58' 59"					F-48-56-D-d
xóm Kê	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 35"	105° 58' 34"					F-48-56-D-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Kim Bàng	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 51"	105° 57' 20"					F-48-56-D-d
xóm La Tú	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 47"	105° 57' 57"					F-48-56-D-d
xóm Làng Cỏ	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 21"	105° 58' 03"					F-48-56-D-d
xóm Nà Rì	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 14"	105° 57' 24"					F-48-56-D-d
xóm Ngò	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 04"	105° 56' 51"					F-48-56-D-d
xóm Nông Trường	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 33"	105° 56' 29"					F-48-56-D-d
nông trường Tân Khánh	KX	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 39"	105° 56' 20"					F-48-56-D-d
xóm Thông	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 33"	105° 56' 58"					F-48-56-D-d
xóm Trại Mới	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 00"	105° 56' 08"					F-48-56-D-d
xóm Tranh	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 33' 07"	105° 58' 38"					F-48-56-D-d
xóm Tre	DC	xã Tân Khánh	H. Phú Bình	21° 31' 36"	105° 57' 35"					F-48-56-D-d
xóm Bạch Thạch	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 30"	105° 58' 23"					F-48-56-D-d
xóm Bờ La	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 33' 05"	105° 59' 28"					F-48-56-D-d
xóm Châu	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 30"	105° 59' 10"					F-48-56-D-d
xóm Đèo Khé	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 32' 45"	105° 59' 29"					F-48-56-D-d
xóm Hải Minh	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 31' 46"	105° 59' 06"					F-48-56-D-d
suối Hải Minh	TV	xã Tân Kim	H. Phú Bình			21° 32' 11"	105° 59' 33"	21° 29' 54"	105° 57' 56"	F-48-68-B-b, F-48-68-B-d
xóm La Dao	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 31' 45"	105° 58' 26"					F-48-56-D-d
xóm La Muối	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 32' 37"	105° 58' 37"					F-48-56-D-d
xóm Mỏn Hạ	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 29' 33"	105° 58' 28"					F-48-68-B-b
xóm Mỏn Thượng	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 29' 45"	105° 58' 00"					F-48-68-B-b
xóm Nà Duốc	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 31' 07"	105° 58' 04"					F-48-56-D-d
xóm Núi Chùa	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 29' 56"	105° 59' 22"					F-48-68-B-b
xóm Quyết Tiến	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 32' 35"	105° 58' 49"					F-48-56-D-d
hồ Tân Kim	TV	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 20"	105° 59' 45"					F-48-56-D-d
xóm Thông Bông	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 11"	105° 59' 08"					F-48-56-D-d
xóm Trại	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 59"	105° 58' 24"					F-48-56-D-d
sông Trại Phong	TV	xã Tân Kim	H. Phú Bình			21° 31' 58"	105° 58' 32"	21° 28' 57"	105° 57' 33"	F-48-68-B-b, F-48-68-B-d
xóm Trạng Đài	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 30' 11"	105° 58' 14"					F-48-56-D-d
xóm Xuân Lai	DC	xã Tân Kim	H. Phú Bình	21° 29' 07"	105° 57' 55"					F-48-68-B-b
xóm Cầu Muối	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 32' 28"	106° 00' 46"					F-48-57-C-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Dốc Đá	SV	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 31' 51"	106° 01' 40"					F-48-57-C-c
xóm Đồng Bàu Trong	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 31' 40"	106° 00' 47"					F-48-57-C-c
xóm Đồng Bón	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 10"	106° 00' 50"					F-48-57-C-c
xóm Hòa Lâm	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 21"	106° 01' 25"					F-48-57-C-c
xóm La Lê	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 06"	106° 00' 07"					F-48-57-C-c
xóm Nà Bi	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 32' 05"	106° 00' 56"					F-48-57-C-c
đập Ngon Đồng	KX	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 07"	106° 00' 16"					F-48-57-C-c
xóm Non Tranh	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 30' 46"	105° 59' 37"					F-48-56-D-d
xóm Suối Lừa	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 31' 12"	106° 01' 34"					F-48-57-C-c
xóm Tân Yên	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 32' 49"	106° 00' 26"					F-48-57-C-c
xóm Trại Gạo	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 29' 53"	106° 01' 33"					F-48-69-A-a
xóm Vo	DC	xã Tân Thành	H. Phú Bình	21° 29' 45"	106° 00' 20"					F-48-69-A-a
núi Các	SV	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 45"	106° 00' 38"					F-48-69-A-a
xóm Đồng Phú	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 25' 58"	106° 00' 19"					F-48-69-A-a
xóm Đồng Trong	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 57"	106° 00' 14"					F-48-69-A-a
xóm Hoà Bình 1	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 54"	106° 00' 03"					F-48-69-A-a
xóm Nam Hương 3	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 25' 54"	106° 00' 39"					F-48-69-A-a
xóm Phú Thanh 2	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 27"	105° 59' 36"					F-48-68-B-b
xóm Phú Yên	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 32"	106° 00' 29"					F-48-69-A-a
xóm Quán	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 25' 18"	106° 00' 04"					F-48-69-A-a
xóm Tiền Phong	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 25' 40"	106° 00' 06"					F-48-69-A-a
xóm Trại Mít	DC	xã Thanh Định	H. Phú Bình	21° 24' 53"	106° 00' 33"					F-48-69-A-a
quốc lộ 37	KX	xã Thượng Định	H. Phú Bình			21° 29' 20"	105° 54' 34"	21° 30' 03"	105° 54' 08"	F-48-68-B-b, F-48-68-D-d
xóm Bồng Lai	DC	xã Thượng Định	H. Phú Bình	21° 29' 32"	105° 55' 12"					F-48-68-B-b
sông Cầu	TV	xã Thượng Định	H. Phú Bình			21° 31' 03"	105° 54' 50"	21° 29' 03"	105° 55' 06"	F-48-68-B-b, F-48-68-D-d
ngôi Đồng Đông	TV	xã Thượng Định	H. Phú Bình			21° 30' 48"	105° 54' 01"	21° 30' 03"	105° 54' 41"	F-48-56-D-d
xóm Đồng Hà	DC	xã Thượng Định	H. Phú Bình	21° 29' 30"	105° 55' 38"					F-48-68-B-b
xóm Đồng Hồ	DC	xã Thượng Định	H. Phú Bình	21° 30' 51"	105° 55' 03"					F-48-56-D-d
xóm Gò Lại	DC	xã Thượng Định	H. Phú Bình	21° 29' 46"	105° 55' 34"					F-48-68-B-b
xóm Hàng Tài	DC	xã Thượng Định	H. Phú Bình	21° 29' 23"	105° 54' 36"					F-48-68-B-b
xóm Hòa Bình	DC	xã Thượng Định	H. Phú Bình	21° 29' 14"	105° 55' 01"					F-48-68-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hòa Thịnh	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 46"	105° 55' 18"					F-48-68-B-b
xóm Hướng	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 52"	105° 54' 33"					F-48-68-B-b
xóm Ngọc Tâm	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 18"	105° 53' 57"					F-48-68-B-b
xóm Nhân Minh	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 17"	105° 53' 38"					F-48-68-B-b
xóm Rô	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 41"	105° 54' 37"					F-48-68-B-b
xóm Tân Lập	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 30' 04"	105° 54' 35"					F-48-56-D-d
cầu Thượng Đình	KX	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 19"	105° 54' 35"					F-48-68-B-b
cầu Thượng Đình 2	KX	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 29' 38"	105° 54' 26"					F-48-68-B-b
xóm Trại Mới	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 30' 32"	105° 54' 58"					F-48-56-D-d
xóm Vũ Chấn	DC	xã Thượng Đình	H. Phú Bình	21° 30' 35"	105° 54' 07"					F-48-56-D-d
xóm Đầm 2	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 26' 19"	105° 56' 06"					F-48-68-B-b
xóm Giữa	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 26' 53"	105° 56' 17"					F-48-68-B-b
xóm Nam 2	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 26' 37"	105° 55' 49"					F-48-68-B-b
xóm Sol 1	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 26' 36"	105° 56' 40"					F-48-68-B-b
xóm Trại	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 28' 04"	105° 56' 47"					F-48-68-B-b
xóm Úc Kỳ	DC	xã Úc Kỳ	H. Phú Bình	21° 27' 29"	105° 56' 42"					F-48-68-B-b
xóm Giữa	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 27' 08"	105° 58' 02"					F-48-68-B-b
xóm Hạnh Phúc	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 26' 50"	105° 56' 58"					F-48-68-B-b
xóm Hìn	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 27' 37"	105° 57' 59"					F-48-68-B-b
xóm Kiều Chính	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 28' 31"	105° 57' 13"					F-48-68-B-b
xóm Ngoài	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 27' 17"	105° 57' 39"					F-48-68-B-b
xóm Thắng Lợi	DC	xã Xuân Phương	H. Phú Bình	21° 27' 20"	105° 57' 00"					F-48-68-B-b
cầu Thác Lở	KX	TT. Đu	H. Phú Lương	21° 44' 04"	105° 42' 11"					F-48-56-C-b
xóm Thọ Lâm	DC	TT. Đu	H. Phú Lương	21° 43' 31"	105° 42' 11"					F-48-56-C-b
sông Đu	TV	TT. Giang Tiến	H. Phú Lương			21° 40' 04"	105° 43' 14"	21° 40' 21"	105° 44' 31"	F-48-56-C-b
xóm Giang Khánh	DC	TT. Giang Tiến	H. Phú Lương	21° 41' 04"	105° 44' 01"					F-48-56-C-b
tiểu khu. Giang Tân	DC	TT. Giang Tiến	H. Phú Lương	21° 40' 30"	105° 43' 31"					F-48-56-C-b
cầu Giang Tiến	KX	TT. Giang Tiến	H. Phú Lương	21° 40' 11"	105° 44' 19"					F-48-56-C-b
mỏ than. Phan Mỹ	KX	TT. Giang Tiến	H. Phú Lương	21° 40' 41"	105° 43' 43"					F-48-56-C-b
xóm 7	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 26"	105° 45' 54"					F-48-56-D-a
quốc lộ 37	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương			21° 38' 47"	105° 45' 22"	21° 38' 12"	105° 44' 37"	F-48-56-C-b, F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Bả Sơn	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 37' 44"	105° 45' 22"					F-48-56-D-a
xóm Bãi Nha	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 33"	105° 44' 47"					F-48-56-C-b
xóm Bờ Đậu	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 43"	105° 45' 22"					F-48-56-D-a
xóm Cây Lán	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 50"	105° 44' 51"					F-48-56-C-b
xóm Cây Thị	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 25"	105° 44' 33"					F-48-56-C-b
núi Chùa	SV	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 38' 23"	105° 45' 31"					F-48-56-D-a
xóm Cổ Lũng	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 37"	105° 43' 58"					F-48-56-C-b
xóm Đồi Chè	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 40' 10"	105° 44' 50"					F-48-56-C-b
xóm Đông	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 45"	105° 45' 59"					F-48-56-D-a
sông Đu	TV	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương			21° 38' 47"	105° 48' 36"	21° 39' 50"	105° 43' 44"	F-48-56-C-b, F-48-56-D-a
xóm Đường Gòong	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 11"	105° 44' 23"					F-48-56-C-b
cầu Giang Tiên	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 40' 11"	105° 44' 19"					F-48-56-C-b
mỏ than Khánh Hoà	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 37' 44"	105° 45' 37"					F-48-56-D-a
xóm Nam Sơn	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 37' 59"	105° 45' 32"					F-48-56-D-a
xóm Phan	DC	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 43"	105° 45' 11"					F-48-56-D-a
cầu Phú Sơn 4	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 39' 48"	105° 46' 21"					F-48-56-D-a
trại giam Phú Sơn 4	KX	xã Cổ Lũng	H. Phú Lương	21° 40' 13"	105° 45' 36"					F-48-56-D-a
quốc lộ 3	KX	xã Động Đạt	H. Phú Lương			21° 42' 49"	105° 43' 01"	21° 46' 37"	105° 42' 23"	F-48-56-A-d
xóm Ao Sen	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 46' 06"	105° 42' 52"					F-48-56-A-d
xóm Cầu Lán	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 03"	105° 42' 57"					F-48-56-C-b
xóm Cây Châm	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 44' 00"	105° 41' 32"					F-48-56-C-b
xóm Cây Hồng	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 44' 49"	105° 43' 17"					F-48-56-C-b
xóm Chảo	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 40"	105° 41' 37"					F-48-56-C-b
xóm Cộng Hoà	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 46' 35"	105° 42' 44"					F-48-56-A-d
xóm Đông Châm	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 45' 41"	105° 42' 21"					F-48-56-A-d
xóm Đông Nghé 2	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 36"	105° 40' 34"					F-48-56-C-b
xóm Đông Nội	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 45' 16"	105° 41' 49"					F-48-56-A-d
sông Đu	TV	xã Động Đạt	H. Phú Lương			21° 41' 58"	105° 41' 28"	21° 43' 19"	105° 41' 59"	F-48-56-C-b
xóm Khe Nác	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 47' 51"	105° 43' 23"					F-48-56-A-d
sườn Khe Nác	TV	xã Động Đạt	H. Phú Lương			21° 48' 01"	105° 43' 29"	21° 47' 09"	105° 42' 38"	F-48-56-A-d
xóm Lê	DC	xã Động Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 49"	105° 42' 21"					F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Vĩ độ ($^{\circ}$, phút, giây)	Kinh độ ($^{\circ}$, phút, giây)	
xóm Mạ	DC	xã Đông Đạt	H. Phú Lương	21° 44' 45"	105° 42' 54"					F-48-56-C-b
xóm Phở Đuồm	DC	xã Đông Đạt	H. Phú Lương	21° 45' 17"	105° 42' 43"					F-48-56-A-d
xóm Tân Lập	DC	xã Đông Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 56"	105° 41' 57"					F-48-56-C-b
xóm Thái An	DC	xã Đông Đạt	H. Phú Lương	21° 43' 43"	105° 42' 33"					F-48-56-C-b
xóm Vườn Thông	DC	xã Đông Đạt	H. Phú Lương	21° 44' 57"	105° 42' 13"					F-48-56-C-b
sông Bến Gió	TV	xã Hợp Thành	H. Phú Lương			21° 46' 05"	105° 38' 40"	21° 45' 52"	105° 37' 28"	F-48-56-A-d
xóm Kết Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 45' 40"	105° 39' 29"					F-48-56-A-d
xóm Khôn Lân	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 44' 14"	105° 39' 00"					F-48-56-C-b
xóm Mân Quang	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 45' 47"	105° 38' 53"					F-48-56-A-d
xóm Mới	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 45' 08"	105° 38' 40"					F-48-56-A-d
xóm Môn	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 44' 48"	106° 38' 59"					F-48-56-C-b
xóm Phú Pài	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 46' 12"	105° 39' 04"					F-48-56-A-d
xóm Phú Thành	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 46' 07"	105° 39' 24"					F-48-56-A-d
xóm Tiến Bộ	DC	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 45' 14"	105° 39' 00"					F-48-56-A-d
núi Ton Dénh	SV	xã Hợp Thành	H. Phú Lương	21° 43' 44"	105° 39' 14"					F-48-56-C-b
cầu Bến Gió	KX	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 28"	105° 39' 22"					F-48-56-A-d
xóm Cài	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 55"	105° 38' 46"					F-48-56-A-d
xóm Cây Thị	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 34"	105° 38' 50"					F-48-56-A-d
xóm Cọ	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 12"	105° 38' 47"					F-48-56-A-d
xóm Đầm Rum	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 47' 15"	105° 39' 17"					F-48-56-A-d
xóm Khau Lai	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 34"	105° 38' 48"					F-48-56-A-d
cầu Mệt Trắng	KX	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 45' 49"	105° 37' 47"					F-48-56-A-d
sông Nà Dau	TV	xã Ôn Lương	H. Phú Lương			21° 47' 31"	105° 40' 33"	21° 46' 16"	105° 40' 04"	F-48-56-A-d
xóm Nà Pằng	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 48"	105° 38' 45"					F-48-56-A-d
xóm Nà Tùn	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 46' 54"	105° 39' 18"					F-48-56-A-d
xóm Thôn Đông	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 47' 06"	105° 38' 56"					F-48-56-A-d
xóm Thôn Trung	DC	xã Ôn Lương	H. Phú Lương	21° 48' 00"	105° 38' 42"					F-48-56-A-d
quốc lộ 3	KX	xã Phần Mễ	H. Phú Lương			21° 41' 16"	105° 43' 57"	21° 42' 49"	105° 43' 01"	F-48-56-C-b
xóm Bàu 1	DC	xã Phần Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 47"	105° 42' 06"					F-48-56-C-b
xóm Bàu 2	DC	xã Phần Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 22"	105° 41' 59"					F-48-56-C-b
xóm Bò 1	DC	xã Phần Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 10"	105° 43' 28"					F-48-56-C-b
xóm Bùn 2	DC	xã Phần Mễ	H. Phú Lương	21° 40' 33"	105° 43' 07"					F-48-56-C-b
núi Chùa	SV	xã Phần Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 11"	105° 41' 04"					F-48-56-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Cọ 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 60"	105° 41' 58"					F-48-56-C-b
sông Đu	TV	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương			21° 43' 19"	105° 41' 59"	21° 40' 04"	105° 43' 14"	F-48-56-C-b
xóm Giang 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 40' 53"	105° 42' 34"					F-48-56-C-b
xóm Giang 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 40' 30"	105° 42' 33"					F-48-56-C-b
xóm Hải Hoa	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 06"	105° 42' 33"					F-48-56-C-b
xóm Hìn	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 14"	105° 41' 39"					F-48-56-C-b
xóm Hoa 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 53"	105° 42' 30"					F-48-56-C-b
xóm Hoa 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 23"	105° 42' 46"					F-48-56-C-b
xóm Lân 1	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 48"	105° 42' 24"					F-48-56-C-b
xóm Lân 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 31"	105° 42' 21"					F-48-56-C-b
xóm Làng Chồ	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 44"	105° 43' 50"					F-48-56-C-b
xóm Mải	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 39"	105° 43' 22"					F-48-56-C-b
xóm Mỹ Khanh	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 25"	105° 43' 55"					F-48-56-C-b
xóm Ngọc Tiên	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 04"	105° 41' 21"					F-48-56-C-b
xóm Phố Gia 2	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 58"	105° 43' 47"					F-48-56-C-b
xóm Phú Sơn	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 41' 06"	105° 42' 21"					F-48-56-C-b
xóm Phú Yên	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 23"	105° 41' 52"					F-48-56-C-b
xóm Rốc Mầu	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 42"	105° 43' 46"					F-48-56-C-b
xóm Tân Hoà	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 14"	105° 43' 36"					F-48-56-C-b
xóm Trảng Học	DC	xã Phấn Mễ	H. Phú Lương	21° 42' 33"	105° 43' 06"					F-48-56-C-b
xóm Ao Công	DC	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 43' 09"	105° 48' 02"					F-48-56-D-a
xóm Chang	DC	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 44' 37"	105° 47' 52"					F-48-56-D-a
cầu Đá	KX	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 43' 41"	105° 47' 27"					F-48-56-D-a
đèo Khê	SV	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 46' 10"	105° 47' 54"					F-48-56-B-c
núi Khe Ấm	SV	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 45' 56"	105° 47' 17"					F-48-56-B-c
suối Khe Ấm	TV	xã Phú Đò	H. Phú Lương			21° 46' 23"	105° 47' 06"	21° 45' 23"	105° 46' 25"	F-48-56-B-c
suối Khe Cái	TV	xã Phú Đò	H. Phú Lương			21° 45' 05"	105° 46' 57"	21° 42' 28"	105° 47' 54"	F-48-56-D-a
suối Khe Lành	TV	xã Phú Đò	H. Phú Lương			21° 43' 27"	105° 49' 00"	21° 43' 06"	105° 48' 58"	F-48-56-D-a
xóm Khe Vàng 2	DC	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 43' 17"	105° 47' 27"					F-48-56-D-a
xóm Khe Vàng 3	DC	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 43' 44"	105° 47' 15"					F-48-56-D-a
suối Lặng	TV	xã Phú Đò	H. Phú Lương			21° 46' 00"	105° 46' 07"	21° 45' 30"	105° 46' 24"	F-48-56-B-c
núi Liêng	SV	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 45' 41"	105° 46' 23"					F-48-56-B-c
xóm Nà Sàng	DC	xã Phú Đò	H. Phú Lương	21° 46' 08"	105° 46' 51"					F-48-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Péc	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 20"	105° 47' 18"					F-48-56-B-c
núi Phất	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 44' 28"	105° 47' 23"					F-48-56-D-a
xóm Phú Bắc	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 44' 47"	105° 47' 23"					F-48-56-B-c
đèo Phú Đô	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 49"	105° 46' 18"					F-48-56-B-c
xóm Phú Đô 2	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 47"	105° 46' 40"					F-48-56-B-c
xóm Phú Thọ	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 50"	105° 47' 01"					F-48-56-B-c
núi Tân Mãn	SV	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 42' 50"	105° 48' 34"					F-48-56-D-a
xóm Vu 1	DC	xã Phú Đô	H. Phú Lương	21° 45' 13"	105° 46' 50"					F-48-56-B-c
quốc lộ 37	KX	xã Phú Lý	H. Phú Lương			21° 46' 14"	105° 40' 00"	21° 44' 32"	105° 41' 24"	F-48-56-A-d
xóm Đồng Chợ	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 45' 32"	105° 40' 35"					F-48-56-A-d
xóm Đồng Rôm	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 46' 10"	105° 40' 01"					F-48-56-A-d
sông Đu	TV	xã Phú Lý	H. Phú Lương			21° 46' 16"	105° 40' 04"	21° 44' 34"	105° 41' 28"	F-48-56-A-d
xóm Eng	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 44' 45"	105° 39' 21"					F-48-56-C-b
xóm Gò Bông	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 44' 48"	105° 39' 55"					F-48-56-C-b
xóm Hiệp Hòa	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 44' 16"	105° 39' 33"					F-48-56-C-b
xóm Khe Ván	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 47' 19"	105° 40' 38"					F-48-56-A-d
xóm Khôn Rầy	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 45' 17"	105° 40' 25"					F-48-56-A-d
xóm Nà Biều	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 45' 56"	105° 40' 38"					F-48-56-A-d
xóm Nà Dau	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 46' 43"	105° 40' 35"					F-48-56-A-d
cầu Nà Lâu	KX	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 45' 19"	105° 40' 49"					F-48-56-A-d
xóm Nà Mạn	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 44' 41"	105° 40' 07"					F-48-56-C-b
xóm Tân Chính	DC	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 44' 53"	105° 40' 24"					F-48-56-C-b
núi Trang	SV	xã Phú Lý	H. Phú Lương	21° 44' 46"	105° 40' 48"					F-48-56-C-b
quốc lộ 3	KX	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương			21° 37' 22"	105° 47' 25"	21° 38' 21"	105° 45' 59"	F-48-56-D-a
xóm Bến Giềng	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 23"	105° 47' 06"					F-48-56-D-a
xóm Cao Sơn	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 37' 17"	105° 46' 36"					F-48-56-D-c
sông Cầu	TV	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương			21° 40' 03"	105° 47' 21"	21° 37' 09"	105° 48' 23"	F-48-56-D-a
Trường Công nhân Kỹ thuật Mỏ	KX	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 12"	105° 47' 29"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Xe	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 37' 39"	105° 48' 01"					F-48-56-D-a
núi Han	SV	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 35"	105° 47' 55"					F-48-56-D-a
Trại giam Phú Sơn 4	KX	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 39' 22"	105° 46' 23"					F-48-56-D-a
xóm Quang Trung 2	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 38"	105° 47' 19"					F-48-56-D-a
xóm Số 6	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 37' 35"	105° 47' 11"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Số 7	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 01"	105° 46' 42"					F-48-56-D-a
xóm Sơn Cầm	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 38' 02"	105° 47' 36"					F-48-56-D-a
núi Sơn Cầm	SV	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 37' 59"	105° 46' 19"					F-48-56-D-a
xóm Thanh Trà	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 39' 39"	105° 47' 31"					F-48-56-D-a
xóm Thanh Trà 1	DC	xã Sơn Cầm	H. Phú Lương	21° 39' 19"	105° 47' 00"					F-48-56-D-a
xóm Bãi Bằng	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 52"	105° 44' 23"					F-48-56-C-b
xóm Cây Thị	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 45"	105° 46' 19"					F-48-56-D-a
xóm Đan Khê	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 53"	105° 46' 34"					F-48-56-D-a
suối Đồng Chùa	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 42' 49"	105° 45' 31"	21° 42' 26"	105° 46' 43"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Danh	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 59"	105° 45' 20"					F-48-56-D-a
xóm Đồng Lương	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 43' 28"	105° 46' 20"					F-48-56-D-a
suối Đồng Lương	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 43' 44"	105° 46' 39"	21° 43' 15"	105° 46' 20"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Tâm	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 44' 19"	105° 45' 44"					F-48-56-D-a
suối Đồng Tâm	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 45' 19"	105° 45' 41"	21° 44' 41"	105° 45' 55"	F-48-56-D-a
xóm Đồng Tiến	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 45' 21"	105° 45' 49"					F-48-56-B-c
xóm Góc Cọ	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 43' 53"	105° 45' 59"					F-48-56-D-a
xóm Góc Gạo	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 15"	105° 47' 23"					F-48-56-D-a
suối Khe Cái	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 44' 41"	105° 45' 55"	21° 41' 54"	105° 47' 09"	F-48-56-D-a
xóm Khe Cốc	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 39"	105° 44' 38"					F-48-56-C-b
xóm Minh Hợp	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 43' 16"	105° 44' 37"					F-48-56-C-b
xóm Ngòi Tranh	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 52"	105° 46' 42"					F-48-56-D-a
xóm Thôm Găng	DC	xã Tức Tranh	H. Phú Lương	21° 42' 25"	105° 45' 36"					F-48-56-D-a
suối Thôm Găng	TV	xã Tức Tranh	H. Phú Lương			21° 42' 21"	105° 46' 11"	21° 42' 21"	105° 47' 03"	F-48-56-D-a
xóm Bình Long	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 46"	105° 44' 44"					F-48-56-C-b
sông Cầu	TV	xã Võ Tranh	H. Phú Lương			21° 41' 40"	105° 47' 03"	21° 40' 01"	105° 47' 23"	F-48-56-D-a
xóm Cầu Bình	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 31"	105° 44' 35"					F-48-56-C-b
suối Cầu Đạt	TV	xã Võ Tranh	H. Phú Lương			21° 42' 19"	105° 45' 07"	21° 40' 28"	105° 45' 13"	F-48-56-D-a
xóm Liên Đồng	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 42"	105° 46' 28"					F-48-56-D-a
xóm Liên Hồng 3	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 11"	105° 46' 11"					F-48-56-D-a
xóm Liên Hồng 7	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 46"	105° 45' 43"					F-48-56-D-a
núi Lìm	SV	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 47"	105° 46' 25"					F-48-56-D-a
xóm Phú Lương	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 12"	105° 46' 31"					F-48-56-D-a
trại giam Phú Sơn 4	KX	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 39' 49"	105° 46' 29"					F-48-56-D-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Thống Nhất	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 36"	105° 47' 04"							F-48-56-D-a
cầu Thống Nhất	KX	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 19"	105° 45' 30"							F-48-56-D-a
xóm Toàn Thắng	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 21"	105° 47' 11"							F-48-56-D-a
núi Trà Lầu	SV	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 40' 58"	105° 46' 57"							F-48-56-D-a
xóm Trung Thành	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 33"	105° 45' 23"							F-48-56-D-a
xóm Việt Hưng	DC	xã Võ Tranh	H. Phú Lương	21° 41' 47"	105° 44' 32"							F-48-56-C-b
sông Xoan Đào	TV	xã Võ Tranh	H. Phú Lương					21° 41' 13"	105° 45' 52"	21° 41' 40"	105° 47' 03"	F-48-56-D-a
quốc lộ 3	KX	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương					21° 49' 56"	105° 42' 59"	21° 46' 36"	105° 42' 24"	F-A-56-A-d
xóm An Thắng	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 49' 37"	105° 41' 22"							F-A-56-A-d
xóm Ao Thén	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 50' 20"	105° 42' 29"							F-A-56-A-d
xóm Ba Tư	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 49' 41"	105° 42' 34"							F-A-56-A-d
xóm Cây Khế	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 49' 19"	105° 41' 42"							F-A-56-A-d
xóm Cây Treo	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 47' 33"	105° 42' 02"							F-A-56-A-d
xóm Đá Mài	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 49' 34"	105° 42' 00"							F-A-56-A-d
xóm Đồng Chùa	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 59"	105° 41' 49"							F-A-56-A-d
xóm Gia Trống	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 36"	105° 42' 00"							F-A-56-A-d
xóm Gốc Vải	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 37"	105° 42' 04"							F-A-56-A-d
xóm Hạ	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 47' 53"	105° 40' 41"							F-A-56-A-d
xóm Hang Thảm	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 26"	105° 43' 58"							F-A-56-A-d
xóm Hín	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 47' 35"	105° 42' 54"							F-A-56-A-d
xóm Kém	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 47' 44"	105° 42' 52"							F-A-56-A-d
núi Khau Luông	SV	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 49' 21"	105° 43' 22"							F-A-56-A-d
xóm Khe Mác	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 32"	105° 44' 06"							F-A-56-A-d
xóm Khe Thượng	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 46' 19"	105° 41' 46"							F-A-56-A-d
xóm Khe Trĩ	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 40"	105° 43' 59"							F-A-56-A-d
cầu Khôn Lồng	KX	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 32"	105° 41' 02"							F-A-56-A-d
xóm Lang	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 47' 17"	105° 42' 11"							F-A-56-A-d
xóm Lũng Cuội	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 30"	105° 43' 46"							F-A-56-A-d
xóm Phố Trào	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 47' 46"	105° 42' 32"							F-A-56-A-d
xóm Thảm Trào	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 49' 49"	105° 42' 22"							F-A-56-A-d
xóm Thanh Thế	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 47' 17"	105° 41' 42"							F-A-56-A-d
xóm Thượng	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 35"	105° 41' 07"							F-A-56-A-d
xóm Trung	DC	xã Yên Đỗ	H. Phú Lương	21° 48' 25"	105° 40' 41"							F-A-56-A-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Ao Đồng	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 49' 02"	105° 45' 08"					F-A-56-B-c
sông Ao Đồng	TV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương			21° 49' 04"	105° 45' 36"	21° 48' 05"	105° 44' 20"	F-A-56-B-c, F-A-56-A-d
xóm Ao Lác	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 31"	105° 45' 19"					F-A-56-B-c
xóm Cầu Đá	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 28"	105° 46' 02"					F-A-56-B-c
xóm Cây Thị	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 41"	105° 46' 14"					F-A-56-B-c
xóm Đầu	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 41"	105° 44' 48"					F-A-56-A-d
núi Đèo Bụt	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 09"	105° 46' 35"					F-A-56-B-c
xóm Đồng Bông	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 44' 33"	105° 44' 40"					F-A-56-C-b
xóm Đồng Mỏ	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 42"	105° 45' 43"					F-A-56-B-c
suối Đồng Xiêm	TV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương			21° 48' 04"	105° 45' 36"	21° 47' 06"	105° 45' 47"	F-A-56-B-c
núi Gianh	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 33"	105° 45' 29"					F-A-56-B-c
đèo Gianh	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 36"	105° 46' 01"					F-A-56-B-c
núi Hang Xa	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 22"	105° 46' 23"					F-A-56-B-c
núi Kim Lan	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 44' 16"	105° 44' 02"					F-A-56-C-b
xóm Làng Lớn	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 10"	105° 45' 36"					F-A-56-B-c
suối Lũng Cù	TV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương			21° 46' 37"	105° 45' 50"	21° 45' 11"	105° 44' 35"	F-A-56-B-c
xóm Mương Găng	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 44"	105° 45' 43"					F-A-56-B-c
xóm Nà Mạ	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 45' 36"	105° 43' 44"					F-A-56-A-d
đèo Nam	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 59"	105° 45' 11"					F-A-56-B-c
núi Nhà Tây	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 57"	105° 46' 11"					F-A-56-B-c
xóm Ó	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 07"	105° 44' 33"					F-A-56-A-d
đèo Ó	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 11"	105° 45' 25"					F-A-56-B-c
đèo Ông Đồng	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 47' 38"	105° 45' 22"					F-A-56-B-c
núi Tân	SV	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 48' 14"	105° 45' 27"					F-A-56-B-c
xóm Tiên Thông A	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 34"	105° 45' 04"					F-A-56-B-c
xóm Tiên Thông B	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 46' 19"	105° 44' 13"					F-A-56-A-d
xóm Yên Thủy 1	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 45' 58"	105° 44' 31"					F-A-56-A-d
xóm Yên Thủy 2	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 45' 18"	105° 44' 10"					F-A-56-A-d
xóm Yên Thủy 5	DC	xã Yên Lạc	H. Phú Lương	21° 43' 50"	105° 44' 18"					F-A-56-C-b
quốc lộ 3	KX	xã Yên Ninh	H. Phú Lương			21° 52' 57"	105° 46' 11"	21° 49' 56"	105° 42' 59"	F-48-56-B-a, F-48-56-A
xóm Ba Họ	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 50' 10"	105° 45' 11"					F-48-56-B-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Ba Luồng	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 53' 49"	105° 46' 01"					F-48-56-B-a
hồ Bình Dương	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 51' 29"	105° 44' 01"					F-48-56-A
sông Chợ Chu	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương			21° 52' 57"	105° 46' 12"	21° 54' 12"	105° 43' 35"	F-48-56-B-a F-48-56-A
núi Đan Đen	SV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 51' 31"	105° 45' 35"					F-48-56-B-c
xóm Đồng Danh	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 50' 35"	105° 43' 12"					F-48-56-A
sông Đồng Giang	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương			21° 50' 47"	105° 43' 39"	21° 52' 28"	105° 44' 45"	F-48-56-A
xóm Đồng Kém 4	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 41"	105° 43' 55"					F-48-56-A
xóm Đồng Phú 1	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 19"	105° 44' 24"					F-48-56-A
xóm Đồng Phú 2	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 59"	105° 44' 13"					F-48-56-A
xóm Khe Khoang	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 54' 11"	105° 45' 40"					F-48-56-B-a
núi Khôn Thung	SV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 00"	105° 45' 30"					F-48-56-B-c
khuai Khuru	SV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 54' 34"	105° 45' 28"					F-48-56-B-a
xóm Lăng Muồng	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 53' 53"	105° 44' 48"					F-48-56-B-a
hồ Pắc Nho	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 49"	105° 43' 56"					F-48-56-A
xóm Suối Bắc	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 41"	105° 45' 36"					F-48-56-B-a
xóm Suối Hang	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 52' 01"	105° 44' 46"					F-48-56-A
xóm Yên Phú	DC	xã Yên Ninh	H. Phú Lương	21° 51' 36"	105° 44' 10"					F-48-56-A
sông Yên Trạch	TV	xã Yên Ninh	H. Phú Lương			21° 52' 22"	105° 43' 24"	21° 52' 28"	105° 44' 45"	F-48-56-A
xóm Bãi Kinh	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 05"	105° 41' 46"					F-A-56-A
xóm Bần Cãi	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 50' 59"	105° 40' 03"					F-A-56-A
núi Chu Pa	SV	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 22"	105° 40' 20"					F-48-56-A
hồ Cỏ Tằng	TV	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 23"	105° 42' 00"					F-48-56-A
xóm Đin Đeng	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 06"	105° 42' 12"					F-A-56-A
xóm Đồng Quốc	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 01"	105° 43' 16"					F-A-56-A
xóm Héo	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 29"	105° 40' 26"					F-A-56-A
xóm Khau Đu	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 36"	105° 42' 18"					F-A-56-A
xóm Khôn Cươn	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 04"	105° 41' 42"					F-A-56-A
xóm Khôn Lặng	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 49' 55"	105° 40' 41"					F-A-56-A
hồ Nà Liên	TV	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 48"	105° 40' 47"					F-48-56-A
xóm Nà Mấy	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 50' 53"	105° 40' 55"					F-A-56-A
xóm Nà Phàng	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 50' 28"	105° 40' 12"					F-A-56-A
xóm Nông	DC	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 52' 23"	105° 42' 22"					F-A-56-A

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
hồ Thơm Căng	TV	xã Yên Trạch	H. Phú Lương	21° 51' 43"	105° 43' 06"					F-48-58-A
tổ Cổ Rồng	DC	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 38' 00"	106° 04' 38"					F-48-57-A-c
cầu Đình Cả	KX	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 45' 07"	106° 04' 26"					F-48-57-A-c
xóm Làng Lương	DC	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 45' 25"	106° 03' 37"					F-48-57-A-c
cầu Rắn	KX	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 45' 04"	106° 03' 54"					F-48-57-A-c
tổ Tiên Phong	DC	TT. Đình Cả	H. Võ Nhai	21° 45' 38"	106° 04' 18"					F-48-57-A-c
xóm An Bình	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 29"	106° 11' 36"					F-48-57-C-b
xóm An Long	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 29"	106° 10' 38"					F-48-57-C-b
xóm Bàu	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 05"	106° 11' 01"					F-48-57-C-b
xóm Bứa	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 35"	106° 10' 10"					F-48-57-C-b
núi Cạm Lợn	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 40' 18"	106° 09' 50"					F-48-57-C-b
xóm Cây Trôi	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 05"	106° 10' 48"					F-48-57-C-b
xóm Chiến Thắng	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 42"	106° 09' 54"					F-48-57-C-b
xóm Chip	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 37"	106° 11' 02"					F-48-57-C-b
xóm Chùa	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 58"	106° 10' 12"					F-48-57-C-b
đèo Duối	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 37"	106° 10' 39"					F-48-57-C-b
xóm Đại Long	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 46"	106° 10' 34"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Tiến	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 57"	106° 09' 41"					F-48-57-C-b
đèo Giao	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 40' 13"	106° 09' 24"					F-48-57-C-b
núi Hang Ốc	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 38' 24"	106° 10' 33"					F-48-57-C-b
núi Lân Vong	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 38' 42"	106° 09' 56"					F-48-57-C-b
xóm Long Thành	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 40' 05"	106° 10' 56"					F-48-57-C-b
xóm Nà Đăm	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 20"	106° 09' 39"					F-48-57-C-b
xóm Nà Sọc	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 14"	106° 09' 53"					F-48-57-C-b
sườn Nậm Cam	TV	xã Bình Long	H. Võ Nhai			21° 37' 23"	106° 11' 42"	21° 36' 29"	106° 10' 44"	F-48-57-C-d
xóm Ôt Dải	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 20"	106° 10' 54"					F-48-57-C-b
xóm Phố	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 38' 45"	106° 11' 05"					F-48-57-C-b
xóm Quảng Phúc	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 37' 53"	106° 10' 44"					F-48-57-C-b
xóm Trại Rẻo	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 41"	106° 11' 15"					F-48-57-C-b
sông Trung	TV	xã Bình Long	H. Võ Nhai			21° 39' 13"	106° 09' 35"	21° 38' 41"	106° 11' 22"	F-48-57-C-b
xóm Vên	DC	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 39' 07"	106° 10' 13"					F-48-57-C-b
núi Xuất Tắc	SV	xã Bình Long	H. Võ Nhai	21° 40' 46"	106° 11' 13"					F-48-57-C-b
xóm Bình Sơn	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 46' 04"	105° 58' 40"					F-48-58-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
suối Bốc	TV	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai			21° 47' 28"	105° 59' 31"	21° 46' 19"	105° 58' 19"	F-48-56-B-d
suối Đồng Heo	TV	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai			21° 45' 41"	105° 57' 02"	21° 44' 18"	105° 56' 21"	F-48-56-B-d, F-48-56-B-b
xóm Lam Sơn	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 46' 20"	105° 58' 29"					F-48-56-B-d
xóm Lân Thìa	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 47' 08"	105° 57' 43"					F-48-56-B-d
xóm Mỏ Chì (khu B)	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 44' 50"	105° 57' 55"					F-48-56-D-b
suối Nhỏ	TV	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai			21° 48' 45"	105° 59' 24"	21° 48' 21"	105° 58' 59"	F-48-56-B-d
xóm Nước Hai	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 45' 17"	105° 57' 00"					F-48-56-B-d
suối Tân Khau	TV	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai			21° 45' 36"	105° 58' 59"	21° 45' 58"	105° 58' 37"	F-48-56-B-d
xóm Trường Sơn	DC	xã Cúc Đường	H. Võ Nhai	21° 45' 38"	105° 57' 27"					F-48-56-B-d
đường tỉnh 242	KX	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 40' 30"	106° 06' 39"	21° 40' 01"	106° 09' 26"	F-48-57-C-a, F-4857-C-b
xóm Ba Phẳng (Ba Phẳng)	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 41"	106° 08' 59"					F-48-57-C-b
xóm Bắc Hà	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 37' 37"	106° 07' 02"					F-48-57-C-a
xóm Bắc Phong	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 58"	106° 07' 49"					F-48-57-C-b
xóm Chế	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 04"	106° 08' 07"					F-48-57-C-b
núi Chôm Vung	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 37' 33"	106° 08' 28"					F-48-57-C-b
suối Đà Mài	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 38' 07"	106° 07' 01"	21° 37' 56"	106° 06' 00"	F-48-57-C-a
xóm Đoàn Kết	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 51"	106° 08' 27"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Chuối	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 11"	106° 07' 44"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Quán	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 16"	106° 07' 50"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Rà	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 41' 37"	106° 08' 18"					F-48-57-C-b
suối Đồng Voi	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 37' 59"	106° 06' 53"	21° 38' 12"	106° 05' 56"	F-48-57-C-b
xóm Đồng Voi	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 47"	106° 09' 29"					F-48-57-C-b
xóm Giang	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 49"	106° 05' 56"					F-48-57-C-a
núi Hang Huyện	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 09"	106° 06' 47"					F-48-57-C-a
núi Lân Vai	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 24"	106° 07' 40"					F-48-57-C-b
núi Lân Vong	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 42"	106° 09' 56"					F-48-57-C-b
suối Làng Giang	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 39' 32"	106° 07' 46"	21° 39' 06"	106° 05' 07"	F-48-57-C-b
xóm Làng Mười	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 12"	106° 07' 01"					F-48-57-C-a
xóm Mỏ Bến	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 42' 22"	106° 07' 06"					F-48-57-C-a
núi Mọ Yên	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 08"	106° 08' 28"					F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
núi Nở	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 14"	106° 08' 55"							F-48-57-C-b
xóm Núi Lèn	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 41' 12"	106° 06' 47"							F-48-57-C-a
xóm Phương Bá	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 36"	106° 07' 37"							F-48-57-C-b
hồ Quán Chè	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 38' 31"	106° 07' 32"							F-48-57-C-b
sông Rong	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			24° 40' 26"	106° 06' 36"	21° 39' 13"	106° 09' 35"			F-48-57-C-b
xóm Tân Tiến	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 41' 08"	106° 07' 09"							F-48-57-C-a
xóm Thân Dáng	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 42' 11"	106° 07' 45"							F-48-57-C-b
xóm Thịnh Khánh	DC	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 39' 58"	106° 07' 19"							F-48-57-C-a
núi Voi Đăm	SV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai	21° 40' 32"	106° 06' 54"							F-48-57-C-a
suối Voi Đăm	TV	xã Dân Tiến	H. Võ Nhai			21° 42' 09"	106° 07' 52"	21° 40' 36"	106° 07' 13"			F-48-57-C-b
quốc lộ 1B	KX	xã La Hiến	H. Võ Nhai			21° 41' 56"	105° 53' 39"	21° 43' 65"	105° 58' 19"			F-48-56-D-b
núi Ao Trời	SV	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 47"	105° 58' 02"							F-48-56-D-b
núi Ba Làng	SV	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 30"	105° 55' 57"							F-48-56-D-b
xóm Cây Bòng	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 44' 15"	105° 55' 04"							F-48-56-D-b
xóm Cây Thị	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 45' 15"	105° 55' 40"							F-48-56-D-b
núi Con Hổ	SV	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 25"	105° 53' 46"							F-48-56-D-b
suối Đát	TV	xã La Hiến	H. Võ Nhai			21° 43' 57"	105° 55' 38"	21° 41' 42"	105° 55' 00"			F-48-56-D-b
xóm Đồi Sim	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 10"	105° 57' 05"							F-48-56-D-b
xóm Đồng Đĩnh	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 23"	105° 55' 58"							F-48-56-D-b
xóm Đồng Dong	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 34"	105° 54' 40"							F-48-56-D-b
cầu Gát	KX	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 18"	105° 57' 21"							F-48-56-D-b
xóm Giai	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 44' 00"	105° 58' 00"							F-48-56-D-b
đồi Gốc Đa	SV	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 15"	105° 54' 43"							F-48-56-D-b
xóm Hang Hòn	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 09"	105° 55' 29"							F-48-56-D-b
xóm Hiền Minh	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 48"	105° 55' 47"							F-48-56-D-b
xóm Khôn Vạc	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 53"	105° 54' 27"							F-48-56-D-b
xóm La Đồng	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	105° 58' 35"							F-48-56-D-b
xóm La Thè	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	105° 56' 55"							F-48-56-D-b
núi Lân Hồng	SV	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 35"	105° 57' 17"							F-48-56-D-b
xóm Lang Lai	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	105° 57' 54"							F-48-56-D-b
xóm Lịch Sơn	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 43' 33"	105° 55' 12"							F-48-56-D-b
xóm Phố	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 01"	105° 54' 49"							F-48-56-D-b
núi Thảm Bao	SV	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 44' 37"	105° 56' 11"							F-48-56-D-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phân hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
nhà máy Xi măng La Hiến	KX	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 02"	105° 54' 05"					F-48-58-D-b
xóm Xuân Hoà	DC	xã La Hiến	H. Võ Nhai	21° 42' 52"	105° 58' 03"					F-48-58-D-b
quốc lộ 1B	KX	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai							
đèo Bụt	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 13' 47"	105° 58' 21"					F-48-57-C-a
xóm Cây Hồng	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 24"	106° 02' 28"					F-48-57-C-a
xóm Chiềng	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 18"	106° 02' 58"					F-A-57-A-c
núi Cốc	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 23"	105° 58' 42"					F-48-58-D-b
đèo Cút	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 14' 08"	105° 57' 30"					F-48-57-C-a
xóm Đá	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 37"	105° 58' 50"					F-48-58-D-b
xóm Đồng Chân	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 37"	106° 03' 70"					F-48-57-C-a
xóm Hang	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 52"	106° 00' 21"					F-48-57-C-a
xóm La Hóa	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 51"	106° 01' 13"					F-48-57-C-a
xóm La Mạ	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 38"	106° 02' 02"					F-48-57-C-a
núi Lân Chi	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 21"	105° 59' 28"					F-48-58-D-b
núi Lân Cứng	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 43"	105° 59' 22"					F-48-58-D-b
núi Lân Yếu	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 06"	105° 59' 56"					F-48-58-D-b
núi Lăng Lai	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 32"	105° 58' 49"					F-48-58-D-b
dãy núi Lò Sén	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 12"	105° 58' 30"					F-48-58-D-b
xóm Mạ Cao	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 59"	106° 01' 31"					F-48-57-C-a
núi Mỏ Hánh	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 54"	106° 01' 21"					F-48-57-C-a
suối Mỏ Hánh	TV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai			21° 44' 55"	106° 04' 00"	21° 44' 38"	106° 00' 11"	F-48-58-A-c, F-48-58-C-a
xóm Nà Dương	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 52"	106° 02' 45"					F-48-57-C-a
xóm Non Ghẹo	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 25"	106° 01' 39"					F-48-57-C-a
xí nghiệp Phương Đông	KX	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 45"	105° 58' 26"					F-48-58-D-b
xóm Trúc Mai	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 48"	105° 59' 11"					F-48-58-D-b
cầu Trúc Mai	KX	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 39"	105° 58' 53"					F-48-58-D-b
núi Vệ Đồi	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 03"	105° 58' 51"					F-48-58-D-b
đèo Vương	SV	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 14' 25"	105° 58' 24"					F-48-57-C-a
xóm Yên Ngựa	DC	xã Lâu Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 13"	106° 00' 50"					F-48-57-C-a
suối Búa	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 39' 32"	106° 03' 20"	21° 38' 32"	106° 03' 15"	F-48-57-C-a
núi Cây Bám	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 42' 30"	106° 01' 09"					F-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
núi Chúc Mai	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 43' 08"	105° 59' 47"					F-48-56-D-b
suối Dao	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 39' 19"	106° 04' 02"	21° 38' 20"	106° 03' 29"	F-48-57-C-a
suối Đà Mai	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 38' 59"	106° 03' 01"	21° 36' 51"	106° 04' 20"	F-48-57-C-a
núi Đồng Xa	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 42' 02"	106° 02' 05"					F-48-57-C-a
đèo Giang	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 09' 31"	106° 00' 04"					F-48-57-C-a
núi Gò Dài	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 43' 02"	106° 00' 23"					F-48-57-C-a
núi Hang Cốc	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 43' 30"	106° 00' 19"					F-48-57-C-a
xóm Kẹ	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 40' 16"	106° 04' 42"					F-48-57-C-a
đèo Kẹ	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 09' 58"	105° 59' 28"					F-48-57-C-a
xóm Khôn Đà	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 40' 25"	106° 03' 50"					F-48-57-C-a
xóm Khôn Nang	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 43' 10"	106° 01' 53"					F-48-57-C-a
suối Khôn Nang	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 42' 46"	106° 00' 04"	21° 43' 17"	106° 02' 42"	F-48-57-C-a
suối Khôn Ngòi	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 42' 20"	106° 00' 49"	21° 41' 29"	106° 01' 06"	F-48-57-C-a
suối Khôn Phụng	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 42' 21"	106° 00' 11"	21° 41' 29"	106° 01' 06"	F-48-57-C-a
đèo Lác	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 38' 23"	106° 04' 41"					F-48-57-C-a
xóm Máng Lợn	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 37' 49"	106° 04' 40"					F-48-57-C-a
xóm Nác	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 38' 50"	106° 04' 14"					F-48-57-C-a
xóm Ngọc Mỹ	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 47"	106° 03' 29"					F-48-57-C-a
xóm Nhàu	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 33"	106° 01' 08"					F-48-57-C-a
núi Nhàu	SV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 60"	106° 01' 26"					F-48-57-C-a
suối Nhàu	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 41' 29"	106° 01' 06"	21° 41' 18"	106° 02' 52"	F-48-57-C-a
xóm Nho	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 04"	106° 04' 07"					F-48-57-C-a
suối Nho	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 41' 18"	106° 02' 52"	21° 41' 07"	106° 04' 37"	F-48-57-C-a
xóm Suối Trám	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 39' 13"	106° 02' 30"					F-48-57-C-a
xóm Thôm	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 26"	106° 03' 44"					F-48-57-C-a
suối Trám	TV	xã Liên Minh	H. Võ Nhai			21° 39' 51"	106° 01' 36"	21° 38' 59"	106° 03' 01"	F-48-57-C-a
xóm Vang	DC	xã Liên Minh	H. Võ Nhai	21° 41' 24"	106° 02' 20"					F-48-57-C-a
suối Bàn Đai	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 53' 06"	106° 04' 37"	21° 52' 37"	106° 03' 18"	F-48-57-A-a
xóm Bàn Nưa	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 30"	106° 04' 38"					F-48-57-A-c
xóm Bàn Rải	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 53' 10"	106° 04' 35"					F-48-57-A-a
xóm Cải	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 07"	106° 03' 40"					F-48-57-A-c
xóm Chang	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 51' 57"	106° 04' 10"					F-48-57-A-c
núi Cuối Sen	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 50' 46"	106° 05' 56"					F-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng								Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối				
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Hạ Lương	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 08"	106° 06' 27"							F-48-57-A-c
núi Khau Chó Mò	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 53' 25"	106° 03' 24"							F-48-57-A-a
núi Khuổi Òn	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 27"	106° 05' 45"							F-48-57-A-c
khau Khuổi Hoa	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 51' 49"	106° 05' 18"							F-48-57-A-c
xóm Khuổi Òn	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 53' 01"	106° 05' 26"							F-48-57-A-a
khau Khuổi Òn	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 24"	106° 06' 08"							F-48-57-A-c
xóm Nà Bon	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 50' 20"	106° 05' 10"							F-48-57-A-c
xóm Nà Hấu	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 49' 50"	106° 05' 28"							F-48-57-A-c
xóm Nà Răm	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 39"	106° 03' 19"							F-48-57-A-a
suối Nghinh Tường	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 50' 12"	106° 05' 27"	21° 53' 01"	106° 02' 02"			F-48-56-A-c, F-48-56-B-b
xóm Nhầu	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 50' 55"	106° 04' 59"							F-48-57-A-c
núi Pe Ka	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 54' 52"	106° 07' 36"							F-48-57-A-b
suối Sen	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 50' 35"	106° 06' 36"	21° 50' 13"	106° 05' 49"			F-48-57-A-c
xóm Thôn Phụng	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 52' 03"	106° 02' 57"							F-48-57-A-c
xóm Thôn Thao	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 51' 18"	106° 04' 22"							F-48-57-A-c
xóm Thượng Lương	DC	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 54' 11"	106° 05' 50"							F-48-57-A-a
suối Thượng Lương	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 53' 56"	106° 05' 34"	21° 53' 24"	106° 05' 18"			F-48-57-A-a
khuổi Òn	TV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai			21° 53' 10"	106° 05' 53"	21° 53' 06"	106° 04' 37"			F-48-57-A-a
núi Xa	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 55' 13"	106° 05' 11"							F-48-57-A-a
núi Xa Hòn	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 50' 01"	106° 05' 13"							F-48-57-A-c
núi Xa Khang	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 56' 11"	106° 05' 03"							F-48-57-A-a
núi Xa Khôn	SV	xã Nghinh Tường	H. Võ Nhai	21° 54' 48"	106° 07' 45"							F-48-57-A-a
xóm Âu	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 17"	106° 07' 26"							F-48-57-A-d
xóm Ba Nhất	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 44' 30"	106° 06' 39"							F-48-57-C-a
suối Cạn	TV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai			21° 46' 05"	106° 04' 58"	21° 45' 17"	106° 04' 42"			F-48-57-A-c
xóm Cao Biền	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 48' 13"	106° 05' 16"							F-48-57-A-c
xóm Cao Lâm	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 21"	106° 05' 13"							F-48-57-A-c
xóm Cầu Vẽ	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 59"	106° 05' 28"							F-48-57-A-c
núi Cờ	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 08"	106° 08' 46"							F-48-57-A-d
núi Con Voi	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 55"	106° 07' 00"							F-48-57-A-c
cầu Đình Cả	KX	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 06"	106° 04' 26"							F-48-57-A-c
xóm Đồng Lan	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 43' 48"	106° 08' 00"							F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Đồng Mỏ	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 22"	106° 06' 36"					F-48-57-A-c
xóm Mỏ Gà	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 33"	106° 07' 27"					F-48-57-A-c, F-48-57-A-d
hang Mỏ Gà	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 38"	106° 07' 05"					F-48-57-A-c
cầu Mỏ Gà I	KX	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 34"	106° 07' 16"					F-48-57-A-c
cầu Mỏ Gà II	KX	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 34"	106° 07' 05"					F-48-57-A-c
xóm Nà Khảo	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 50"	106° 04' 57"					F-48-57-A-c
hang Nà Khảo	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 48' 23"	106° 04' 56"					F-48-57-A-c
núi Nà Phai	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 22"	106° 01' 55"					F-48-57-A-c
xóm Nà Pheo	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 08"	106° 06' 03"					F-48-57-A-c
núi Nam Long	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 48' 43"	106° 05' 01"					F-48-57-A-c
xóm Nghè	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 09"	106° 06' 59"					F-48-57-A-c
xóm Phất	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 41"	106° 06' 25"					F-48-57-A-c
xóm Phương Hoàng	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 32"	106° 06' 56"					F-48-57-A-c
hang Phương Hoàng	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 50"	106° 06' 57"					F-48-57-A-c
núi Sác Tua	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 51' 22"	106° 05' 52"					F-48-57-A-c
xóm Suối Cạn	DC	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 37"	106° 04' 49"					F-48-57-A-c
núi Tam Tấn	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 11"	106° 07' 53"					F-48-57-A-d
núi Tam Tấu	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 36"	106° 08' 27"					F-48-57-A-d
núi Thượng Càng	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 47"	106° 05' 57"					F-48-57-A-c
núi Tiên	SV	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 46' 46"	106° 06' 00"					F-48-57-A-c
cầu Vẽ	KX	xã Phú Thượng	H. Võ Nhai	21° 45' 43"	106° 05' 17"					F-48-57-A-c
xóm Bàn	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 14"	106° 09' 23"					F-48-57-C-b
suối Bưởi	TV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai			21° 42' 17"	106° 13' 20"	21° 41' 25"	106° 11' 20"	F-48-57-C-b
xóm Cao	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 10"	106° 09' 03"					F-48-57-C-b
xóm Cù	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 49"	106° 10' 11"					F-48-57-C-b
xóm Đồng Dong	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	106° 12' 27"					F-48-57-C-b
xóm Giữa	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 44"	106° 09' 38"					F-48-57-C-b
núi Hang Diêm	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 04"	106° 10' 12"					F-48-57-C-b
xóm Kén	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 42' 02"	106° 09' 38"					F-48-57-C-b
xóm Khôn Châu	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 42' 37"	106° 13' 09"					F-48-57-C-b
xóm Là Mè	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 40' 42"	106° 09' 25"					F-48-57-C-b
xóm Mìn	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 22"	106° 09' 44"					F-48-57-C-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	Vĩ độ (số, phút, giây)	Kinh độ (số, phút, giây)	
xóm Nà Bả	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 32"	106° 10' 44"					F-48-57-C-b
xóm Nà Hang	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 44' 04"	106° 09' 38"					F-48-57-C-b
xóm Nà Khoan	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 52"	106° 09' 17"					F-48-57-C-b
đèo Ngà	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 40' 55"	106° 10' 54"					F-48-57-C-b
sườn Pác Tắc	TV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai			21° 44' 40"	106° 09' 55"	21° 42' 28"	106° 10' 01"	F-48-57-C-b
xóm Phương Đồng	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 38"	106° 09' 41"					F-48-57-C-b
núi Rủ Rập	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 43' 30"	106° 13' 48"					F-48-57-C-b
núi Tam Tấn	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 44' 38"	106° 10' 20"					F-48-57-C-b
núi Thần Tiên	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 49"	106° 10' 11"					F-48-57-C-b
núi Thỏm Giang	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 42' 42"	106° 09' 13"					F-48-57-C-b
sườn Xóm Bản	TV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai			21° 42' 18"	106° 09' 57"	21° 41' 42"	106° 09' 51"	F-48-57-C-b
xóm Xuất Tắc	DC	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 41' 58"	106° 12' 16"					F-48-57-C-b
núi Xuất Tắc	SV	xã Phương Giao	H. Võ Nhai	21° 40' 46"	106° 11' 12"					F-48-57-C-b
xóm Bản Chương	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 53' 21"	105° 59' 32"					F-48-57-A-a, F-48-58-B-b
xóm Bó Quang	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 52"	106° 00' 14"					F-48-57-A-a
sườn Bó Quang	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 55' 05"	106° 00' 00"	21° 54' 16"	106° 00' 22"	F-48-57-A-a
núi Búp Lan	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 32"	105° 58' 09"					F-48-58-B-b
kuổi Chao	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 55' 30"	106° 00' 54"	21° 54' 29"	106° 00' 43"	F-48-57-A-a
xóm Châu	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 53' 36"	105° 58' 17"					F-48-58-B-b
kuổi Cong	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 53' 38"	105° 57' 14"	21° 53' 38"	105° 58' 16"	F-48-58-B-b
xóm Đông Lý	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 29"	106° 01' 21"					F-48-57-A-a
núi Khau Âu	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 13"	105° 56' 40"					F-48-58-B-b
núi Khau Phăng	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 56' 43"	106° 02' 46"					F-48-57-A-a
xóm Khau Vàng	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 31"	106° 01' 15"					F-48-57-A-a
sườn Khau Vàng	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 59' 28"	106° 02' 24"	21° 54' 47"	106° 01' 41"	F-48-57-A-a
xóm Kuổi Chao	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 04"	106° 00' 45"					F-48-57-A-a
núi Kuổi Lừa	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 31"	105° 59' 09"					F-48-58-B-b
xóm Kuổi Tát	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 50"	106° 02' 35"					F-48-57-A-a
kuổi Mèo	TV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai			21° 52' 16"	105° 58' 34"	21° 52' 44"	105° 58' 48"	F-48-58-B-b
xóm Nà Cà	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 05"	106° 00' 06"					F-48-58-B-b
núi Nà Dăng	SV	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 53' 49"	106° 00' 38"					F-48-57-A-a
xóm Nà Lay	DC	xã Sảng Mộc	H. Võ Nhai	21° 54' 56"	105° 59' 21"					F-48-58-B-b

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
xóm Nà Nọi	DC	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 52' 37"	106° 01' 06"					F-48-57-A-a
xóm Nghinh Tắc	DC	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 51' 53"	106° 00' 28"					F-48-57-A-c
suối Nghinh Tường	TV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai			21° 48' 43"	106° 07' 08"	21° 48' 43"	106° 07' 08"	F-48-57-A-a
núi Phía Nam (Phía Nan)	SV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 56' 04"	106° 00' 29"					F-48-57-A-a
núi Phẳng Diên (Phẳng Diên)	SV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 31"	105° 59' 30"					F-48-56-B-b
xóm Phú Cốc	DC	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 46' 20"	106° 00' 03"					F-48-56-B-d
núi Siê Leng	SV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 53' 10"	105° 57' 21"					F-48-56-B-b
núi Sinh Kim	SV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 56' 09"	105° 58' 06"					F-48-56-B-b
xóm Tân Lập	DC	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 28"	106° 02' 24"					F-48-57-A-a
khuổi Tát	TV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai			21° 56' 33"	106° 02' 21"	21° 53' 11"	106° 00' 12"	F-48-57-A-a
khuổi Tinh	TV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai			21° 54' 36"	105° 57' 32"	21° 53' 40"	105° 58' 16"	F-48-56-B-b
khuai Tura	SV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 55' 12"	105° 57' 32"					F-48-56-B-b
khuai Vàng	SV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai	21° 56' 18"	106° 01' 17"					F-48-57-A-a
khuổi Xóm	TV	xã Sáng Mộc	H. Võ Nhai			21° 54' 58"	105° 57' 54"	21° 53' 38"	105° 58' 48"	F-48-56-B-b
suối Cái	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 47' 47"	105° 51' 15"	21° 47' 00"	105° 56' 11"	F-48-56-B-c
núi Cốc Chém	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 33"	105° 54' 15"					F-48-56-B-d
núi Gươm	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 47' 54"	105° 45' 55"					F-48-56-B-c
xóm Hạ Sơn Tây	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 48' 22"	105° 51' 38"					F-A-56-B-c
chùa Hoài	KX	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 51' 31"	105° 53' 20"					F-A-56-B-d
suối Khe Tập	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 49' 05"	105° 51' 04"	21° 48' 36"	105° 50' 24"	F-48-56-B-c
xóm Khuổi Pung	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 51' 27"	105° 53' 52"					F-A-56-B-d
suối Kim	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 50' 55"	105° 54' 52"	21° 51' 16"	105° 54' 18"	F-48-56-B-d
xóm Kim Sơn	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 48' 02"	105° 53' 58"					F-A-56-B-d
xóm Lân Hoài	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 51' 17"	105° 53' 11"					F-A-56-B-d
núi Lung Goài	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 46"	105° 53' 21"					F-48-56-B-d
núi Mạ Khao	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 51' 17"	105° 56' 34"					F-48-56-B-d
xóm Mỏ Thương	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 52"	105° 54' 54"					F-A-56-B-d
núi Nà Chiêm	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 55' 59"	106° 00' 42"					F-48-56-B-d
núi Nà Lầy	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 09"	105° 45' 41"					F-48-56-B-c
núi Nà Páng	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 49"	105° 52' 42"					F-48-56-B-d

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	Vĩ độ (°0, phút, giây)	Kinh độ (°0, phút, giây)	
suối Nội	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 50' 40"	105° 53' 48"	21° 48' 48"	105° 53' 27"	F-48-56-B-d
núi Nùng Păng	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 12"	105° 54' 24"					F-48-56-B-d
suối Pô	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 48' 32"	105° 54' 47"	21° 48' 11"	105° 54' 29"	F-48-56-B-d
núi Póc Ngo	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 50' 07"	105° 53' 09"					F-48-56-B-d
núi Tam Tu	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 49' 02"	105° 47' 29"					F-48-56-B-c
xóm Tân Kim	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 52' 44"	105° 54' 04"					F-A-56-B-b
núi Tân	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 52' 08"	105° 53' 10"					F-48-56-B-d
suối Thác Kiếm	TV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai			21° 54' 07"	105° 56' 20"	21° 52' 30"	105° 55' 44"	F-48-56-B-b
xóm Trung Sơn	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 48' 14"	105° 53' 52"					F-A-56-B-d
núi Vải	SV	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 54' 06"	105° 56' 53"					F-48-56-B-b
xóm Xuyên Sơn	DC	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 49' 48"	105° 54' 46"					F-A-56-B-d
đập Xuyên Sơn	KX	xã Thần Xa	H. Võ Nhai	21° 49' 55"	105° 54' 54"					F-48-56-B-d
xóm An Thành	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 47' 58"	105° 57' 19"					F-48-56-B-d
suối Huổi Tát	TV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai			21° 50' 13"	105° 58' 47"	21° 48' 36"	105° 58' 01"	F-48-56-B-d
núi Khao Nia	SV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 50' 15"	105° 58' 58"					F-48-56-B-d
xóm Khuổi Mèo	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 51' 31"	105° 57' 06"					F-48-56-B-d
xóm Lục Thành	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 48' 22"	105° 57' 47"					F-48-56-B-d
xóm Lũng Cà	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 50' 16"	105° 58' 19"					F-48-56-B-d
xóm Lũng Cóm	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 50' 50"	105° 59' 27"					F-48-56-B-d
xóm Lũng Hoài	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 49' 13"	105° 59' 24"					F-48-56-B-d
núi Mạ Khao	SV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 51' 17"	105° 55' 34"					F-48-56-B-d
núi Nghinh Tắc	SV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 51' 30"	105° 59' 16"					F-48-56-B-d
xóm Tân Sơn	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 47' 03"	105° 56' 23"					F-48-56-B-d
xóm Tân Thành	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 48' 44"	105° 57' 58"					F-48-56-B-d
suối Thượng Nung	TV	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai			21° 48' 36"	105° 58' 01"	21° 46' 59"	105° 56' 13"	F-48-56-B-d
xóm Trung Thành	DC	xã Thượng Nung	H. Võ Nhai	21° 49' 08"	105° 57' 41"					F-48-56-B-d
xóm Ba Nhắt	DC	xã Trảng Xá	H. Võ Nhai	21° 44' 15"	106° 05' 56"					F-48-57-C-a
suối Cầu Chéo	TV	xã Trảng Xá	H. Võ Nhai			21° 42' 10"	106° 04' 55"	21° 41' 19"	106° 04' 45"	F-48-57-C-a
xóm Chời Hồng	DC	xã Trảng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 40"	106° 07' 15"					F-48-57-C-a
xóm Đền	DC	xã Trảng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 54"	106° 04' 25"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Danh	DC	xã Trảng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 06"	106° 04' 55"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Ân	DC	xã Trảng Xá	H. Võ Nhai	21° 42' 49"	106° 04' 15"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Mỏ	DC	xã Trảng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 24"	106° 05' 22"					F-48-57-C-a

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
núi Đồng Mô	SV	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 52"	106° 05' 09"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Ruộng	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 42' 07"	106° 03' 43"					F-48-57-C-a
xóm Đồng Tác	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 57"	106° 04' 57"					F-48-57-C-a
núi Hang Cáo	SV	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 44' 02"	106° 06' 28"					F-48-57-C-a
xóm Khôn Ruộng	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 42' 36"	106° 05' 42"					F-48-57-C-a
suối Làng Đèn	TV	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai			21° 41' 39"	106° 04' 28"	21° 42' 15"	106° 05' 27"	F-48-57-C-a
núi Lều	SV	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 39"	106° 05' 38"					F-48-57-C-a
xóm Mỏ Bể	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 17"	106° 06' 07"					F-48-57-C-a
xóm Mỏ Đinh	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 41"	106° 05' 03"					F-48-57-C-a
núi Một	SV	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 41' 56"	106° 05' 57"					F-48-57-C-a
xóm Nà Bo	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 09"	106° 06' 47"					F-48-57-C-a
xóm Nà Đông	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 27"	106° 05' 43"					F-48-57-C-a
sông Rong	TV	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai			21° 44' 14"	106° 04' 32"	21° 04' 26"	106° 06' 36"	F-48-57-C-a
núi Sơn Đám	SV	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 16"	106° 06' 22"					F-48-57-C-a
xóm Tân Đào	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 42' 20"	106° 06' 05"					F-48-57-C-a
xóm Tân Thành	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 25"	106° 04' 01"					F-48-57-C-a
xóm Thành Tiến	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 53"	106° 03' 25"					F-48-57-C-a
xóm Tráng	DC	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 40' 57"	106° 05' 41"					F-48-57-C-a
núi Tráng	SV	xã Tráng Xá	H. Võ Nhai	21° 43' 02"	106° 04' 45"					F-48-57-C-a
khuổi Cà	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 50' 46"	106° 03' 04"	21° 50' 13"	106° 02' 24"	F-48-57-A-c
suối Cao	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 50' 31"	106° 00' 43"	21° 50' 13"	106° 02' 24"	F-48-57-A-c
xóm Đồng Đình	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 23"	106° 00' 44"					F-48-57-A-c
xóm Khe Cỏi	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 49' 53"	106° 03' 49"					F-48-57-A-c
suối Khe Cỏi	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 50' 00"	106° 03' 47"	21° 50' 35"	106° 04' 00"	F-48-57-A-c
xóm Khe Nọi	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 50' 14"	106° 01' 10"					F-48-57-A-c
xóm Khe Rạc	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 47' 18"	106° 01' 36"					F-48-57-A-c
suối Khe Rạc	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 47' 56"	106° 01' 16"	21° 47' 20"	106° 01' 26"	F-48-57-A-c
xóm Khe Rịa	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 50"	106° 02' 42"					F-48-57-A-c
núi Mỏ Non	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 29"	106° 04' 07"					F-48-57-A-c
xóm Nà Cà	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 50' 19"	106° 02' 42"					F-48-57-A-c
xóm Nà Mây	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 47' 40"	105° 59' 15"					F-48-56-B-d
xóm Nà Rang	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 36"	106° 01' 06"					F-48-57-A-c
núi Nám	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 48' 27"	106° 01' 58"					F-48-57-A-c

Địa danh	Nhóm đối tượng	Tên ĐVHC cấp xã	Tên ĐVHC cấp huyện	Tọa độ vị trí tương đối của đối tượng						Phiên hiệu mảnh bản đồ địa hình
				Tọa độ trung tâm		Tọa độ điểm đầu		Tọa độ điểm cuối		
				Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	Vĩ độ (độ, phút, giây)	Kinh độ (độ, phút, giây)	
khau Nao	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 51' 45"	106° 01' 55"					F-48-57-A-c
khau Nja	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 51' 02"	106° 00' 56"					F-48-57-A-c
suối Rja	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 48' 40"	106° 02' 46"	21° 49' 19"	106° 01' 34"	F-48-57-A-c
xóm San Kan	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 47' 41"	106° 03' 03"					F-48-57-A-c
khau Sơn	SV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 50' 18"	106° 02' 07"					F-48-57-A-c
xóm Suối Lạn	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 50' 42"	106° 04' 08"					F-48-57-A-c
xóm Suối Niềng	DC	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai	21° 51' 03"	106° 03' 24"					F-48-57-A-c
suối Thượng Nhung	TV	xã Vũ Chấn	H. Võ Nhai			21° 47' 38"	106° 03' 00"	21° 21' 48"	106° 01' 16"	F-48-57-A-c

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Nguyễn Linh Ngọc